

Bertrand Russell
(*Nguyễn Hiến Lê dịch*)

**CHINH PHỤC
HẠNH PHÚC**



VĂN HÓA

Chinh phục hạnh phúc

BERTRAND RUSSELL

Nguyễn Hiến Lê dịch

CHINH PHỤC HẠNH PHÚC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

TỰA

(của dịch giả)

Lâm Ngữ Đường trong cuốn *The importance of living* chê các triết gia Phương Tây quá chú trọng tới các vấn đề viễn vông (như tranh luận nhau về sự tự tại của Thượng Đế, sự bất diệt của linh hồn, bản thể hiện tượng, hiện sinh...) mà bỏ qua vấn đề quan trọng nhất, tức vấn đề phải sống ra làm sao : như vậy thật là phù phiếm, không khác một anh chàng chỉ ve vãn một thiếu nữ mà không nghĩ tới chuyện xây tổ ấm với nàng.

Lâm vẫn có tật hơi nói quá. Sự thực, thế kỉ nào mỗi dân tộc phương Tây cũng có được vài triết gia danh tiếng đặt lại vấn đề nhân sinh, như thế kỉ này ở Pháp

có Alain, André Maurois, ở Đức có Luise Rinser¹ ở Anh có Bertrand Russell... Những tác phẩm các nhà đó bàn về hạnh phúc, về nghệ thuật sống, đều được độc giả rất hoan nghênh, chỉ có các trường học và các giáo sư triết là không nhắc tới thôi. Chính lối dạy triết ở phương Tây mới đáng trách là chỉ "ve vãn" cuộc sống, quá coi trọng trí dục.

Bertrand Russell nhờ không ve vãn cuộc sống mà sống thực sự, sống mãnh liệt, sống hăng say, sống chẳng riêng cho ông mà cho tất cả nhân loại, nên được thế giới ngưỡng mộ là "triết gia nhân bản vĩ đại nhất của thế kỉ". Tiểu sử của ông, tôi đã chép riêng trong một cuốn, sẽ xuất bản sau cuốn này, cho nên ở đây tôi chỉ xin giới thiệu quan niệm của ông về hạnh phúc.

*

Trước hết chúng ta cần biết ông bóm sinh có tinh thần rất tò mò mà rất độc lập, muốn tự tìm hiểu mọi vấn đề mà không chịu chấp nhận một tư tưởng nào cả, không chịu theo một tập tục nào cả, nếu ông không thấy là đúng, là hữu lý. Ông lại rất thành thực, can đảm phơi bày hết ý nghĩ của mình, bất chấp dư luận, nên đã có hoi, gần trọn một xã hội, xã hội Mi, mặt sát ông thậm tệ là truy lạc, vô liêm sỉ, dâm dăng, phản Chúa, vãn

¹ Tôi đã dịch và sắp in cuốn "Dire oui à la vie" của bà ; nhan đề tiếng Đức : *Gesprache uber Lebensfragen - Gesprache von Mensch zu Mensch*

vân. Sự thực họ chẳng hiểu gì ông cả : ông có một nền đạo đức rất cao, rất yêu vợ, yêu con, nhất là yêu toàn thể nhân loại như anh em của ông vậy Ông đã bỏ đạo Ki Tô nhưng chắc Chúa Ki Tô phải nhận ông là con cưng của Ngài vì ở thế kỉ này chưa chắc có ai theo đúng đạo bác ái của Ngài hơn ông, ông không biết nhiều về đạo Phật, có tới bốn vợ, và khi nổi cơn giận, ông không chừa một ai, nhưng chắc Đức Thích Ca cũng phải nhận ông là bậc La hán, vì suốt đời ông, ông “day dứt gần như không chịu nổi những đau khổ của nhân loại”.

Nhờ ba đặc tính đó : tinh thần độc lập, can đảm và thương người, ông có một quan niệm độc đáo về nhân sinh, về hạnh phúc và tác phẩm **Chinh phục hạnh phúc** này không thể đem so sánh với bất kì một tác phẩm nào khác cùng loại được. Ông chỉ trình bày những suy tư riêng của ông, không cần viện lời dẫn nào của một triết gia nào cả.

Ngay từ hồi năm tuổi, ông đã thấy đời dài quá, chán quá, tới tuổi thiếu niên, đã mấy lần ông muốn tự tử, nhưng rồi ông suy nghĩ về đời sống, cho rằng bốn phận đầu tiên của con người là chinh phục hạnh phúc, và trong mấy chục năm sau ông tìm những qui tắc để đạt được hạnh phúc, đem ra áp dụng, thấy có kết quả, mỗi ngày một yêu đời thêm lên, càng về già càng yêu đời. “có thể nói rằng sống thêm được năm nào thì yêu đời thêm năm đó”. Năm 58 tuổi (1930) ông chép những suy tư cùng kinh nghiệm của ông thành cuốn này, với

lòng tin tưởng rằng "rất ít người nhất định từ chối hạnh phúc, nếu họ có cách tìm được hạnh phúc", mà cách ông đề nghị với chúng ta đã có hiệu quả đối với ông thì cũng đáng cho ta thử. Tôi không rõ đã nhiều người thử chưa, chỉ biết cuốn **Chinh phục hạnh phúc** mới xuất bản đã được hoan nghênh liền, vào hạng bán chạy nhất thời đó, đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ, và cho tới nay, sau hơn chục năm vẫn được in lại đều đặn.

Ông nhận như phần đông chúng ta rằng đau khổ một phần do ngoại giới, một phần do nội tâm, một phần do chế độ xã hội, một phần do tâm lý cá nhân, mà tâm lý cá nhân một phần lớn do chế độ xã hội gây nên. Ông đã viết nhiều cuốn khác đề nghị cải tạo lại xã hội, chẳng hạn các cuốn **Qui tắc xây dựng lại xã hội** (1916) **Hôn nhân và luân lý** (1929), **Giáo dục và trật tự xã hội** (1932)..., không kể rất nhiều diễn văn và bài báo đề tìm cách diệt chiến tranh, diệt thói bóc lột kinh tế..., cho nên trong cuốn này ông muốn xét riêng về phương diện tâm lý cá nhân, hạn chế vấn đề một cách rõ rệt như sau : trong cái xã hội hiện tại, một người đủ an đủ mặc, có sức khỏe bình thường, không gặp những tai biến quá lớn lao, mà thấy khổ là do đâu ? làm sao tìm lại được hạnh phúc ?

Theo ông, có ba nguyên nhân chánh :

1. Chúng ta chú ý tới bản thân nhiều quá, nghĩ tới mình nhiều quá, tự coi cá nhân mình là quan trọng,

là trung tâm vũ trụ, quên rằng mình chỉ là một hạt cát trên địa cầu, mà địa cầu cũng chỉ là một hạt cát trong căn khôn ; vì chỉ nghĩ tới mình nên chúng ta mới ham quyền năng, ganh tị, bất mãn về người, tự cho mình là bị người đời ghét bỏ, ngược đãi, có khi bất mãn về chính mình nữa ;

2. - Chúng ta không hoạt động một cách quân bình, kẻ thì nhân eit, nghi ngại viên vông, sinh ra phiền muộn ; kẻ thì trái lại, hì hục làm việc suốt ngày, đêm cũng không nghỉ, tưởng rằng như vậy là "cạnh tranh để sinh tồn", mà sự thực chỉ là cạnh tranh để có xe hơi, nhà lầu, có nhiều tiền để gửi ngân hàng, tức để hơn ông hàng xóm, để "thành công" theo quan niệm "man rợ" của người Mi ; như vậy tất nhiên mệt mỏi, đau thần kinh, đau tim, đau bao tử... không hưởng thú ở đời được, làm cho cả những người chung quanh mình bị khó lây ;

Hai nguyên nhân đó nhiều người đã nhắc tới rồi, nguyên nhân thứ ba dưới đây mới là phần can đảm nhất trong tư tưởng của ông :

3. - Chúng ta khổ vì chúng ta lệ thuộc tập tục và luân lý cổ truyền, thứ luân lý "ta bu" (tabou), đầy những cảm kỵ vô lý, nhất là quá sợ dư luận, không dám sống theo ý ta : không trút bỏ được những mặc cảm tội lỗi do gia đình và xã hội dồn ép trong cõi tiềm thức của ta từ hồi ta còn bập bẹ.

Trình bày những nguyên nhân chính của đau khổ đó rồi, ông đưa ra mấy qui tắc chinh phục hạnh phúc. Những qui tắc này rất đơn giản : phải yêu, yêu người thân : yêu đồng bào, nhân loại, chú ý tới càng nhiều tới sự vật chung quanh ta càng tốt, như vậy để khỏi suy nghĩ hoài về bản thân, phải hành động, làm cái gì có ích cho nhân quần chứ đừng ganh đua để có nhiều tiền hơn ông hàng xóm, nếu có thất bại thì nên nhớ rằng còn những người khác, những thế hệ sau tiếp nối công việc của mình, mình chỉ là một giọt nước trong cái dòng sinh hoạt bất tuyệt thôi, chính dòng sinh hoạt này mới quan trọng, chứ cá nhân mình chẳng quan trọng gì cả ; và phải can đảm dùng với tin một giáo điều một luân lý nào cả, phải đem lí trí ra xét lại hết, tìm lấy một luân lý cho mình : luân lý đó là coi trọng hạnh phúc, hành động nào gây được hạnh phúc cho mình mà không có hại gì cho ai, thì dù xã hội cho là xấu xa, cũng cứ làm.

Đó đại cương triết lí về hạnh phúc của Bertrand Russell như vậy. Nó là triết lí tình thương và hành động, có tính cách duy lý, thực tế, tự do, can đảm, phản kháng, nhưng có những nét cao đẹp (như khi bàn về mục đích nhân sinh - chương XV, XVI) và đôi khi sâu sắc (như khi ông bảo con người có tâm hồn, muốn làm nên sự nghiệp phải tập chịu sự phiền muộn, buồn tẻ - chương VI).

Những qui tắc đó, chính ông đã theo đúng. Tôi chỉ xin đan cử chứng cứ dưới đây. Ông sinh trong một qui

tộc bậc nhất của Anh, vào cuối một thời đại luân lí rất nghiêm khắc, thời đại Nữ hoàng Victoria : xã hội ông cho con người đang hoàng thì không uống rượu, không hút thuốc, mà sự ân ái giữa vợ chồng chỉ là để có con nòi dòi chứ không phải là một nguồn hạnh phúc. Hối mười lăm tuổi, ông thấy một số giáo điều của đạo Ki Tô vô lí, nên sau ông bỏ đạo : ông li dị bà vợ, lại còn dám dè cao hôn nhân thì nghiêm, như vậy là chống lại với toàn thể xã hội. Nhưng chính nhờ theo luân lí riêng của ông, can đảm sống theo lối ông, mà ông lần lần tìm được hạnh phúc : năm 80 tuổi, ông cưới bà Edith Finch và cuộc hôn nhân này thành công mỹ mãn. Ông tặng bà mấy câu này :

"Sau bao nhiêu năm cô độc,

Bây giờ anh mới được biết cuộc sống và ái tình.

Bây giờ đây, nếu phải ngủ giấc ngàn thu

Thì anh sẽ nằm xuống hoàn toàn mãn nguyện".

Rốt cuộc thế giới đã chẳng chê ông mà còn ngưỡng mộ ông.

Năm 1950, ông được giải Văn chương Nobel về cuốn **Hôn nhân và luân lí** (viết năm 1929).

Quả thực ông đã "chinh phục" được hạnh phúc. Dĩ nhiên, ai muốn theo gót ông, phải tự xét trước đã xem có đủ bản lĩnh và đức độ như ông không, kéo mà thất bại

Chinh ông đã nói trước ở đầu sách ; “Nhưng công thức tôi sẽ trình với độc giả chỉ có giá trị duy nhất này là đã được sự quan sát và kinh nghiệm của bản thân xác nhận là đúng...” ; “tôi không biết chắc có thể giúp độc giả tìm được hạnh phúc không”, mỗi độc giả phải “đoán lấy chứng bệnh của mình rồi tìm phương trị”.

Bertrand Russell là một giáo sư triết, một triết gia, nhưng khi viết cuốn này ông là một triết nhân. Tôi vẫn thích nghe lời đàm đạo của một triết nhân, vì giọng không đạo mạo như giọng các giáo sư mà cũng không độc đoán như giọng đa số các triết gia

Vẫn ông sáng sủa, xét chung, không tritu tượng, mà lại dí dỏm. Nhưng dù sao, tác phẩm này cũng có tính cách triết lí, nên có chỗ cần phải suy nghĩ ít nhiều, không thể đọc một hơi như tiểu thuyết được.

Muốn cho tác phẩm được phổ thông, tôi đã dịch thoát, cắt bớt nhiều đoạn ngắn không hợp với tình thần, hoặc trình độ đa số độc giả, và thêm một ít chú thích, ngoài những chú thích tôi đã ghi rõ là của tác giả. Những chữ đặt trong dấu móc (...) cũng của tôi thêm vào.

Không có nguyên tác tiếng Anh, tôi đành phải dùng bản dịch của nhà Payot (Paris). Tôi ngờ rằng bản dịch này có vài chỗ sai hoặc in lóm, nên tôi phải chằm chằm sau khi nêu ra để độc giả xét đoán.

Sài gòn, ngày 10-10-71

TỰA

(của tác giả)

Cuốn này không viết cho các nhà bác học hoặc cho những người coi một vấn đề thực tế chỉ là một dấu đề để bàn phiếm. Những trang sau đây không chứa một triết lí thâm thúy hoặc một kiến thức uyên bác nào đâu. Mục đích duy nhất của tôi là gom lại ít nhận xét mà cái tôi cho là lương thức đã gọi ra cho tôi. Những công thức tôi sẽ trình với độc giả chỉ có giá trị duy nhất này là đã được sự quan sát và kinh nghiệm của bản thân tôi xác nhận là đúng và mỗi khi tôi hành động hợp với những công thức đó thì luôn luôn hạnh phúc của tôi được phong phú thêm. Cho nên tôi dám mong rằng trong số các đàn ông và đàn bà đau khổ mà không lấy vấy làm thích (H), sẽ có vài người đọc cuốn này mà đoán được chứng bệnh của mình rồi tìm được phương trị. Sở dĩ tôi viết cuốn này là vì tin chắc rằng nhiều người đau khổ nếu biết gắng sức đúng theo chiều hướng thì sẽ tìm được hạnh phúc.

BERTRAND RUSSELL

*Tôi tin rằng tôi có thể thay đổi cuộc đời của
tôi mà đi sống chung với loài vật, chúng thuận
hòa và cương quyết làm sao*

*Tôi ngồi đó và nhìn chúng một hồi lâu, một
hồi lâu,
Chúng không đổ quạu hoặc rên rỉ về thân
phận của chúng,*

*Chúng không thức suốt đêm để khóc vì tội lỗi
của chúng,*

*Chúng không làm cho tôi lộn ruột vì tranh
biện về những bốn phận đối với Thượng Đế,*

*Không một con vật nào là bất mãn, không
một con nào có cái tính điên khùng muốn cái này
cái nọ làm của mình,*

*Không một con nào phản kháng một con
khác, mà cũng không phản kháng những con
đồng loại sống cả ngàn năm trước nó,*

*Khắp thế giới, không thấy một con vật nào là
trịnh trọng hoặc đau khổ.*

WALT WHITMAN

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYÊN NHÂN
CỦA ĐAU KHỔ

1

CÁI GÌ LÀM CHO NGƯỜI TA ĐAU KHỔ ?

Loài vật khỏe mạnh và có đủ thức ăn là luôn luôn sung sướng. Người ta có cảm tưởng rằng loài người đáng lẽ cũng phải như vậy chứ, thế mà trong thế giới hiện đại, đa số lại khác hẳn. Nếu chính bạn cảm thấy mình khổ sở thì chắc bạn sẽ sẵn sàng nhận rằng chẳng phải chỉ có một mình mình đau khổ. Còn như nếu bạn sung sướng thì bạn thử tự hỏi xem trong số bạn bè, có được bao nhiêu người sung sướng. Và khi bạn đã chú ý xét các bạn bè rồi, bạn nên rán tập cái nghệ thuật đọc trên nét mặt của con người đi, để nhận được tâm tính những người bạn gặp hằng ngày.

“Trên mỗi khuôn mặt, tôi thấy một cái theo”.

Blak viết : theo nhu nhược, theo đạo khổ. Đâu đâu bạn cũng thấy những kẻ khổ sở, mặc dầu trường hợp mỗi người một khác. Tôi thí dụ rằng bạn đương ở New York, nơi tiêu biểu cho những đô thị lớn hiện đại. Bạn đứng ở trên một con đường đông đúc vào giờ đi làm việc, hoặc trên một đại lộ trong ngày nghỉ cuối tuần,

hoặc buổi tối bạn vô một tiệm khiêu vũ. Bạn trút bỏ cái "ngã" của bạn đi mà lẩn lẩn tự nhập vào cá tính những người ở chung quanh. Bạn sẽ nhận thấy mỗi đám đông đó có những niềm lo lắng riêng của họ. Trong đám đông tới giờ đi làm việc, bạn sẽ thấy nỗi ưu tư, dăm chiêu, thấy triệu chứng của bệnh khó tiêu, thấy người nào người nấy chỉ lo chiến đấu, không chú ý tới cái gì khác, không đùa giỡn được, mà thân nhiên đối với tất cả những người khác. Những ngày nghỉ cuối tuần, nhìn các đường lớn, bạn sẽ thấy đàn ông và đàn bà, ai nấy đều phong lưu, vài kẻ rất giàu, mãi mê đuổi theo khoái lạc. Họ cùng theo một tốc độ nhất luật, tức tốc độ của chiếc xe chậm nhất trong hàng : họ không thể nhìn thấy đường nữa vì xe đẩy nghẹt, mà cũng không thể ngắm phong cảnh vì hễ liếc ngang là có thể bị tai nạn : tất cả những người ngồi xe đều muốn xe mình vượt xe khác, nhưng làm sao vượt được vì đông quá : nếu họ quên được những điều bận tâm của họ đi - trường hợp những người không lái xe - thì họ lại bị một nỗi chán nản vô cùng xâm chiếm và trên nét mặt họ hiện lên vẻ bất bình thối bi. Có khi một bọn người da màu lái xe mà to vẻ vui nhón, làm cho mọi người bực tức, và rốt cuộc thế nào cũng bị cảnh sát thộp cổ vì gây ra tai nạn : vui đùa trong một ngày nghỉ, đâu có được phép vậy.

Hoặc giả bạn ngắm một đám đông dự một cuộc hội họp vui vẻ buổi tối. Kẻ nào tới đó cũng quyết tâm chơi bời cho thỏa thích, cũng như khi lại nhà y người ta cương quyết không rên la gì cả. Họ biết rằng ốm cô bá

vai nhau mà nhau nhét thì nhất định là phải vui ; cho nên họ nốc cho mau say và làm bộ không thấy bạn bè của họ ghé thăm họ ra sao. Uống cho đã rồi, họ khóc lóc, xót xa cho thân phận : thực là bất hiếu, phụ công nuôi nấng và tình yêu của mẹ. Rượu chỉ giúp cho họ giải thoát cái mặc cảm tội lỗi của họ ; mặc cảm đó khi tỉnh, bị lí trí nén xuống.

Nguyên nhân của mấy hình thức đau khổ đó, một phần là do chế độ xã hội, một phần khác là do tâm lí cá nhân, mà tâm lí cá nhân, dĩ nhiên, phần lớn cũng do chế độ xã hội gây nên. Tôi đã có lần xét phải thay đổi chế độ xã hội ra sao để cho hạnh phúc con người được phát triển. Trong cuốn này tôi không muốn nói về sự trừ diệt chiến tranh, trừ diệt thói bóc lột kinh tế, trừ diệt chính sách giáo dục tàn nhẫn làm cho con người hóa ra sợ sệt. Tìm ra một chế độ tránh chiến tranh, là điều cần thiết cho sự sinh tồn của nền văn minh chúng ta, nhưng không một chế độ nào có thể đứng vững được khi mà con người khổ sở tới nỗi thà tiêu diệt lẫn nhau còn hơn là phải nhìn ánh sáng mặt trời. Nếu chúng ta muốn rằng sự sản xuất bằng máy móc đem lại nhiều cái lợi hơn cho những kẻ cần được hưởng hơn cả, thì ta phải diệt sự nghèo khổ đi ; nhưng làm cho mọi người thành giàu có để làm gì đây, nếu họ giàu có mà vẫn khổ ? Chính sách giáo dục làm cho con người hóa sợ sệt, là một chính sách xấu ; nhưng làm sao có thể có một chính sách khác được khi mà chính những kẻ có nhiệm vụ dạy dỗ lại bị sự sợ sệt chi phối ?

Những nhận xét đó khiến tôi nghĩ tới cách giải quyết vấn đề hạnh phúc cá nhân¹ ; ở giữa cái xã hội sâu thẳm này, một người đàn ông hay đàn bà có thể làm được gì, trong một hoàn cảnh nào đó, để tạo hạnh phúc cho mình ? Trong khi tìm giải pháp cho vấn đề đó, tôi không xét trường hợp những người nghèo khổ quá mức, hoặc đau ốm quanh năm. Tôi chỉ xét trường hợp những người kiếm được đủ ăn, đủ mặc, sức khỏe khá khá để có thể hoạt động về thể chất một cách bình thường. Tôi cũng gạt bỏ trường hợp những tai biến lớn lao như quốc gia bị nhục, hoặc khi một người cha bị con cái chết hết. Có nhiều điều quan trọng đáng nói về những trường hợp đó lắm, nhưng nó thuộc về một khu vực khác tôi tạm không xét tới. Trong cuốn này tôi nhắm mục đích đưa ra một phương thuốc trị những nỗi đau khổ thường ngày của đa số dân chúng các nước văn minh : những đau khổ đó có vẻ như không do nguyên nhân ngoại lai, nên cơ hồ như không tránh được, vì vậy càng khó chịu đựng được. Tôi cho rằng tình trạng đó phần lớn do những ý kiến lầm lẫn về thế giới, do những luận lý sai lạc, hoặc những thói sống vô ý thức ; tất cả những cái đó diệt cái bản năng thích những cái gì có thể thực hiện được, mà hạnh phúc của con người và loài vật rất cuộc tùy thuộc những cái có thể thực hiện được. Những cái đó thuộc về khả năng của cá nhân và tôi

¹ Tác giả cho rằng không thay đổi con người thì khó thay đổi được xã hội. Nhưng ông không phủ nhận rằng xã hội ảnh hưởng tới con người (coi lại đoạn trên)

muốn chỉ cho độc giả phải thay đổi tâm trạng, lối sống ra sao để tìm được hạnh phúc (dĩ nhiên cũng cần gặp may một chút mới được).

Để giới thiệu thứ triết lí tôi muốn giảng trong cuốn này, có lẽ không gì bằng kể lại ít điều về đời tôi. Tôi bẩm sinh ra không sung sướng. Hồi nhỏ tôi thích hát khúc này lắm : “Đời đáng chán và đầy những sự bất công”. Hồi năm tuổi tôi hiểu rằng nếu tôi phải sống tới bảy mươi sáu tuổi, thì lúc đó mới qua được một phần mười¹ của trọn đời tôi, và tôi cảm thấy nỗi chán nản mênh mông bất tận, nó trải ra trước mặt tôi, làm sao mà chịu nổi. Hồi thiếu niên tôi đã oán ghét đời sống, và luôn luôn suy tởm tử, nhưng tôi vẫn sống là nhờ muốn học cho giỏi về môn toán. Bây giờ trái lại, tôi yêu đời, gần như có thể nói rằng sống thêm được năm nào, tôi yêu đời thêm năm đó. Sở dĩ vậy, một phần là nhờ tôi đã tìm được những sở thích lớn nhất của tôi và lần lần đạt được những cái đó. Một phần nữa cũng nhờ tôi gạt được ra vài cái sở thích mà tôi biết rằng tuyệt nhiên không sao đạt được, chẳng hạn sự tìm hiểu sự vật cho tới tuyệt đối, và còn vài cái khác nữa.

Nhưng phần lớn là nhờ tôi càng ngày càng bớt chú ý tới bản thân của tôi. Như bao nhiêu người khác có một nền giáo dục nghiêm cách, tôi có thói suy nghĩ về những tội lỗi, đại dột, khuyết điểm của mình. Tôi tự cho

¹ Một phần mười lăm chứ?

mình là thành khốn nạn - mà khốn nạn thật. Lần lần tôi tập được thái độ thần nhiên đối với chính tôi, đối với các tật của tôi ; càng ngày tôi càng tập trung tinh thần vào ngoại vật : tình trạng thế giới, các ngành tri thức, những người mà tôi mến. Tôi thú thực rằng chú ý tới ngoại vật như vậy cũng có thể làm cho mình đau khổ : thế giới có thể bị họa chiến tranh ; tri thức, theo một chiều hướng nào đó, có thể khó đạt được ; bản thân có thể chết. Nhưng những nỗi buồn rầu đó không diệt các bản chất của đời sống như những nỗi buồn rầu do sự ghê tởm về chính mình gây nên. Và hề còn hăng hái chú ý tới ngoại vật thì tự nhiên người ta muốn hoạt động, mà hoàn toàn tránh được sự buồn rầu, chán nản. Trái lại nếu chỉ chú ý tới mình thôi thì chẳng có một hoạt động tấn bộ nào cả, chỉ có thể viết nhật ký, nhờ người phân tâm cho mình, hoặc đi tu. Nhưng một thầy tu không thể sung sướng được nếu tập quán trong tu viện không làm cho thầy quên được linh hồn của thầy đi. Những kẻ bất hạnh đó phải nhờ tới một thứ kỉ luật ở ngoài mới tìm được hạnh phúc, không có cách nào khác để trị được cái tật quá chú ý tới bản thân của họ.

Có nhiều cách quá chú ý tới bản thân. Chúng ta có thể xét ba hạng rất thông thường này : hạng tội lỗi, hạng tự thần phục mình quá mức, hạng tham danh vọng.

Hạng tội lỗi tội nói ở đây không phải là hạng đã mắc một tội lỗi nào đó, theo nghĩa thông thường. Tôi

muốn nói tới hạng người lúc nào cũng nghĩ tới tội của mình, luôn luôn bất bình về mình, - và nếu người đó theo đạo, thì cho rằng Chúa bất bình về mình. Người đó tự tạo một hình ảnh lí tưởng cho mình và thấy cái con người thực của mình luôn luôn xung đột với con người lí tưởng đó. Trong phần hữu thức (conscient), người đó đã từ lâu liệng bỏ những qui tắc luân lí mẹ dạy hồi còn nhỏ, nhưng mặc cảm tội lỗi có thể vẫn còn chôn sâu trong chỗ vô thức (inconscient) và chỉ hiện lên trong những lúc người đó say rượu hoặc ngủ. Tuy nhiên, mặc cảm tội lỗi đó có thể khá mạnh mà làm cho người đó mất hứng thú ở đời đi. Trong thâm tâm, người đó vẫn còn chấp nhận những nghiêm cấm của mẹ hồi nhỏ. Chửi thề là bậy ; uống rượu là bậy ; xáo quyết trong các công việc hằng ngày là bậy ; và bậy nhất là tính dục. Dĩ nhiên như vậy không có nghĩa là người đó nhìn những thú vui đó đâu ; vẫn hưởng đấy, nhưng mất thú vì cái mặc cảm rằng những thú vui đó hạ phẩm giá của mình xuống. (...) Đối với hạng người đó, nạn nhân của "cái đạo đức" do mẹ truyền, thì bước đầu để tìm hạnh phúc là trút bỏ những tin tưởng và tình cảm hồi nhỏ đi.

Thói tự thán phục mình và thích được người khác thán phục, về một phương diện, trái hẳn với mặc cảm tội lỗi. Thói đó, nếu dừng thái quá thì có thể coi là bình thường, không đáng chê trách ; chỉ khi nào nó thái quá thì mới thành cái hại lớn. Nhiều người đàn bà, nhất là trong giới giàu có, không còn khả năng yêu một người đàn ông nào cả mà chỉ ham được hết thấy bọn đàn ông

yêu mình thôi. Một người đàn bà như vậy ve vãn một người đàn ông và khi biết chắc rằng người này mê mình rồi, thì thôi, không còn quan tâm tới người đó nữa. Đàn ông cũng có người mắc tật đó nhưng ít hơn ; trường hợp điển hình là nhân vật chính trong tiểu thuyết "Liaisons dangereuses"¹ Khi lòng tự kiêu đạt tới cái mức đó thì không thể nào thành tâm quý mến người khác được, do đó ái tình không thể tạo được vui thích thực sự. Hạng người đó có lưu tâm tới cái gì khác thì cũng thất bại tai hại hơn nữa. Chẳng hạn họ thấy các họa sĩ danh tiếng được thiên hạ ngưỡng mộ, cũng đi học vẽ, những môn vẽ đối với họ chỉ là một phương tiện để đạt một mục đích, nên họ không bao giờ thích cái thuật vẽ, và nhìn vào cảnh vật nào cũng chỉ thấy cái bản ngã của họ thôi. Hậu quả là thất bại, thất vọng đáng lẽ được khen ngợi, ngưỡng mộ như họ mong mỏi, thì bị thiên hạ chế nhạo. (...) Người nào chỉ chú ý tới bản thân mình thôi thì không đáng được thần phục và chẳng được ai thần phục cả. Như vậy là không đạt được mục đích. Dù người đó có thành công thì cũng không bao giờ hoàn toàn sung sướng. Con người thời cổ lỗ có thể hãnh diện được khen là sẵn bản giới, nhưng cũng biết yêu hoạt động sẵn bản. Tự kiêu tới quá một mức nào đó thì mất cái thú hoạt động để hoạt động, do đó nhất định sinh ra thờ ơ, chán nản. Nhiều khi tật đó cũng do thiếu tự tin nữa mà cách

¹ Của Choderlos de Laclos (1782) nhân vật đó là bá tước De Valmont, một gã gian hùng, lánh đạ, không hề yêu một người đàn bà nào

trị là phải nuôi lòng tự trọng. Nhưng muốn tự trọng thì phải hoạt động vì một mục tiêu nào đó và thành công đã.

Hạng người ham danh vọng khác hạng người tự thán phục mình ở chỗ muốn được người ta sợ mình, chứ không muốn được người ta yêu. Nhiều kẻ điên khùng và hầu hết các vĩ nhân trong lịch sử thuộc vào hạng người này. Con người bình thường cũng có bản tính thích quyền hành ; chỉ khi nào bản tính đó thái quá hoặc đi đôi với một tinh thần thiếu thực tế thì nó mới tai hại, làm cho ta hóa ra khổ sở hoặc lỗ bịch, nếu không phải là vừa khổ sở vừa lỗ bịch. Kẻ điên khùng khi tưởng mình là một vị hoàng đế, có thể là sung sướng đấy, nhưng người bình thường không muốn được sung sướng theo cách đó. Đại đế Alexandre thời cổ Hi Lạp về tâm lý cũng thuộc hạng điên khùng, mặc dầu ông ta có đủ tài để thực hiện được cái này thì lại thêm cái khác. Khi thấy mình là nhà xâm lăng nổi danh nhất thế giới, ông ta tự cho mình là một vị thần. Ông ta có sung sướng không ? Tôi ngờ rằng không vì ông ta có những cơn say túy lúy, những cơn nổi điên lên, và lãnh đạm với đàn bà. Không có sự thỏa mãn hoàn toàn được khi người ta chỉ phát triển một yếu tố của bản tính con người mà làm thui chột tất cả những yếu tố khác ; cũng không thể có sự thỏa mãn hoàn toàn được khi người ta coi thế giới là một vật mình uốn, nặn để biểu dương cái bản ngã của mình.

Thường thường, con người ham danh vọng, dù điên khùng hay bình thường - gọi là bình thường chứ sự thực đâu có bình thường - sở dĩ có tật đó là vì đã có lần bị nhục quá mức. Napoléon đã có mặc cảm tự ti đối với các bạn học (ở trường võ bị) vì thấy họ là hạng quý tộc giàu có, còn mình chỉ là một gã nghèo khổ được học bổng. Khi ông ta cho phép các nhà quý tộc đã xuất ngoại được hồi hương, thấy các bạn học cũ của mình phải cúi rạp dưới chân mình, ông ta khoái lắm ! Nhưng quen mùi, ông ta muốn Nga Hoàng cũng phải cúi rạp trước mặt ông như vậy, và rồi cuộc ông ta bị đẩy ra đảo Sainte-Hélène. Không ai có thể có uy quyền tuyệt đối được, cho nên suốt đời chỉ khao khát tìm quyền thế, thì sớm muộn gì cũng gặp những trở ngại không sao vượt nổi.

Lòng ham muốn quyền hành, nếu vừa phải thôi thì có thể giúp cho ta có được hạnh phúc ; nhưng nếu coi nó là mục đích duy nhất trọn đời thì sẽ tai hại cho tâm hồn, có khi cho đời sống của ta nữa.

Ai cũng biết rằng sự thất vọng có nhiều nguyên nhân tâm lí, nhưng tất cả những nguyên nhân đó đều có một yếu tố chung. Rất nhiều người khổ sở vì hồi trẻ không được một thỏa mãn bình thường nào đó, rồi lớn lên, thêm thuồng sự thỏa mãn đó hơn tất cả những cái khác (...). Nhưng ngày nay có một sự biến chuyển rất thường thấy. Một người có thể cảm thấy bất mãn quá tới nỗi không muốn tìm một thỏa mãn nào nữa mà chỉ

muốn tiêu sấu, quên mọi sự đi, ít sống đi¹ cho đời dễ chịu hơn. Chẳng hạn sự say rượu là một hình thức tự tử trong một lát : cái hạnh phúc khi say rượu có tính cách hoàn toàn tiêu cực, giải sấu trong một lúc. Người ta tự thán phục mình và người ham danh vọng còn tin rằng có thể tìm được hạnh phúc, mặc dầu để tìm hạnh phúc, họ có thể dùng những phương tiện xấu xa ; còn người tự dẫu độc mình, thì đã mất hết hi vọng rồi. Gặp một người như vậy, việc đầu tiên phải làm là thuyết phục người đó rằng hạnh phúc là cái đáng quý, đáng tìm. Những người khổ sở cũng như những người mất ngủ, luôn luôn phô trương tình cảnh của mình. Có lẽ, lòng tự hào của họ cũng như lòng tự hào của con chồn cắt đuôi ; nếu đúng vậy thì phương thuốc là trở cho họ thấy cách làm cho một cái đuôi khác mọc ra được. Tôi nghĩ rất ít người nhất định từ chối hạnh phúc, nếu họ thấy có cách tìm hạnh phúc được. Tôi không bảo rằng không có hạng người đó, nhưng theo tôi, số đó rất ít không đáng bàn tới. Vậy tôi thí dụ rằng độc giả của tôi muốn tìm hạnh phúc. Tôi không biết chắc có thể giúp bạn thực hiện được ý muốn đó không, nhưng dù sao thì cứ thử đi, chẳng có hại gì cả.

¹ Nghĩa là muốn sống mà gần như chết.

2

BỆNH CỦA BYRON¹

Thời đại chúng ta cũng như nhiều thời đại khác trong lịch sử thế giới, có nhiều người cho rằng người minh triết là người thấy nhiệt tâm của tuổi trẻ là vô nghĩa mà trên địa cầu này chẳng có gì đáng quan tâm cả. Những người nghĩ như vậy thực tình là đau khổ nhưng họ lại tự hào về bệnh của họ, mà họ cho là do bản thể của vũ trụ nó như vậy, và thái độ của họ là thái độ duy nhất hợp lí đối với con người sáng suốt. Họ tự hào rằng họ khổ sở, điều đó khiến cho những người kém tế nhị nghi ngờ thái độ của họ là không chân thành : con

¹ Tức bệnh chán đời, Byron (1788-1824) là một thi sĩ lãng mạn Anh. Cõi tiểu sử của ông trong cuốn *Giương Chiền Đẩu* - Nguyễn Hiến Lê, 1966.

người thích khổ sở thì đâu phải là khổ sở. Nhưng lí luận như vậy đơn giản quá ; phải nhận rằng những kẻ chán đời kia khi tự cho mình là cao thượng, sáng suốt hơn thiên hạ thì cũng vui vui một chút, cũng được hưởng một sự đền bù nho nhỏ đấy ; nhưng cái vui đó đâu có đủ để bù cái thiệt hại là không được hưởng những thú vui giản dị nhất. Riêng phần tôi, tôi không cho rằng có một thứ lí tính (rationalité) gì cao cả trong sự đau khổ. Nếu gặp hoàn cảnh thuận lợi thì con người mình triết cũng sung sướng vậy, và nhìn thế giới mà thấy đau lòng quá thì họ sẽ nhìn về chỗ khác. Đó là điều tôi muốn chứng thực trong chương này. Tôi muốn thuyết phục độc giả rằng muốn viên lẽ gì thì viên, lí trí không phải là một trở ngại cho hạnh phúc ; hơn nữa tôi tin chắc rằng những kẻ nào thực tâm cho rằng mình đau khổ vì vũ trụ nó như vậy, vì kiếp người nó như vậy, những kẻ đó đã đạt cái cây trước con bò : sự thực, họ đau khổ vì một lí do nào đó mà họ không biết, rồi họ đâm ra bàn dông dài về những cái chẳng tốt đẹp gì của thế giới trong đó họ sống.

Thái độ bi quan đó, ở thế kỉ chúng ta tại Mĩ, ông Joseph Wood Krutch đã trình bày trong một cuốn nhan đề là : *Tám trạng hiện đại* ; về thế hệ ông bà chúng ta,

thì có Byron ; còn đại diện cho mọi thời thì có tác giả *Truyền đạo thư*¹.

Ông Krutch viết : Chúng ta thua Hóa công rồi, trong vũ trụ thiên nhiên không có chỗ cho chúng ta, nhưng không vì vậy mà phải chịu đau khổ sống cái kiếp người thà chết cho ra con người còn hơn là sống như loài vật”.

Byron viết : Trên đời này không có cái vui gì bằng cái vui hết vui khi mà sự hăng hái của tư tưởng trẻ trung tiêu tan trong sự suy tàn âm ảm của tình cảm”.

Tác giả *Truyền đạo thư* viết : “Và ta đã thấy những kẻ chết đã chết rồi mà sung sướng hơn những kẻ sống còn đương sống, và sung sướng hơn cả hai hạng đó là những kẻ chưa hề sinh ra đời, chưa hề sống, khỏi phải thấy những hành vi xấu xa ở dưới ánh sáng mặt trời”.

Cả ba nhà chán đời đó đã lần lượt xét hết các thú vui trên đời rồi tới những kết luận bi thảm đó. Ông Krutch đã sống trong những giới trí thức nhất của New York ; Byron đã lội qua Hellespont (tức eo biển

¹ *Ecclésiaste* : một thiên trong Cựu Ước Kinh, diễn ý này : Ở đời cái gì cũng là hư ảo. Con người không làm chủ được vận mệnh của mình, giàu sang không phải là hạnh phúc ; chỉ nên tuân mệnh Thượng Đế thôi. Theo truyền thuyết, thiên đó của vua Salomon viết, nhưng chắc là không đúng. Chưa rõ viết về thời nào, nhưng chắc là sau đời Salomon.

Dardanelles) và đã có không biết bao nhiêu tình nhân ; tác giả *Truyện đạo thư* đã hưởng nhiều thú vui thay đổi hơn nữa : uống rượu, nghe nhạc, đủ các thứ khoái lạc, sai đào hồ, có đầy tớ trai, đầy tớ gái và con của bọn này sanh trong nhà ông. Nhưng cả trong những hoàn cảnh đó, ông ta vẫn tỏ ra minh triết chứ. Tuy nhiên ông thấy rằng cái gì cũng hư ảo hết, cả cái minh triết cũng vậy.

Ta đã chuyên tâm tìm hiểu sự minh triết và sự điên khùng, đại đột ; ta đã hiểu rằng cái đó cũng chỉ là bất gió (tức như bất bóng, chỉ là hư không). Vì minh triết nhiều thì buồn rầu cũng nhiều, càng hiểu biết càng đau khổ”.

Sự minh triết của ông cơ hồ làm cho ông bực mình ; ông gắng sức trút bỏ nó mà không được:

Ta nghi bụng : kiếp của ta sẽ cũng như kiếp của thằng ngọc thôi ; tại sao ta sáng suốt hơn làm chi ?”.

“Và ta nghi bụng rằng cái đó cũng là hư ảo nữa.

Ta ghét đời vì sống phải làm việc cực nhọc, vì cái gì cũng là hư ảo, cũng là bất gió cả”.

Thực là may mắn cho các nhà văn mà thiên hạ không đọc những tác phẩm viết từ lâu rồi nữa, vì nếu họ còn đọc thì họ sẽ kết luận rằng viết sách mới, nhất định là việc hảo huyền (...) Không thể biện luận gì với tâm trạng được ; một việc vui hoặc một sự thay đổi về thể chất có thể làm thay đổi nó được. Chính tôi cũng đã

nhiều lần có cái tâm trạng khiến tôi cảm thấy rằng cái gì cũng hư ảo hết ; tôi đã thắng được tâm trạng đó nhờ một nhu cầu khẩn thiết phải hành động, chứ không nhờ một triết lí nào cả. Nếu con của bạn đau, bạn có thể cảm thấy khổ sở, chứ không thể cảm thấy rằng cái gì cũng hư ảo, bạn thấy phải lo việc trị bệnh cho nó mà chẳng cần biết đời người có một giá trị tối hậu nào không. Một người giàu có, có thể cảm thấy (và thường cảm thấy) cái gì cũng hư ảo, nhưng nếu của cải ông ta tiêu tan thì ông ta sẽ thấy có được bữa ăn, không phải là chuyện hư ảo. Sở dĩ người ta có cảm tưởng hư ảo đó vì người ta thỏa mãn được những nhu cầu tự nhiên một cách dễ dàng quá. Con người cũng như mọi loài vật khác, đã quen tranh đấu - gay go hay không - để sống, và khi, nhờ có nhiều của cải, mà con người trí thức (*homo sapiens*) có thể thỏa mãn mọi thị dục của mình, thì vì khỏi phải gắng sức nữa mà mất một yếu tố căn bản cho hạnh phúc. Vì kiếm được dễ dàng quá những cái mà mình không thích gì mấy, người ta mới kết luận rằng thực hiện được sở thích của mình, chẳng phải là hạnh phúc. Nếu lại thêm có cái óc triết một chút, thì sẽ kết luận rằng đời người thật là khôn nạn vì có đủ những cái mình muốn rồi mà cũng vẫn thấy khổ. Hẳn quên rằng một yếu tố cần thiết cho hạnh phúc là biết nhịn vài cái mà mình thích.

Đó xét về tâm trạng thì tôi nghĩ như vậy. Nhưng trong thiên *Truyện đạo thư* còn những lí lẽ thuộc về trí thức nữa :

“Sông nào cũng đổ ra biển, mà biển vẫn không đầy

“Dưới gấm trời này chẳng có gì mới mẻ.

“Cái gì cũ rồi thì không ai nhớ tới.

Ta ghét tất cả công việc mà ta phải làm trên cõi trần này, mà công lao của ta, ta phải để lại cho người kế nghiệp ta hưởng”.

Diễn những lí lẽ đó theo giọng một triết gia hiện đại thì đại khái sẽ như vậy : con người phải làm việc cực nhọc hoài, mà vật chất thì cứ thay đổi hoài, không có gì lâu bền cả, mặc dầu cái tới sau cũng chẳng khác gì cái mới qua. Một người chết đi, kẻ kế thừa hưởng hết công lao của mình ; nước sông đổ ra biển mà không thể ở lại biển. Người và vật cứ kế tiếp nhau sinh rồi tử, trong một cuộc biến chuyển vô cùng mà vô mục đích, chẳng có một sự cái thiện gì cả, chẳng tới một kết quả gì lâu bền cả, ngày này qua ngày khác năm này qua năm khác. Nếu sông kia mà khôn thì ngừng lại đi, đừng chảy nữa. Nếu Salomon kia mà khôn thì đừng trồng cây để cho con trai hưởng nữa.

Nhưng một người có một tinh thần khác sẽ thấy mọi sự khác hẳn ! Không có gì mới mẻ dưới gấm trời này ư ? Vậy ông quên chẳng những ngôi nhà chọc trời, những

phi cơ, những buổi phát thanh của các chính khách? Vua Salomon¹ kia biết gì về tất cả những cái đó? Nếu ông ta nghe được ở đài phát thanh diễn văn của Nữ hoàng Saba² đọc cho thần dân của bà, khi bà ta ở vương quốc Hébreu trở về, thì ông ta cũng được an ủi phần nào chứ, không thấy những hoạt động của ông giữa vườn cây và các hồ của ông là vô ích chứ?

Nếu ông ta có một cơ quan thông tin cho ông hay báo chí khen các công trình kiến trúc của ông đẹp ra sao, hậu cung của ông có đủ tiện nghi ra sao, các địch thủ của ông về triết lí thất vọng ra sao thì ông có tiếp tục bảo rằng không có gì mới ở dưới gầm trời nữa không? Có thể rằng những cái đó không trị được tuyệt cái bệnh chán đời của ông đâu, nhưng ông sẽ bắt buộc phải diễn nổi bi quan của ông một cách khác. Thực vậy, một trong những lí do bất bình của ông Krutch đối với thời đại chúng ta là có nhiều cái mới mẻ ở dưới gầm trời này quá. Không có cái gì mới mẻ thì người ta bất bình, mà có thì người ta cũng bất bình, vậy thì nguyên nhân thực của bất bình đâu phải ở đó.

¹ Hiển nhiên là Salomon, vua Hébreu, không phải là tác giả *Truyện đạo thư*, nhưng cứ coi tác giả là Salomon cho tiện.

² Saba là Nữ hoàng Ả Rập, nghe danh Salomon mà lại vương quốc Hébreu thăm ông.

Xin bạn lại xét sự kiện này nữa : “Con sông nào cũng đổ ra biển mà biển vẫn không đầy ; sông ở đâu phát ra thì lại trở về chỗ đó” (Vì nước biển bốc hơi, thành mây, mưa lại trút xuống nguồn, nước nguồn lại chảy ra biển). Con người chán đời nghĩ như vậy rồi có thể cho rằng đi du lịch chẳng thú gì cả. Thiên hạ từ nhà lại tắm ở các suối nước nóng rồi lại trở về nhà. Như vậy không có nghĩa là không nên đi nghỉ mát. Nếu nước mà cũng có tình cảm như người thì nhất định nó sẽ thích cuộc phiêu lưu tuần hoàn theo kiểu đám mây của Shelley.

Còn cái nỗi khổ tâm phải để lại gia tài cho kẻ kế thừa, thì vấn đề đó có thể xét theo hai quan điểm khác nhau : theo quan điểm của kẻ kế thừa, chắc chắn là chẳng có tai hại gì lắm.

Cái lẽ rằng mọi vật đều qua đi, cũng không thể làm nền tảng cho thái độ chán đời được. Nếu một cái gì qua rồi, tiếp theo là một cái gì xấu hơn, thì còn có lí để mà bi quan ; nhưng nếu tiếp theo là một cái tốt hơn thì nên lạc quan mới là có lí chứ ? Mà nếu như Salomon bảo, những cái tới sau cũng y hệt cái trước thì chúng ta nên nghĩ sao ? Có nên nghĩ rằng toàn bộ sự tiến triển là vô ích không ? Tuyệt nhiên không, trừ phi mỗi giai đoạn của cuộc tuần hoàn đó đều đau khổ cả. Cái thói quen sống trong tương lai và tưởng rằng hiện tại có ý nghĩa hay không là tùy nó sẽ phát sinh được cái gì trong tương lai, thái độ đó làm cho người ta đau khổ. Toàn thể không thể

có giá trị được nếu mỗi thành phần không có giá trị. Không thể coi đời sống là một tuồng hát trong đó có chàng và nàng phải trải qua những nỗi khổ nhất đời để rồi cuộc được hưởng hạnh phúc.

Tôi sống đây, tôi có cuộc đời của tôi, con trai tôi nói đời tôi, nó có cuộc đời của nó, rồi tới phiên con của nó cũng vậy, như vậy có gì là bi thảm ? Trái lại, nếu tôi sống hoài mà không chết, thì những nỗi vui trong đời nhất định là chẳng còn chút thú vị gì cả. Nhưng không có trường hợp bất tử đó, cho nên những nỗi vui trong đời mới được tươi hoài.

Tôi hơ hai bàn tay vào ngọn lửa của cuộc đời,

Ngọn lửa tắt, và tôi sẵn sàng lên đường.

Thái độ đó cũng hợp lí như thái độ bất bình trước cái chết.

Vậy nếu tâm trạng phải hợp với lí trí, thì phần vui cũng ngang với phần chán nản.

Truyện đạo thư có giọng bi thảm ; mà *Tâm trạng hiện đại* của ông Krutch có giọng thống thiết. Sự thực ông Krutch rầu rĩ vì những điều xác tín thời trung cổ đã sụp đổ hết, mà vài điều xác tín thời gần đây cũng vậy. Ông viết : Xét thời đại tuyệt vọng của chúng ta này, nó bị những bóng ma của một xã hội đã chết ám ảnh mà chưa cảm thấy thoải mái trong cái xã hội mới của nó, tình cảnh đó không khác gì tình cảnh một thanh niên

chưa biết tự kiếm lấy hưởng di, vẫn phải dựa vào huyền thoại đã sống qua trong tuổi thơ? Lời đó hoàn toàn đúng cho một số trí thức, những kẻ có cái học từ chương mà chẳng biết chút gì về thế giới cả ; vì hồi trẻ người ta dạy cho họ đặt cơ sở tin tưởng trên những cảm xúc, cho nên họ không bỏ được cái ý ngây thơ muốn được an toàn, được che chở, mà khoa học không đem lại cho họ được. Ông Krutch như đa số các văn nhân, bị ý này ám ảnh : khoa học giữ được các hứa hẹn của nó. Dĩ nhiên, ông không biết những hứa hẹn đó là cái gì, nhưng cơ hồ ông tin rằng sáu chục năm trước, những người như Darwin và Huxley trông mong một cái gì đó mà khoa học không đem lại cho họ được. Tôi cho rằng đó là một ảo tưởng mà bọn văn nhân và tu sĩ ôm ấp vì họ không muốn rằng nghề của họ bị coi là tầm thường.

Thế giới hiện tại có nhiều kẻ chán đời, điều đó đúng. Ở đâu mà có nhiều kẻ lợi tức giảm xuống thì luôn luôn có nhiều kẻ chán đời. Ông Krutch là người Mĩ, và lợi tức của người Mĩ, xét chung, đã nhờ chiến tranh mà tăng lên, nhưng tại khắp châu Âu, các giới trí thức đã chịu cực khổ ghê gớm, và chính chiến tranh đã cho mọi người cái cảm giác bấp bênh. Tinh thần của một thời đại chịu ảnh hưởng của những nguyên nhân xã hội đó mạnh hơn là của lí thuyết về bản thể của vũ trụ do một số người của thời đại dựng nên.

Ít có thời đại nào người ta tuyệt vọng hơn thế kỉ XIII mặc dầu thời đó, đức tin mà ông Krutch tiếc ngơ tiếc ngẩn nọ, mọi người còn cương quyết giữ và bồi dưỡng, trừ Hoàng Đế và vài quý tộc Ý. Đây, Roger Bacon¹ viết : Thời này có nhiều tội lỗi hơn mọi thời đã qua, mà tội lỗi không đi đôi với minh triết được. Chúng ta thử xét tất cả những hoàn cảnh trong xã hội này, và xét thật kĩ xem ; chúng ta sẽ thấy một nạn đói phong bại tục mệnh mông, mà trước hết ở ngay trong bọn cầm đầu ăn trên ngồi trốc... Thói dâm đang làm dơ dáy trong triều đình, mà thói tham ăn ngự trị tất cả. Đầu não như vậy, tay chân mới ra sao ? Nhìn cái bọn giám mục kia : họ hăng kiếm tiền ra sao mà bỏ bê việc cứu rỗi linh hồn... Rồi xét các hàng giáo phẩm : cũng một giuộc với bọn trên nữa. Họ khác xa với tư cách họ phải có, và hàng giáo phẩm mới (các tu sĩ) đã trụy lạc ghê gớm, mất hẳn cái phẩm cách nguyên thủy của họ. Toàn thể tầng lớp đều kiêu căng, dâm dăng, hà tiện, và hễ bọn đó hội họp ở đâu, dầu họ ở Paris hay ở Oxford, thì họ cũng tranh đấu với nhau, gây lộn nhau, và có đủ các tật xấu khác, khiến cho toàn thể dân chúng đều phải bất bình... Không một kẻ nào nghĩ tới công việc tới cách làm việc, miễn thỏa lòng tham là được”.

¹ Thi sĩ, triết gia và bác học gia Anh (1214-1294).

Về các triết gia ngoài đạo ở thời thượng cổ, Roger Bacon viết :

“Đời sống của họ đạo đức hơn đời của chúng ta, khác xa một trời một vực ; họ đoan chính hơn, khinh những lạc thú, của cải, danh vọng trên đời ; mọi người có thể nhận thấy điều đó trong các tác phẩm của Aristote, Sénèque, Tullius Avicenne, Alfarabi, Platon, Socrate và các nhà khác nữa, nhờ vậy mà họ đạt được những bí quyết của sự minh triết, và phát kiến được mọi tri thức¹.”

Các văn nhân đồng thời với Roger Bacon đều đồng ý với ông. Ý kiến của ông là ý kiến một người không ưa thời đại của mình. Tôi không tin may mắn rằng sự chán đời đó có một nguyên nhân huyền hoặc nào đó. Nguyên nhân là chiến tranh, sự nghèo đói khốn khổ và sự tàn bạo.

Một trong những chương thống thiết nhất trong cuốn của ông Krutch là chương về ái tình (...) Tôi vẫn còn tin ở ái tình, nhưng ái tình mà tôi tin không phải là thứ ái tình được sùng bái ở thời đại Victoria². (...) Thời đó

¹ Trích trong cuốn *De Saint Francois à Danten*, của Coulton trg 57. (Cước chú của tác giả).

² Thời Nữ hoàng Anh Victoria (sinh năm 1819, mất năm 1901), là thời vinh quang nhất của đế quốc Anh, luân lí nghiêm khắc. Bertrand Russell hồi nhỏ được biết thời đại đó.

người ta tin chắc rằng hầu hết những chuyện tính dục đều là phi lí cả, và dùng những tính từ quá đáng để tô điểm cho thứ ái tình mà người ta chấp nhận được. Thời đó người ta ham nhục dục hơn bây giờ, và tình trạng đó không còn ngờ gì cả, khiến người ta đã quan trọng hóa tính dục một cách thái quá, y như các nhà khổ hạnh, tuyệt dục mọi thời vậy. Ngày nay chúng ta đương trải qua một cuộc khủng hoảng hơi lộn xộn, và nhiều người đã từ bỏ những tiêu chuẩn cũ mà chưa tìm được những tiêu chuẩn mới. Do đó có nhiều xáo động ; thường thường cái vô thức của người ta vẫn còn tin những tiêu chuẩn cũ, cho nên những hỗn loạn đó làm cho người ta sinh ra thất vọng, hồi hận, vô liêm sỉ. Tôi không tin rằng hạng người cố tâm trạng đó đông lắm, nhưng tiếng nói của họ ở thời này lại vang hơn cả. Theo tôi, nếu so sánh phần đông các thanh niên phong lưu ở thời chúng ta với phần đông các thanh niên thời Victoria thì ái tình thời này tạo được nhiều hạnh phúc hơn, và người ta thành thực tin ở nó hơn là hồi sáu chục năm trước. Sở dĩ một số người hóa ra vô liêm sỉ là vì các lí tưởng cổ lỗ vẫn còn ngự trị, áp chế phần vô thức của họ, và vì thiếu một thứ luân lí hợp lí để người thời này theo đó mà cư xử. Không phải cứ rên rỉ, than van, nhớ tiếc dĩ vãng mà trừ được tình trạng đó ; phải can đảm chấp nhận tâm trạng hiện thời và quyết tâm trừ tuyệt những câu nệ, tin nhảm, bề ngoài tưởng

như đã trút bỏ được rồi, mà sự thực vẫn còn ẩn núp trong phần tối tăm của vô thức.

Khó mà giảng được sơ lược những lí do khiến người ta coi trọng ái tình, nhưng tôi cũng cứ thử xem sao.

Trước hết ái tình phải được quý vì nó là một nguồn vui, giá trị của nó không phải là lớn nhất nhưng cần thiết cho những cái khác.

Ôi ! ái tình ! Họ thật bất công với em

Khi báo rằng vị ngọt ngào của em chua chát,

Mà sự thực cái trái nhiều hương vị của em

Thật là ngon ngọt không gì bằng.

Tác giả khuyết danh của mấy hàng đó không tìm một giải pháp cho thuyết vô thần hoặc một chìa khóa để khám phá sự bí mật của vũ trụ, ông ta chỉ muốn hưởng lạc thôi. Không những ái tình là một nguồn vui, mà thiếu nó con người còn khổ nữa.

Lẽ thứ nhì, ái tình phải được quý vì nó làm cho những thú vui thanh cao nhất (như nghe nhạc, ngắm cảnh mặt trời mọc trên núi, cảnh trăng rơi trên biển thêm phần phong phú. Một người đàn ông chưa được cùng với một người đàn bà mình yêu, hưởng những cái đẹp đó thì chưa làm sao cảm được hết cái ma lực của chúng.

Một lẽ nữa là ái tình có thể đập tan cái vỏ cứng của bản ngã vì nó là một sự hợp tác trên phương diện sinh lí, mà cảm xúc và bản năng của hai bên phải bố tức nhau để cùng đạt những mục tiêu chung.

Trong lịch sử nhân loại, nhiều thời đại đã có những triết lí cô độc ; có vài triết lí cao cả ; nhưng cũng có những triết lí tầm thường hơn. Phái Khắc kỉ và các tín đồ Ki Tô giáo thời nguyên thủy cho rằng con người chỉ nhờ ý chí của mình thôi - hoặc ít nhất là chẳng cần ai giúp đỡ - có thể thực hiện được hạnh phúc tối đa trong đời ; một số người khác coi uy quyền là cứu cánh của đời người, lại có kẻ tin rằng cứu cánh đó chỉ là những lạc thú cá nhân. Tất cả những triết lí đó đều cô độc vì cho rằng cái phúc phải thực hiện ở trong mỗi cá nhân chứ không phải trong một tập thể gồm ít nhiều cá nhân. Theo tôi, những quan điểm đó đều sai hết, không những về phương diện luân lí mà cả về phương diện phát biểu cái phán cao cả nhất trong các bản năng của ta. Con người tùy thuộc vào tha nhân, và được bám trụ một số bản năng có thể gây được tình âu yếm cần thiết cho sự hợp tác (mặc dầu những bản năng này có phần chưa đủ). Ái tình là hình thức thứ nhất và thông thường nhất của cái cảm xúc gây ra sự hợp tác, và những kẻ đã có một ái tình nồng nhiệt thì không thể nào thoa lòng về một triết lí chủ trương rằng những quan tâm, hứng thú lớn nhất của mình không liên quan gì tới những quan tâm, hứng thú của

người yêu. Về điểm đó, lòng cha mẹ yêu con là một tình cảm còn mạnh hơn nữa, nhưng tình cảm đó chỉ trong sạch nhất khi nào nó do lòng cha mẹ cùng yêu lẫn nhau gây nên.

Tôi không bảo rằng ái tình, dưới hình thức cao nhất của nó, là chuyện thông thường, nhưng tôi tin chắc rằng dưới hình thức đó, nó phát hiện được nhiều giá trị thẩm kín, và tôi cũng cho rằng chính nó có một giá trị không bị nhiễm tinh thần hoài nghi, mặc dầu những kẻ không yêu ai được thưởng lãm lẫn cho rằng mình không yêu ai được là vì mình có tinh thần hoài nghi.

Ái tình chân chính là một ngọn lửa lâu bền

Trong một tinh thần luôn luôn nồng nhiệt,

Luôn luôn tươi tắn, không bao giờ chết,

không bao giờ lạnh lùng,

Luôn luôn trung thực với chính mình

... ..¹

¹ Bỏ một đoạn tác giả bác quan niệm của Krutch về vai bi kịch của Shakespeare, Ibsen.

3

ÓC GANH ĐUA

Nếu bạn hỏi một người Mi hoặc một nhà kinh doanh hiện đại cái gì làm cho đời sống của họ mất vui nhất thì họ sẽ đáp : "sự cạnh tranh để sinh tồn". Họ thành thực đáp vậy. Theo một nghĩa nào đó, lời đó đúng ; nhưng theo một nghĩa khác, rất quan trọng, lời đó rất sai. Dĩ nhiên, sự cạnh tranh để sinh tồn là một việc có thể xảy ra. Gặp vận rủi thì chúng ta, ai cũng có thể bắt buộc phải cạnh tranh để sinh tồn. Chẳng hạn trường hợp của Falk, một

nhân vật tiểu thuyết của Conrad¹ khi anh ta ở trên một chiếc tàu bị bỏ lại ở giữa biển ; trên tàu chỉ có hai người có súng, mà hết lương thực, đành phải ăn thịt các người đồng hành. Hai người đó đã thỏa thuận với nhau thịt hết các người kia, rồi một cuộc thực sự cạnh tranh để sinh tồn phát ra. Falk thắng, nhưng cho tới suốt đời, anh ta ăn toàn rau quả. Nhưng một nhà kinh doanh mà nói về sự cạnh tranh để sinh tồn đâu có hiểu theo nghĩa đó. Thành ngữ đó sai, ông ta lượm được rồi dùng để biến một việc rất phạm tục hóa ra nghiêm trang. Bạn thử hỏi ông ta xem trong cái giới kinh doanh của ông có bao nhiêu người chết đói. Bạn lại hỏi xem những bạn của ông ta đã bị phá sản, sống ra sao. Ai cũng biết rằng một nhà kinh doanh khi phá sản vẫn còn sống phong lưu hơn một người chưa bao giờ khá giàu có để được cái may là bị phá sản. Vậy, cái họ cho là cạnh tranh để sinh tồn đó, sự thực chỉ là cạnh tranh để thành công. Khi họ dấn thân vào cuộc tranh đấu đó, đâu họ có lo sáng hôm sau không có gì để ăn, mà chỉ lo không hơn được ông hàng xóm của họ.

Lạ lùng thay, rất ít kẻ có vẻ hiểu được rằng họ không bị kẹt vào trong một guồng máy mà không có lối thoát ; họ không nhận ra rằng số dĩ họ dấn chân hoài

¹ Tiểu thuyết gia Anh (1857-1924), viết nhiều truyện mạo hiểm ở những miền xa lạ.

trong một công việc đơn điệu, buồn tẻ, chỉ vì họ không thấy rằng công việc đó không thể nào nâng cao tâm hồn họ lên được. Dĩ nhiên, tôi xét đây là xét những nhà đại kinh doanh đã có một số lợi tức lớn rồi và có thể ở không được, nếu họ muốn. Họ cho rằng hành động như vậy xấu hổ lắm, họ có cảm tưởng như đào ngũ trước kẻ thù ; nhưng nếu bạn hỏi họ công việc của họ giúp cho xã hội được gì không thì họ khó mà trả lời được, chỉ lặp lại tất cả những câu sáo quảng cáo cho một cuộc đời tận tụy.

Bạn thử xét đời một người như vậy xem. Thí dụ ông ta có một ngôi nhà lộng lẫy, vợ đẹp con khôn. Ông ta thức dậy rất sớm trong khi vợ con còn ngủ, để hấp tấp tới bàn giấy. Ở buồng giấy ông bắt buộc phải tỏ ra những đức tính của một ông chủ ; làm ra vẻ quả quyết, nói năng thì có cái giọng ra lệnh không cho ai cãi, mà lại giữ gìn thận trọng để ra oai với mọi người, trừ người chạy giấy tờ cho ông ta. Ông ta đọc thư cho thư kí đánh máy, nói chuyện bằng điện thoại với nhiều người quan trọng, nghiên cứu thị trường, thế là hết buổi sáng, đi ăn trưa với một bạn đồng nghiệp nào đó đương có một "áp phe" với ông. Cả buổi chiều cũng vậy. Về tới nhà thì mệt mỏi, chỉ vừa kịp thay quần áo¹ để ăn buổi tối. Trong bữa ăn, ông ta nói với vài người đàn ông khác, cũng mệt mỏi cả,

¹ Người Anh sang trọng có tục bận đồ lớn có khi lễ phục nữa, để ăn bữa tối.

phải làm ra bộ vui thích vì có mặt các bà, mà các bà thì suốt ngày có làm gì đâu, nên không thấy mệt. Khó mà đoán trước được con người tội nghiệp đó mấy giờ sau mới thoát được cực hình đó. Sau cùng ông ta đi ngủ và tinh thần dịu xuống được trong năm sáu giờ.

Đời làm việc của nhà kinh doanh đó, có tính cách tâm lý của cuộc chạy đua 100 thước ; nhưng vì trong cuộc đua của ông, đầu đường là một cái huyết, cho nên sự căng thẳng của thần kinh, sự tập trung nghị lực, trong một trăm thước thì được, chứ lâu dài như vậy thì kể ra cũng hơi quá. Ông ta có biết gì về con cái không ? Ngày thường ở phòng giấy, chú nhật lại sân "gôn" (golf). Ông ta biết gì về bà vợ không ? Buổi sáng, khi từ biệt vợ thì vợ còn ngủ. Buổi tối, cả hai ông bà đều mắc tiếp khách, làm bốn phần xã giao, đâu có chuyện trò thân mật với nhau được. Chắc chắc là ông ta không có bạn thực thân thiết nữa, mặc dầu có vài người ông ta làm bộ tỏ ra thân tình mà không thể nào thấy thân được. Ông chỉ biết mùa xuân và mùa thu là nhờ những mùa đó ảnh hưởng tới thị trường ; chắc ông đã được coi nhiều nước ngoài nhưng coi bằng cặp mắt một kẻ chán chường ghê gớm. Sách, ông cho vô ích, nhạc thì chịu thôi, hiếu không nói Năm này qua năm khác, càng ngày ông càng cô độc, tinh thần càng căng thẳng mà đời sống của ông, ngoài công việc làm ăn ra càng khô héo đi. Tôi đã thấy một người Mĩ trong cái hạng đó, gần sáu chục tuổi, qua châu Âu với bà

vợ và hai cô con gái. Có phần chắc là bà ta và hai cô đã thuyết phục con người tội nghiệp đó rằng đã tới lúc nên nghỉ ngơi và cho con gái có dịp biết cựa thế giới một chút. Họ hoan hỉ bao vây ông ta, thấy một cái gì lạ lạ cũng chỉ trỏ cho ông chú ý tới. Ông ta mệt dừ, chán chường tự hỏi giờ này ở phòng giấy nhân viên làm những việc gì, hoặc trong cái giới chơi "base-ball"¹ có chuyện gì xảy ra không. Thế là bọn phụ nữ trong gia đình ông bỏ mặc ông, và cho rằng tất cả bọn đàn ông đều phạm tặc hết. Họ đâu có biết ông là nạn nhân tặc tham lam quá độ của bọn kinh doanh ; mà nói vậy chưa thật đúng sự thực đâu, cũng như cái tặc quá phụ Ấn Độ tự thiêu để theo chồng, không người Âu nào hiểu đúng được.

Có thể rằng trong mười người quả phụ Ấn tự thiêu thì có chín người tự ý lên giàn hỏa vì ham danh tiết phụ, tôn giáo buộc họ như vậy. Tôn giáo² và danh vọng của con người kinh doanh buộc họ phải kiếm thật nhiều tiền ; cho nên họ cũng vui vẻ chịu đau khổ như quả phụ Ấn Độ. Nếu nhà kinh doanh Mi muốn được sung sướng hơn thì trước hết họ phải thay đổi tôn giáo di dân. Họ còn ham thành công, còn tin rằng bọn phận của người đàn ông là đeo đuổi sự thành công, rằng kẻ khốn nạn mới không

¹ Môn thể thao rất thông dụng ở Mi.

² Tôn giáo đây là thờ phụng sự thành công về tiền bạc.

hành động như vậy, thì đời họ còn phải ưu tư, sáu muốn không thể sung sướng được.

Lấy một thí dụ giản dị như chuyện đầu tư. Hầu hết các người Mi đều đầu tư vào một vụ làm ăn không chắc chắn để hi vọng lời tám phân một năm, chứ không chịu lời bốn phân một năm mà ăn chắc. Hậu quả là họ thường lỗ lã, và luôn luôn lo lắng, phiền não. Riêng tôi, tôi muốn tiền đem lại cho tôi sự an nhàn và cảm giác an toàn. Nhưng mục đích của con người thời đại này là kiếm nhiều tiền, mỗi ngày mỗi nhiều hơn hoài để phô trương sự xa hoa, vượt lên trên những người từ trước ngang hàng với mình. Cái thang xã hội ở Mi thay đổi hoài, không rõ rệt, nhất định, do đó những cảm xúc hời hợt bề ngoài cũng bất định ; và mặc dầu tiền bạc tự nó không đủ làm cho con người hóa ra quan trọng được. Với lại, người ta đo sự thông minh bằng số tiền kiếm được ; kẻ nào không kiếm được tiền là kẻ đó không thông minh. Mà không ai muốn bị chê là ngu ngốc. Cho nên khi thị trường xáo động thì thiên hạ lo lắng y như sinh viên trong các kì thi vậy.

Theo tôi, một nhà kinh doanh nhiều khi lo lắng vì sợ hậu quả của sự phá sản, họ sợ thật tình mặc dầu sợ như vậy là vô lí. Nhân vật Clayhanger trong tiểu thuyết của Arnold Bennett mặc dầu giàu có mà vẫn sợ chết trong một nhà dưỡng bản. Tôi tin rằng những người đã trải qua cảnh nghèo cực, đã đau khổ trong tuổi thơ, đều

lo sợ con cái mình cũng phải chịu cảnh đó như mình, nên gần như không thể không thu thập hằng tỉ bạc để xây dựng một bức lũy ngăn tai nạn đó. Trong thế hệ đầu, những nỗi lo sợ đó chắc không sao tránh khỏi, nhưng những người không trải qua cảnh nghèo cực ít khi lo sợ như vậy. Cho nên trường hợp ham kiếm tiền vì sợ cảnh nghèo cực là trường hợp đặc biệt.

Tất cả cái tai hại là do người ta coi trọng sự thành công quá, cho nó là nguồn chính của hạnh phúc trong sự ganh đua. Tôi không phủ nhận rằng cảm tưởng mình thành công làm cho đời sống của mình dễ chịu hơn. Lấy thí dụ một họa sĩ suốt tuổi trẻ chẳng được ai biết tới ; rồi nếu tài năng được thiên hạ thừa nhận thì chắc chắn là chàng ta sung sướng lắm. Tôi không phủ nhận rằng tiền bạc, tới một mức nào đó, có thể làm tăng hạnh phúc lên ; nhưng quá cái mức đó, tôi cho rằng nó không còn hiệu lực nữa. Chủ trương của tôi là sự thành công chỉ là một yếu tố của hạnh phúc thôi, và nó không đáng cho ta hi sinh tất cả yếu tố khác cho nó.

Căn do của bệnh đó là cái nhân sinh quan rất thường thấy trong giới kinh doanh. Ở châu Âu, còn có vài giới khác nữa được trọng vọng, điều đó có thực. Trong nhiều nước, có một giới quý phái ; tại nước nào cũng có những nghề tự do ; và trừ vài nước nhỏ, còn thì quân đội và hải quân nước nào cũng được kính trọng. Mà nói tới thành công thì tất có ganh đua, làm nghề nào thì cũng

vậy; nhưng mặc khác, người ta không phải chỉ là trọng sự thành công, bất kì là thứ tài năng nào. Một nhà bác học có thể kiếm được hoặc không kiếm được tiền; nếu kiếm được thì cũng không được trọng hơn, chắc vậy. Không ai ngạc nhiên khi thấy một tướng lĩnh hoặc một đề đốc đại tài mà nghèo, vì nghèo trong hoàn cảnh đó là một vinh dự. Do những lẽ đó, ở châu Âu, chỉ có vài giới nào đó, có lẽ không phải là những giới có uy tín nhất, được trọng nhất, là cạnh tranh nhau chỉ để kiếm tiền. Ở Mĩ, thì khác. Các chức vụ trong chính quyền đóng một vai trò nhỏ quá trong đời sống quốc gia nên giá trị của nó không có ảnh hưởng gì cả. Còn cái nghề tự do thì không một người nào ở ngoài nghề có thể bảo y sĩ này luật sư kia thực là hiểu nghề hay không, cho nên có cách giản dị hơn để phán đoán tài năng của họ là xét lời sống của họ có sang không, nghĩa là họ có lợi tức cao hay không. Còn các giáo sư, họ là bọn gia nhân làm thuê cho giới kinh doanh, cho nên không được trọng bằng bạn đồng nghiệp của họ ở các xứ có một lịch sử lâu dài hơn. Do đó, ở Mĩ, các người làm nghề tự do bất chước bọn kinh doanh, không tạo được một giai cấp riêng biệt như ở châu Âu. Cho nên trong các giới phong lưu, không thấy cái gì có thể làm giảm sự cạnh tranh man rợ để thành công về tiền bạc.

Ngay từ hồi nhỏ xíu, trẻ em Mĩ đã cảm thấy rằng chỉ có tiền bạc mới đáng kể, và không ưa một nền giáo

dục không có giá trị về phương diện kiếm tiền. Hồi xưa người ta coi giáo dục cần nhất là để dạy con người tập hưởng thú vui, thú vui đây là thú vui thanh nhàn mà hạng hoàn toàn vô học không thể hưởng nổi. Ở thế kỷ XVIII, một trong những đặc trưng của con người quý phái (gentleman) là biết hưởng cái thú văn, thơ, họa và nhạc. Ngày nay chúng ta có thể không chấp nhận thị hiếu đó, nhưng chúng ta phải thú thực rằng ít nhất nó cũng đã thành thực. Hạng giàu có hiện nay đã tạo ra một mẫu khác. Họ không bao giờ đọc sách. Nếu họ muốn sưu tập các bức họa để thêm danh vọng thì họ nhờ các nhà chuyên môn lựa cho ; cái vui của họ không phải để ngắm các bức họa đó mà là ngân cần không cho một anh thợ phụ nào khác làm chủ được những bức đó. Về nhạc, nếu họ là một người Do Thái¹ thì có thể biết khen chê một cách thành thực được ; nếu không thì họ cũng dot đặc như trong các nghệ thuật khác. Họ càng giàu lại càng dè kiếm tiền, tới cái lúc họ chỉ làm việc năm phút mỗi ngày mà tiền bạc tiêu cũng không hết. Tội nghiệp, thế mà họ hóa ra vô công rồi nghệ. Tình trạng đó nhất định phải xảy ra hệ họ còn coi sự thành công tự nó là mục đích của đời sống rồi. Một người không biết sử dụng sự thành công của mình thì nhất định sự thành công sẽ làm cho họ chán chường.

¹ Dân tộc đó có khiếu về nhạc và thích nhạc.

Thói ganh đua dễ lấn qua các khu vực khác lắm. Chẳng hạn vấn đề đọc sách. Người ta đọc sách vì hai lí do : đọc để hưởng thú, đọc để khoe khoang rằng mình đã đọc. Có những bà ở Mĩ cho rằng mỗi tháng phải đọc (hoặc làm bộ đọc) vài cuốn sách nào đó thì mới là tao nhã ; có bà đọc hết, có bà chỉ đọc qua chương đầu, có bà lại chỉ đọc những bài điểm sách, nhưng bà nào cũng có mấy cuốn đó ở trên bàn. Nhưng họ chẳng bao giờ đọc một tác phẩm bất hủ cả. Cái "Book club"¹ có bao giờ lựa kịch *Hamlet* hoặc kịch *King Lear* (của Shakespeare) đâu, mà cũng chẳng bao giờ thấy cần phải chú ý tới Dante (tác giả *Divine Comédie*). Do đó người ta chỉ đọc những sách hiện đại rất tồi, chứ không bao giờ đọc các tác phẩm bất hủ. Cái đó cũng là một hậu quả của óc ganh đua ; hậu quả đó có lẽ không hoàn toàn xấu đâu vì hầu hết các bà đó, nếu để mặc họ, thì đọc những cuốn còn tệ hơn những cuốn các mục sư và các "ông thầy văn chương" của họ ưa cho họ.

Sự quan trọng của óc ganh đua trong đời sống hiện đại liên quan với sự suy vi chung của trình độ văn hóa.

¹ Hội của các người đọc sách. Hội xuất bản hàng tháng một số sách "chọn lọc" để bán tháng cho hội viên, nghĩa là những người cam đoan mua mỗi năm một số cuốn nào đó. Sách in thường đẹp và tương đối rẻ vì khỏi phải chịu huê hồng cho nhà phát hành (hội tự phát hành lấy).

trình trạng đó chắc đã xảy ra ở La Mã sau thời đại Auguste. Đàn ông và đàn bà thời nay cơ hồ không còn thương thức nổi những thú vui tinh thần. Nghệ thuật dâm dục chẳng hạn đã đạt tới mức hoàn hảo trong các "sa lòng" Pháp thế kỉ XVIII, cách đây bốn chục năm còn là một truyền thống nhiều người giữ được. Nghệ thuật đó tao nhã, luyện những cơ năng tinh thần cao nhất mà chỉ để mua vui trong một lúc. Ngày nay ai còn quan tâm tới một hoạt động phù phiếm như vậy ? Ở Trung Hoa, hai chục năm trước, nghệ thuật đó còn thịnh, nhưng tôi đoán rằng chính sách siêng năng giáo hóa của chính quyền đã tẩy sạch nó rồi¹. Năm chục hoặc một trăm năm trước, người nào có giáo dục cũng thương thức được những văn thơ hay ; ngày nay cái đó thành một thứ "đặc quyền" của một số giáo sư. Người ta bỏ hết những thú vui bình tình nhất. Một nhóm sinh viên Mi đất tôi dạo xuân trong một khu rừng gần trại của họ. Trong rừng có vô số hoa dại rất đẹp mà không một sinh viên nào biết tên được lấy một loài hoa. Học tên các loài hoa mà ích lợi chỗ nào ? Có làm tăng lợi tức lên được không ? Họ nghĩ vậy.

Cá nhân không chịu trách nhiệm về cái bệnh đó, khi cả xã hội bị bệnh đó thì cá nhân không thể không nhiễm bệnh được.

¹ Cuốn này xuất bản lần đầu ở Anh, năm 1930. Vậy chính quyền tác giả nói đây là chính quyền Tưởng Giới Thạch.

Bệnh đó do một nhân sinh quan chung, cho rằng đời sống là một sự chiến đấu, ganh đua, kẻ nào thắng thì được tôn trọng. Do nhân sinh quan đó mà người ta chuyên luyện ý chí mà bỏ bê tình cảm và trí tuệ. Có thể rằng nói vậy là tôi đặt cái cây trước con bò. Bọn luân lý gia trong phái Thanh giáo (puritanisme) luôn luôn đề cao ý chí, mà chính ra, hồi đầu. Thanh giáo trọng đức tin hơn cả. Có thể rằng sau mấy thế kỉ, phái Thanh giáo đã đào tạo được một giống người ý chí phát triển quá mức, còn ngu quan và trí óc suy nhược và giống người đó đã chấp nhận một triết lý tranh đấu hợp với họ hơn. Dù sao những con khủng long¹ hiện đại đó cũng đã bắt chước những con khủng long thời tiền sử, thích sức mạnh hơn trí tuệ, và sự thành công phi thường của họ khiến mọi người noi gương họ : họ đã thành gương mẫu cho giống người da trắng, tại khắp nơi trên địa cầu, và tình trạng đó còn tăng lên trong một trăm năm nữa. Nhưng những người không theo thời, có thể tự an ủi rằng loài khủng long rất cuộc đã thất bại, chúng tự diệt lẫn nhau và những vật bằng quan thông minh đã được hưởng đất đai chúng để lại. Bọn khủng long hiện đại của chúng ta cũng vậy, đang chuẩn bị sự diệt chủng của chúng đây. Trung bình mỗi cặp vợ chồng của chúng chỉ có mỗi một đứa con;

¹ Dinosaurien : loại rắn khổng lồ thời tiền sử, có con dài trên 25 thước, thân hình vĩ đại mà đầu óc nhỏ xíu. Có lẽ vì nặng nề và thiếu trí khôn, nên chúng sớm bị tiêu diệt.

họ không mấy thích đời sống nên không muốn có nhiều con. Về điểm này, cái triết lí khắc khổ thái quá mà tổ tiên Thanh giáo của họ đã truyền cho họ hóa ra không thích hợp với cõi đời. Một nhân sinh quan làm cho đời sống của họ rất ít hạnh phúc tới nỗi không muốn sanh con đẻ cái nữa, thì về phương diện sinh lí, họ tất bị loại mất. Chẳng bao lâu nữa, sẽ có một hạng người khác vui vẻ hơn thay thế họ.

Coi óc ganh đua là động lực chính của cuộc sống, thì tinh thần hóa ra âu sầu quá, cố chấp quá, lúc nào ý chí cũng căng thẳng quá, bấp thập cũng gồng lên quá, giữ được cái lối sống đó nhiều lắm là một hai thế hệ. Rồi sau thần kinh sẽ mệt mỏi, người ta phải tìm cách thoát li, đeo đuổi thú vui, mà sự đeo đuổi này cũng căng thẳng, mệt nhọc như làm việc (vì cố nghĩ ngợi được đâu), rồi cuộc là nòi giống bị tiêu diệt vì không sanh đẻ được. Triết lí ganh đua đó chẳng những làm cho sự làm việc mất thú, mà ngay sự nghĩ ngợi cũng mất thú. Cái lối nghĩ ngợi để cho dụi thần kinh rồi cuộc rồi cũng hóa chán. Thế là cứ phải gia tăng hoài tốc độ sống lên mà hậu quả đương nhiên là phải dùng những chất ma túy rồi bị diệt vong¹. Phương thuốc là phải chấp nhận rằng sự

¹ Tác giả thật là tiên tri. Thanh niên Âu Mĩ, nhất là Mĩ, ngày này dùng rất nhiều chất ma túy vì vậy.

vui lành mạnh bình tĩnh là yếu tố căn bản cho một đời sống quân bình.

4

SỰ PHIÊN MUỘN

Sự phiên muộn là một yếu tố của thái độ con người, và theo tôi, về phương diện đó, người ta ít chú ý tới nó quá, thật không xứng với sự quan trọng của nó. Nó là một trong những nguyên động lực mạnh trong lịch sử nhân loại, thời này còn hơn các thời trước nữa. Cơ hồ như chỉ loài người mới thấy phiên muộn. Các con thú, khi bị nhốt hóa ra trĩ dộn, đi đi lại lại trong chuồng và ngáp : nhưng sống giữa thiên nhiên chúng không hề có một cảm xúc gì giống giống sự phiên muộn. Hầu như lúc nào chúng cũng rình kẻ thù hoặc rình mồi, có khi rình cá hai : có lúc chúng động nứng lên mà giao cấu. Nhưng cả những khi chúng khổ sở, tôi cho rằng chúng cũng không bao giờ phiên muộn. Có thể loài khi nhân hình giống

chúng ta về điểm đó cũng như về nhiều điểm khác nữa, nhưng vì không sống chung với chúng bao giờ nên tôi không biết chắc được. Một dấu hiệu căn bản của tâm trạng phiền muộn là thấy sự tương phản giữa những hoàn cảnh hiện tại và những hoàn cảnh khác dễ chịu hơn nó tác động mạnh tới trí óc tưởng tượng của ta, ta chống lại không nổi. Một dấu hiệu đặc biệt nữa là tinh thần của ta không bị chăm chú hết vào một việc nào cả. Chẳng hạn khi mãi lo chạy trốn trước những kẻ thù tính giết mình, thì ta thấy khó chịu chứ không phiền muộn. Trừ phi có một sự can đảm phi thường, một người trong khi bị hành hình, cũng không thể phiền muộn được. Và cũng chẳng bao giờ thấy một nghị sĩ lần đầu tiên đọc diễn văn tại Thượng viện mà lại ngáp (...). Tóm lại, trái với sự phiền muộn, là sự háng hái, kích thích, chứ không phải là sự vui thích.

Trong thâm tâm loài người, đặc biệt là đàn ông, có cái nhu cầu được kích thích. Tôi cho rằng loài người được thỏa mãn nhất vào cái thời đại săn bắn để sống. Sự săn bắn thời đó thật say mê, chiến tranh thời đó cũng say mê, ái tình cũng vậy. Một người đã man kiêu cách thông dâm với một người đàn bà có chồng đương ngu ở bên cạnh, anh chồng mà thức dậy thì kẻ kia toi mang liền. Tình cảnh đó, theo tôi, không có thể gây sự phiền muộn được. Nhưng qua thời đại trồng trọt (thời nông nghiệp), thì đời sống hóa ra đơn điệu, buồn tẻ, dĩ nhiên là trừ bọn

quì tọc ra vì họ cho tới bây giờ vẫn còn sản bản. ở trong giai đoạn sản bản. Người ta thường bao máy móc làm cho đời sống đơn điệu, nhưng theo tôi, nghề nông với những phương pháp cổ lỗ cũng buồn tẻ, có phần còn hơn nữa. Thực vậy, trái với ý kiến các nhà bác ái, tôi cho rằng thời đại cơ giới đã làm giảm nhiều cái tổng số phiền muộn trên thế giới. Bọn thợ thuyền trong khi làm việc, dầu có có độc, và buổi tối về nhà có rất nhiều trò vui mà thời xưa trong một làng nhỏ làm gì có được. Lại thử xét những sự thay đổi trong đời sống một người tiêu tư sản xem. Hồi xưa, ăn bữa tối xong, bà vợ và mấy cô con gái dọn bàn rồi, cả nhà quây quần vui vẻ trò chuyện với nhau, như người ta nói. Vui, nghĩa là cha lên giường nằm, mẹ ngồi đan còn các cô con gái thì chỉ muốn chết cho ranh hoặc bị dày đi Tombouctou, tại giữa rừng châu Phi. Người ta không cho phép các cô đọc sách hoặc ra khỏi phòng vì thời đó, nhà có gia giáo thì cha nói chuyện với con gái và nói gì thì mọi người cũng phai tở về hoan hỉ nghe. Cô nào có phước, sẽ kiếm được ông chồng và lại có dịp bắt con cái sống cái tuổi xuân sâu thẳm như tuổi xuân của mình. Vô phước, phải sống đời gái già, chưa biết chừng chết trong cảnh suy đồi nữa thì tình cảnh còn ghê gớm hơn là tình cảnh nạn nhân của các tên vô lại. Xét cảnh thế giới cách đây một trăm năm, chúng ta không nên quên nỗi phiền muộn nó đè nặng lên tổ tiên chúng ta đó và càng lùi về quá khứ, nỗi phiền muộn càng

tàng. Ban thư tương tượng đời sống đơn điệu, buồn tẻ trong một làng thời trung cổ vào mùa đông. Dân chúng không biết đọc biết viết, tối đến, người ta chỉ đốt mấy ngọn đèn cây khói mù trong căn phòng chính, và chỉ có mỗi phòng đó là không lạnh, còn được sưởi ấm. Đường xá tối tăm, gập ghềnh như không đi được, nên rất ít khi người ta qua chơi làng bên cạnh. Cho nên ta đừng lấy làm lạ rằng thời đó người ta bày trò luông bát các mũ phù thủy : vì phần muốn và cũng vì vài nguyên nhân khác nữa.¹ Người ta phải bày cái trò tiêu khiển đó trong các đêm đông.

Ngày nay chúng ta ít phần muốn hơn tổ tiên chúng ta, nhưng lại sợ sự phần muốn hơn. Chúng ta đã biết rằng - đúng hơn là tin rằng - thân phận con người bẩm sinh ra không phải là chịu cảnh phần muốn, nếu đủ cương quyết tìm cảm xúc mới thì có thể tránh được cảnh đó. Các thiếu nữ ngày nay tự mưu sinh, một phần lớn là để có thể tiêu khiển buổi tối mà thoát li được "ái thời sung sướng sống trong gia đình" mà các bà nội của họ phải nhận nhục chịu. Ai có thể ra tỉnh ở thì cũng ra tỉnh hết ; ở Mi, những kẻ không ra tỉnh ở được thì cũng có một chiếc xe hơi hoặc ít nhất là một chiếc xe máy dầu để ra tỉnh coi hát bóng. Và dĩ nhiên họ có máy thu thanh

¹ Chẳng hạn nguyên nhân tôn giáo : người ta cho rằng bọn phù thủy tin quỷ chứ không tin Chúa.

trong nhà. Thanh niên nam nữ ngày nay gặp gỡ nhau dễ dàng hơn hồi xưa (...) Ai có đủ phương tiện thì đi chuyến hoải, đem theo đủ các thú vui nhện : ca hát, nhảy nhót, rượu chè, và không hiểu tại sao họ lại tin rằng hề đối chỗ thì những thú đó hóa vui hơn. Nhưng kẻ phải kiếm ăn thì trong khi làm việc thấy bị bó buộc, buồn bực, nhưng ai có đủ tiền để sống mà khỏi phải làm việc thì nuôi cái lí tưởng sống một đời không biết phiền muộn là gì. Lí tưởng đó cao đẹp đấy, tôi không chê đâu, nhưng tôi thấy nó cũng khó thực hiện như mọi lí tưởng khác. Vì hề đêm trước mà đã vui nhện, thì sáng hôm sau không thể không phiền muộn được. Với lại sẽ tới lúc dừng tuổi, lúc về già. Hồi hai mươi tuổi, người ta cho rằng đời tới ba mươi tuổi là hết rồi. Ở vào tuổi tôi¹ tôi không thể có quan niệm đó được. Tiêu phí sinh lực của mình, có lẽ cũng đại dột như vung phí của cái. Có lẽ đời sống cần có chút ít phiền muộn. Ai cũng muốn trốn tránh sự phiền muộn, điều đó tự nhiên, giống người nào cũng vậy. Các dân tộc đã man uống rượu người da trắng rót cho họ để tiêu "tái sâu vạn có", và nếu chính phủ không ngăn cản thì họ sẽ say lúy túy để rồi chết trong cảnh bạo loạn. Chiến tranh, các cuộc hành hung người Do Thái, các cuộc tàn sát về tôn giáo, đều là để cho khỏi phiền muộn, để "tiêu sâu"; ngay những cuộc gây gổ với người hàng xóm cũng còn thú hơn

¹ Khi viết cuốn này, Bertrand Russell 58 tuổi.

là đời sống buồn tẻ hằng ngày. Cho nên sự phiền muộn là một vấn đề căn bản đối với luân lí, vì chính sự "giải phiền" đã gây ra ít nhất một nửa tội lỗi của nhân loại.

Tuy nhiên không nên coi sự phiền muộn là chỉ gây ra cái xấu. Vì có hai thứ phiền muộn : một thứ tốt, một thứ làm cho con người u mê đi. Thứ tốt là thứ không dùng tới các chất ma túy, thứ xấu là thứ thiếu những hoạt động cần cho sinh mệnh. Tôi không muốn nói rằng chất ma túy vô dụng. Có những trường hợp y khoa phải dùng tới nó, nhưng phải kiểm soát nó (...) Một cuộc đời quá nhiều cảm xúc chỉ làm cho ta kiệt sức, càng ngày ta càng cần những kích thích mạnh hơn để gây sự rung động mà ta cho là cần thiết cho thú vui (...) Một chút kích thích nào đó có thể là tốt, nhiều quá thì có hại, vấn đề này cũng như mọi vấn đề khác, cần số lượng vừa phải. Vậy con người phải có một khả năng nào đó chịu đựng được sự phiền muộn, mà cái đó là một trong những điều phải dạy cho thanh niên.

Tất cả các danh tác đều chứa những đoạn chán ngấy, và đời sống tất cả các danh nhân cũng có những thời buồn tẻ. Bạn thử tưởng tượng một nhà xuất bản Mi thời nay được tác giả đem tới lần đầu tiên một bản thảo mới của kinh Cựu Ước, nhờ xuất bản. Chắc bạn đoán được nhà xuất bản đó sẽ phê bình tác phẩm ra sao, chẳng hạn về chương Thánh phở : Ông ơi, chương này không hấp dẫn ; ông không thể buộc độc giả phải thích một chuỗi

dài dằng dặc những tên người như vậy mà ông chỉ liệt kê ra thôi, chi tiết rất ít. Tôi nhận rằng phần đầu truyện, văn ông hay lắm, và mới đọc tôi có một ấn tượng rất tốt, nhưng quá thực là ông thích nói cho hết, không bỏ sót chút gì. Ông nên lựa lại đi, giữ những đoạn có nhiều màu sắc, cắt bỏ những đoạn thừa đi, rút tác phẩm lại cho đừng dài quá rồi đem lại cho tôi." Một nhà xuất bản hiện đại sẽ nói như vậy vì biết rằng độc giả sợ những đoạn chán ngấy lắm. Các kinh của Khổng Tử, kinh Coran của Hồi giáo, cuốn *Tư bản luận* của Karl Marx, và tất cả các kinh khác, vào hạng "bán chạy nhất" cũng sẽ bị ông ta chê như vậy. Mà chẳng phải chỉ các kinh mới như vậy đâu. Các tiểu thuyết hay nhất cũng có những đoạn rất chán. Có thể tin chắc rằng một tiểu thuyết hấp dẫn từ trang đầu tới trang cuối không phải là một tác phẩm tốt. Đời sống các vĩ nhân, trừ những lúc vinh quang, cao thượng, rất hiếm ra, đâu có luôn luôn sôi động. Socrate thỉnh thoảng thích dự một bữa tiệc, và nhờ chất độc cần (cigue) kích thích¹ chắc ông ta thích thú lắm trong cuộc đàm đạo trước khi mất, còn thì gần suốt đời, ông ta sống bình tĩnh với bà vợ là Xanthippe, chiều chiều đi dạo mát cho hợp vệ sinh và ghé thăm bạn bè. Người ta bảo rằng Kant suốt đời không ra khỏi Koenigsberg quá mười dặm. Darwin đi vòng quanh thế giới rồi không ra khỏi nhà cho

¹ Chính quyền Athènes buộc ông phải tự tử bằng chất đó.

tới khi chết. Marx, sau khi gây vài cuộc cách mạng, quyết tâm sống nốt những ngày tàn trong Viện Bảo cổ Anh. Tóm lại, chúng ta có thể nhận thấy rằng vĩ nhân nào cũng có một cuộc đời bình tĩnh và những thú vui của họ, trong con mắt thường nhân chẳng có gì là say mê cả. Muốn tạo một sự nghiệp lớn thì phải kiên nhẫn, để hết tâm trí vào một công việc cực nhọc tới nỗi không còn nhiều sinh lực để tìm những cảm giác mạnh hơn nữa, trừ những cảm giác dễ bỏ bỏ lại sức khỏe trong các vụ nghỉ : như leo núi là việc thích hợp nhất.

Ngay từ hồi nhỏ, phải tập chịu đựng được một đời sống buồn tẻ ít nhiều. Về điểm đó, các bậc cha mẹ ngày nay đáng trách lắm ; họ cho trẻ nhiều thú vui thụ động quí như coi hát, ăn kẹo, bánh và không hiểu rằng cần cho trẻ quen sống một đời buồn tẻ, ngày nào như ngày này, trừ vài cơ hội rất hiếm, dĩ nhiên. Xét chung, nên cho trẻ những thú vui mà chúng chỉ có thể tìm lấy được trong gia đình, nhờ chịu khó gắng sức và tương tượng một chút. Những thú vui kích thích mà lại không đòi hỏi một sự gắng sức về thể chất, như coi hát chẳng hạn, chỉ nên lâu lâu mới nên cho chúng hưởng một lần thôi. Dùng chất kích thích đó như dùng chất ma túy, mỗi ngày phải mỗi tăng phân lượng lên, và trong khi bị kích thích, cơ thể chỉ thụ động thôi, cái đó trái với bản năng con người, một đứa trẻ như một cây còn non, sẽ phát triển mau hơn nếu được thoải mái nảy nở mà không bị di chuyển hoải.

Di chuyển nhiều quá, ấn tượng thay đổi nhiều quá đã không tốt cho trẻ mà lớn lên nó không chịu nổi một cuộc sống đơn điệu có lợi cho sự sáng tác (...) Một thanh niên nhăm những mục đích kiến thiết, nghiêm trang sẽ vui lòng chịu đựng nhiều sự phiền muộn nếu thấy có lúc cần phải như vậy, còn một thiếu niên quen chơi giỡn, phóng túng thì khó có một chương trình kiến thiết vì tư tưởng luôn luôn hướng về cái vui trước mắt chứ không hướng về một mục tiêu xa xăm. Do đó một thế hệ không chịu nổi sự phiền muộn sẽ là một thế hệ gồm toàn những người tâm thường không chịu theo luật diễn tiến của thiên nhiên, những người mà mọi xúc động sinh hoạt héo lả như đóa hoa cắm trong bình.

Tôi không ưa cái lối tỉ dụ bí hiểm, nhưng nếu không dùng những tiếng thì vi mà chỉ dùng ngôn ngữ khoa học thì khó diễn được ý tôi lắm. Muốn nghĩ sao thì nghĩ, chúng ta vẫn là những đứa con của Trái đất ; đời sống của ta không tách khỏi đời sống của Trái đất. Trái đất nuôi ta cũng như nuôi cây cỏ, thú vật. Đời sống của Trái đất có một nhịp độ chậm chạp ; mùa thu và mùa đông cũng quan trọng cho nó như mùa xuân và mùa hè, sự nghỉ ngơi cũng cần cho nó như sự biến động. Trẻ em cần tiếp xúc với sự tuần hoàn của đời sống trái đất, còn hơn là người lớn nữa. Cơ thể con người trải qua các thời đại, đã thích ứng với nhịp điệu đó rồi và tôn giáo đã đánh

dấu nhịp điệu đó bằng lễ Phục Sinh ¹. Tôi còn nhớ đã thấy một em trai hai tuổi (chưa hề ra khỏi London), lần đầu tiên được dắt đi chơi đồng quê. Lúc đó đương mùa đông, đồng quê ẩm ướt và lầy lội, người lớn không thấy gì vui cả, nhưng đứa nhỏ thích thú lạ lùng ; nó quì xuống mặt đất ướt, vùi mặt trong cỏ và bập bẹ mấy tiếng hoan hỉ. Nỗi vui của nó chất phác, bình dị mà mênh mông. (...) Nhiều nỗi vui của ta khi tan rỗi, để lại cho ta cái vị mận mận như tro, một cảm giác bất mãn, và một niềm khao khát mà ta không hiểu khao khát cái gì. Những cái vui đó không làm cho ta hơn hở. Trái lại, những cái vui do ta tiếp xúc với đời sống của Trái đất có cái gì làm cho ta cực kì thỏa mãn ; hết vui rồi mà ta vẫn còn thấy sung sướng mặc dầu về cường độ, nó kém các cảm giác mãnh liệt hơn (...). Đứa bé tôi nói trên kia đã thực hiện được sự hòa hợp chất phác nhất có thể có được giữa chúng ta và đời sống của Trái đất. Nhưng dưới một hình thức cao hơn, hiện tượng đó có thể thấy trong thơ. Sở dĩ thơ trữ tình của Shakespeare được coi là thần cú là vì bằng bạc một niềm vui như niềm vui của em bé ôm cỏ trên kia. Bạn nhớ lại những bài : “Nghe này, nghe này, con chim Sơn ca” hoặc “lại đám cát vàng này”, bạn sẽ thấy trong đó cũng vẫn là

¹ Ở Trung Hoa và Việt Nam, có lễ Thanh Minh đúng vào thời lễ Phục Sinh. Các lễ khác như Nguyên Đán, Thượng nguyên, Trung nguyên, Trung thu... đều theo âm lịch, duy lễ Thanh Minh là theo dương lịch.

cái cảm xúc của em bé hai tuổi bập bẹ kia, nhưng được diễn tả một cách văn minh. Hoặc bạn thử nghĩ tới sự khác biệt giữa ái tình và tính dục. Ái tình làm cho cá thể chất lẫn tâm hồn ta như tái sinh, tươi mát ra không khác cây cối sau cơn nắng hạn mà gặp trận mưa rào. Còn trong sự giao cấu mà không có tình yêu thì không vậy, cái thú chốc lát kia qua rồi, chỉ còn lại sự mệt mỏi, sự ghê tởm và cái cảm giác rằng đời sống trống rỗng. Ái tình thuộc về đời sống của thiên nhiên, của trái đất, còn nhục dục mà thiếu ái tình thì không vậy.

Dân chúng trong các thành thị hiện nay có nỗi phiền muộn đặc biệt đó là tại họ đã tách ra khỏi đời sống của Trái đất. Đời sống của họ do đó hóa ra ngột ngạt, bụi bặm, khô khan, như một cuộc hành hương trong sa mạc. Điều này có vẻ như nghịch lí : những kẻ đù giàu có để lựa lối sống của họ, đáng lẽ phải sung sướng mà lại phiền muộn chịu không nổi, như vậy chỉ vì họ sợ cảnh phiền muộn, gạt bỏ cái phiền muộn có lợi cho tâm hồn đi nên phải chịu một cảnh phiền muộn tệ hơn. Một đời sống sung sướng phải là một đời sống bình tĩnh trước hết, vì sự hoan lạc chỉ có thể phát triển trong một không khí bình tĩnh mà thôi.

5

SỰ MỆT NHỌC

Có nhiều thứ mệt nhọc, có thứ hại nhiều cho hạnh phúc hơn các thứ khác. Sự mệt nhọc hoàn toàn về thể chất miễn dừng thái quá là điều kiện tốt nhất cho hạnh phúc ; nhờ nó mà ăn ngon, ngủ ngon và những thú vui trong các dịp nghỉ tăng lên. Nhưng nếu nó thái quá thì rất nguy hiểm. Dân bà ở đồng áng, trừ vài nơi công việc canh nông tảo tấp nhất, vì phải làm việc quá sức mà khoảng ba mươi tuổi đã già rồi. Hồi đầu thời đại kĩ nghệ hóa (nghĩa là giữa thế kỉ trước ở phương Tây) có nhiều đứa trẻ éo ọt, không lớn thêm được nữa, nhiều đứa chết giữa tuổi thanh xuân vì làm việc quá sức. Hiện tượng đó còn đang xảy ra ở Trung Hoa và Nhật Bản (năm 1930) mà sự kĩ nghệ hóa mới bắt đầu, và xảy ra phần nào đó ở Nam Mĩ. Sự làm việc về thể chất nếu quá mức, là một cực hình ghê gớm, và làm cho đời sống chịu không nổi. Nhưng hiện nay tại những xứ tiên tiến hơn, sự mệt nhọc về thể chất đã giảm một phần lớn nhờ sự cải thiện các

điều kiện kĩ nghệ ; sự mệt nhọc tai hại nhất là sự mệt nhọc thần kinh, mà có vẻ như kì dị, giới phong lưu (các nhà kinh doanh, hạng trí thức) lại mắc nhiều hơn là giới thợ thuyền.

Tránh được sự mệt nhọc đó do đời sống hiện đại gây ra, không phải là dễ. Trước hết, người thợ ở thành thị, trong suốt ngày làm việc, nhất là trong thời gian từ nhà tới xưởng, từ xưởng về nhà, phải chịu cảnh ồn ào ; dành rảnh lâu cũng quen đi mà không nghe thấy phần lớn những tiếng động nữa, nhưng như vậy cũng hao phí tinh lực, nhất là tiềm thức phải gắng sức để không ghi lại những tiếng động đó. Một nguyên nhân nữa mà chúng ta không để ý tới là lúc nào cũng có mặt những người lạ. Bản tính con người cũng như mọi loài vật khác là nhận xét kĩ những sinh vật lạ cùng một loài để đoán xem có thiện cảm hay ác cảm với mình, coi mình là bạn hay thù. Những người đi xe điện dưới hầm trong những giờ đông hành khách đều phải dồn nén bản năng đó xuống, do đó thay bực mình bằng quơ với tất cả những người lạ mà mình vô tình phải tiếp xúc. Lại còn nổi háp tấp bất cho kịp chuyển xe buổi sáng mà sinh ra chứng khó tiêu hóa. Như vậy, khi tới sở để bắt đầu làm việc thì thần kinh đã căng thẳng cực độ rồi, quạu quọ muốn coi cả nhân loại là một tai ương cho mình. Ông chủ tới sở, tâm trạng cũng như vậy mà không tỏ thái độ nhà nhân cho người làm công vui vẻ hơn. Người làm công sợ bị đuổi, rần có cử chỉ

khúm núm, cứ chỉ đó không tự nhiên, thành thử thần kinh càng thêm căng thẳng. Nếu mỗi tuần người làm công được beo mũi ông chủ một lần, hoặc bằng một cách nào khác, được tỏ nỗi oán hận của mình cho ông chủ biết, thì thần kinh của họ bớt căng thẳng đi được¹; nhưng về phần ông chủ, cũng bực mình về những lo lắng riêng, thì cách đó không có kết quả. Người làm công sợ bị đuổi, còn ông chủ sợ bị phá sản. Đánh rằng có một số ông chủ uy thế đã mạnh rồi, không sợ bị phá sản, nhưng trước khi đạt được địa vị đó, họ đã phải chiến đấu gay go biết bao năm, luôn luôn theo dõi các biến cố trên thế giới, luôn luôn tìm cách phá các âm mưu, gian kế của kẻ cạnh tranh với họ. Vì vậy, khi thành công vững vàng thì họ đã có cái thói quạu quọ, đã có cái cố tật lo lắng, không sao chữa được, không có gì đáng lo cũng lo. Con trai bọn phú gia đáng lẽ được sung sướng chứ mà cũng tự gây cho mình những nỗi lo lắng. Chúng đánh cá, cờ bạc, làm cho cha bực mình; chúng thức đêm để đùa giỡn, chơi bời, sức khỏe suy đi; khi biết tu tỉnh thì cũng không thể hưởng

¹ Một hãng ở Nhật có sáng kiến để riêng một phòng có một hình nộm và cả chục cái gậy tre, hễ nhân viên nào có điều gì uất hận về người trên, kẻ dưới, thì cứ vô đó cắm gậy tha hồ đập vào hình nộm. Cách đó có kết quả. - Bà Laura Archera Haxley khuyên ta treo một trái banh trong một phòng riêng, có điều gì bực mình thì vô đó đâm vào trái banh cho hả dạ. (Coi cuốn *Xây dựng hạnh phúc* - Nhà Văn Hóa - 1996.)

được hạnh phúc, y như cha chúng vậy. Do bất buộc hay tự ý, hầu hết con người thời này sống một đời bực bội, kích thích, và lúc nào cũng quá mệt, không uống vài li rượu vào thì không thể chơi bởi được nữa.

Thôi chúng ta bỏ bọn trọc phú đó đi, họ ngu ngốc, không đáng xét mà xét trường hợp thông thường hơn của những người mệt nhọc vì phải làm một công việc cần gắng sức quá. Phần lớn, những người đó mệt nhọc vì lo lắng, mà tất lo lắng này có thể tránh được nếu họ có một triết lí lành mạnh hơn về nhân sinh và tư chủ được hơn. Hầu hết chúng ta không kiểm soát được tư tưởng của mình, nghĩa là không thể dừng nghĩ tới cái gì nó làm cho mình khổ não, khi biết rằng có làm gì cũng vô ích, không ngăn cản cái đó được. Người ta mang theo những nỗi lo lắng khi lên giường, và ban đêm đáng lẽ nghỉ ngơi để lấy lại sức hôm sau chiến đấu nữa thì cứ thắc mắc hoài về những vấn đề hiện thời không sao giải quyết được (...). Sáng hôm sau dậy, cái tâm trạng điên khùng ban đêm đó vẫn còn làm cho trí óc tôi tăm lịt, không phán đoán sáng suốt được, tính tình thêm quạu quọ và gặp một trở ngại nào cũng nổi điên lên. Con người sáng suốt chỉ nghĩ tới những nỗi lo lắng của mình khi thấy việc đó có ích lợi; nếu không thì bỏ đi, nghĩ chuyện khác, mà khi lên giường rồi thì chẳng thêm nghĩ tới gì hết. Tôi tuyệt nhiên không muốn bảo rằng, gặp những cuộc khủng hoảng lớn, hoặc khi có những lí do chắc chắn để tin rằng

vợ mình có ngoại tình, thì ta vẫn có thể đừng lo nghĩ gì cả, nếu thấy không có cách nào vãn hồi được. Không, chỉ những người đặc biệt tự chủ mới có thái độ như vậy được. Nhưng ai cũng có thể gạt bỏ những nỗi bực mình nhỏ nhỏ hằng ngày nếu không bắt buộc phải đương đầu với nó. Hạnh phúc càng hiệu quả, những phản ứng của ta có thể tăng lên một cách kì dị, nếu ta rán tập cho trí óc làm việc có kỉ luật, tập trung tư tưởng vào một vấn đề cho đúng lúc, chứ không suy nghĩ lơ mơ suốt ngày. Khi phải có một quyết định khó khăn, ta thu thập cho đủ các dữ kiện cần thiết, suy nghĩ kĩ ngay về vấn đề, rồi quyết định ; đã quyết định rồi, đừng đổi ý nữa, trừ phi biết thêm được những dữ kiện mới. Không có gì làm tiêu tan sinh lực, mà cũng không có gì vô ích bằng sự do dự.

Nhiều nỗi lo lắng có thể giảm được nếu ta thấy rằng lí do chẳng quan trọng gì mấy. Hồi xưa, tôi đã có nhiều lần nói trước công chúng ; mấy lần, thấy đám thính giả tôi đâm hoảng sợ, nói lúng túng trong miệng ; tôi sợ tới nỗi lần nào cũng mong gặp một tai nạn cho gãy một giò, trước ngày phải diễn thuyết ; và khi diễn thuyết xong, thần kinh kích thích quá, tôi kiệt lực. Lần lần tôi nghĩ ra rằng mình nói hay hay dở thì quan trọng quái gì thế giới vẫn vậy, thay đổi gì đâu. Và tôi nhận thấy càng ít quan tâm tới cái điều mình nói hay hay dở thì tôi càng bớt dờ dãi và sau cùng sự căng thẳng thần kinh gần như mất hẳn. Có thể dùng cách đó để chống lại nhiều sự mệt mỏi

thần kinh. Hành động của ta không quan trọng như ta tưởng đâu ; xét cho cùng, thành công hay thất bại cũng chẳng có gì quan trọng lắm. Người ta có thể vẫn sống được sau những nỗi đau khổ đứt ruột ; tưởng rằng có thể làm cho ta vĩnh viễn từ biệt mọi nỗi vui ở đời, vậy mà lần lần chúng phai mờ đi tới nỗi mình không còn nhớ được chúng đã dữ dội ra sao nữa. Nghĩ như vậy còn là tự coi mình là trung tâm vũ trụ ; sự thực này mới quan trọng hơn : cái "ta" trong vũ trụ chỉ là nhỏ xíu. Người nào tập trung được tư tưởng và hi vọng vào một cái gì vượt lên khỏi cái "ta" thì trên cánh lo âu bực bội hàng ngày, tâm hồn có thể bình tĩnh được. Người hoàn toàn vị kỉ không có được sự bình tĩnh đó.

Rất ít sách nghiên cứu về vệ sinh của thần kinh. Khoa tâm lí áp dụng vào kĩ nghệ đã nghiên cứu khá sâu vấn đề mệt nhọc và đã dùng những bảng thống kê tỉ mỉ, chứng minh rằng nếu bạn làm một công việc gì khá lâu thì bạn sẽ thấy mệt - cái đó có gì lạ đâu, phổ thông kiến thức khoa học làm chi cho hoài công. Các tâm lí gia đó chú ý nhất tới sự mệt nhọc của bắp thịt, mặc dầu cũng có vài nhà nghiên cứu về sự mệt nhọc của học sinh. Nhưng vấn đề quan trọng nhất thì các ông ấy lại bỏ qua. Ngày nay sự mệt nhọc hoàn toàn về trí óc và hoàn toàn về bắp thịt, chỉ ngủ một giấc là hết. Người nào phải làm một công việc lâu dài bằng trí óc mà không có phần cảm xúc - chẳng hạn làm những bài toán mệt nhọc - thì tối về, ngủ

một giấc là sáng hôm sau tỉnh táo như thường. Sự lao tâm lao lực cơ hồ như không bao giờ do nguyên nhân đó cả ; chính sự rầu rĩ, lo lắng mới là thủ phạm. Sự mệt nhọc về cảm xúc sơ dĩ rất nguy hiểm là vì nó làm cho ta không nghĩ ngợi được. Một người càng mệt nhọc lại càng khó ngưng công việc lại được. Khi nào mình tin rằng công việc mình làm cực kì quan trọng, nếu nghỉ sẽ tai hại dù thử, lúc đó là có cái triệu chứng rằng bộ thần kinh của mình sắp hủy hoại rồi đấy. Nếu tôi là y sĩ, tôi sẽ bắt bệnh nhân nào coi công việc của mình là quan trọng phải nghỉ làm việc ngay. Tôi đã nghiên cứu nhiều trường hợp thần kinh bị hủy hoại cơ hồ như vì làm việc, mà sự thực chỉ tại bệnh nhân có một nỗi buồn rầu nào đó, phải rấn làm việc cho quên đi, không chịu ngưng làm việc vì nếu ngưng thì lại phải suy nghĩ về cảnh bất hạnh của mình. Có thể là họ bị phá sản và trong trường hợp đó công việc của họ liên quan trực tiếp với nỗi lo đó ; nhưng dù vậy đi nữa, sự lo lắng cũng có thể buộc họ làm việc nhiều quá khiến cho óc phán đoán kém sáng suốt mà họ càng mau bị phá sản hơn là làm việc vừa vừa thôi. Trong mọi trường hợp, rốt cuộc không phải sự làm việc mà chính sự ưu tư là nguyên nhân sự hủy hoại.

Bệnh ưu tư xét về tâm lí, không giản dị đâu. Trên kia tôi đã nói về sự tự chủ, tập có thói quen nghĩ tới một việc nào đó đúng lúc thích hợp nhất rồi thôi. Điều đó quan trọng vì lẽ thứ nhất, như vậy, ta đỡ phải suy nghĩ

trong mỗi ngày làm việc ; lẽ thứ nhì, ta trị được bệnh mất ngủ ; lẽ thứ ba, ta quyết định mau hơn, có hiệu quả hơn. Nhưng những cách đó không đạt tới cái tiềm thức, cái vô thức, mà trong trường hợp bệnh nặng, phải đi sâu xuống dưới cái cõi hữu thức¹ mới trị được. Các tâm lý gia đã nghiên cứu nhiều về sự phản xạ của cái vô thức lên cái hữu thức, nhưng rất ít người nghiên cứu sự tác động của cái hữu thức xuống cái vô thức. Mà tác động đó cực kỳ quan trọng về phương diện vệ sinh tinh thần, ta phải hiểu rõ nó thì các điều tin tưởng hợp lý của ta mới tác động tới cõi vô thức được. Điều đó áp dụng vào bệnh lo lắng lại càng đúng. Tự nhủ rằng sự bất hạnh này, sự bất hạnh nọ, dù có xảy ra, cũng chẳng ghê gớm gì lắm, tự nhủ như vậy là việc dễ, nhưng nếu tin tưởng đó chỉ mới ở cõi hữu thức (chưa đi sâu xuống cõi vô thức) thì đêm ta vẫn trằn trọc, vẫn có ác mộng. Tôi tin rằng một tư tưởng ở cõi hữu thức, nếu đủ mạnh thì có thể đâm sâu xuống cõi vô thức được. Cõi vô thức một phần lớn gồm những tư tưởng trước kia ở cõi hữu thức mà chứa nhiều cảm xúc mạnh, rồi lần lần bị vùi xuống, nén xuống. Ta có thể có ý làm cái việc dồn nén đó khiến cho cõi vô thức giúp ta được nhiều việc hữu ích. Chẳng hạn tôi nhận thấy khi phải viết về một đề tài nào hơi khó, thì cách tốt nhất là

¹ Nghĩa là tới cõi tiềm thức và cõi vô thức. Tiềm thức là một phần dưới của cõi vô thức.

suy nghĩ lung về nó - đem tất cả năng lực tinh thần ra mà suy nghĩ - trong vài giờ hoặc vài ngày, rồi sau thời gian đó, "ra lệnh" cho công việc đó tự nó phải tiếp tục một cách bất giác, vô thức. Vài tháng sau, tôi tự ý trở lại để tài đó và thấy rằng công việc đã làm xong. Trước khi kiếm ra được thuật đó, tôi có thói quen lo lắng cả mấy tháng vì thấy mình không tiến bộ được chút nào cả ; lo lắng như vậy mà có tìm được giải pháp mau hơn đâu, thế là phí mấy tháng trời ; bây giờ tôi có thể dùng mấy tháng đó vào những hoạt động khác.

Có thể dùng một cách tương tự như vậy để trị bệnh lo lắng. Khi bị một sự bất hạnh nào đó đe dọa bạn có ý suy nghĩ thật kĩ xem cái tệ nhất, nguy nhất có thể xảy ra sẽ ra sao. Sau khi nhìn thẳng vào cái nguy hại nhất đó rồi, bạn tìm những lí lẽ vững để tự nhủ rằng xét cho cùng, dù cái đó có xảy ra thì cũng chẳng có gì ghê gớm lắm. Luôn luôn bạn tìm được những lí lẽ đó vì muốn nguy hại tới đâu đi nữa, thì một việc xảy ra cho bạn thân ta có quan trọng gì đâu đối với vũ trụ. Khi bạn đã cương quyết xét trong một thời gian cái nguy hại lớn nhất có thể xảy ra, rồi bạn thực sự tin rằng : "Xét cho cùng, cái đó chẳng quan trọng gì lắm", thì bạn thấy bớt lo đi nhiều. Có lẽ cần phải làm lại cách đó nhiều lần nhưng nếu bạn đã không bỏ sót một chút gì khi đoán trước cái nguy hại nhất có thể xảy ra, thì bạn sẽ hết lo mà còn vui vẻ là khác nữa.

Cách đó cũng thuộc về một thuật bao quát hơn để tránh sự sợ hãi. Lo là một hình thức sợ mà sợ thì sinh ra mệt. Người nào tập được đức không lo sợ sẽ thấy sự mệt mỏi trong đời sống hàng ngày bớt đi nhiều. Sự sợ sệt, dưới những hình thức tai hại nhất, phát sinh ra khi có một nguy cơ mà chúng ta không muốn đương đầu. Trong những lúc ngồi không, nhiều tư tưởng ghê gớm thoáng hiện trong óc ta, người sợ cái này, kẻ sợ cái khác, nhưng không ai không có một nỗi sợ thấm kín nào đó. Ông này sợ bị "cứng xe" (cancer), ông kia sợ bị phá sản, ông thứ ba sợ thiên hạ phát giác được một điều bí mật nhục nhã của mình, ông thứ tư nghi ngờ vợ có ngoại tình mà khổ não, ông thứ năm đêm đêm bị ám ảnh về cõi địa ngục : chưa biết chừng những cảnh vạc dầu, bàn chông hồi nhớ mẹ kể mà đúng đấy. Chắc chắn là tất cả những người đó dùng một kĩ thuật tồi để chống lại nỗi sợ : rónghì tới cái khác, nghĩ tới các cuộc vui chơi hoặc tới công việc làm ăn, vân vân... khi nỗi sợ của họ xuất hiện trong óc. Mà hệ không xét kĩ nỗi sợ, cứ trốn nó, thì nó tăng lên (...), và muốn chống lại nó, phải bình tĩnh, tập trung hết vào tinh thần suy nghĩ về nó một cách hợp lí, cho tới khi mình quen với nó. Sau cùng nhờ quen với nó mà ta thấy nó bớt ghê gớm, rồi hóa nhàm chán ; lúc đó tự nhiên, chứ không khó nhọc như trước kia, ta không nghĩ tới nó nữa, vì thấy nó vô nghĩa, chẳng đáng chú ý tới. Nếu bạn có cái xu hướng nuôi những ý nghĩ sâu thẳm về mọi vật, thì

cách tốt nhất là cứ nghĩ thêm về nó nữa đi, nghĩ hoài cho tới khi nó không còn ám ảnh bạn nữa.

Vấn đề lo sợ là một trong những vấn đề mà luân lí hiện đại tỏ ra có khuyết điểm nhất. Người ta đòi hỏi đàn ông phải can đảm, đặc biệt là trong thời chiến, nhưng còn nhiều hình thức can đảm khác, người ta lại không buộc họ phải có, mà đàn bà thì không buộc phải có một thứ can đảm nào cả. Một người đàn bà can đảm phải giấu, không cho đàn ông biết rằng mình can đảm, nếu muốn làm vừa lòng họ. Người ta chê một người đàn ông không sợ gì hết, trừ khi gặp nguy về thể chất. Ai coi thường dư luận thì bị trách là thách đố thiên hạ, và xã hội dùng đủ cách để phạt kẻ nào dám phạm đến uy quyền của xã hội. Nên ngược lại như vậy mới phải chứ. Mọi hình thức can đảm, ở đàn ông hay đàn bà, đáng lí phải được tôn trọng như sự can đảm của người lính ở mặt trận. Thanh niên thường can đảm về thể chất, điều đó chứng tỏ rằng nếu dư luận đòi hỏi thì mọi người có thể can đảm được. Nếu người ta can đảm hơn thì sẽ bớt lo lắng hơn, do đó bớt sự mệt nhọc hơn, vì phần rất lớn các sự mệt nhọc thần kinh của đàn ông và đàn bà thời nay là do những nỗi sợ sệt hữu thức hoặc vô thức.

Một nguyên nhân thường gây ra mệt mỏi là thích được kích thích. Một người có thể dùng những lúc rảnh để ngủ thì tinh thần rất được quân bình ; nhưng sau khi làm việc mệt nhọc người ta lại thường thấy cần phải chơi.

bời, vui nhộn trong những giờ rảnh. Khốn một nỗi là những thú vui dễ kiếm nhất, phù phiếm nhất, hấp dẫn nhất lại hầu hết làm hao mòn tinh lực đi. Sự thích những cảm xúc mạnh, khi quá một mức độ nào đó, là dấu hiệu của một tinh thần quý quýệt, hoặc của một sự bất bình tự nhiên, do bản năng (...)

Ta nên nhớ rằng những thú vui quá độ không đưa tới hạnh phúc, và ta phải tự chủ, đừng tìm nhiều thú vui quá nó có hại cho sức khỏe và công việc của ta. Muốn trị tận gốc những nỗi phiền muộn của tuổi trẻ, chúng ta phải thay đổi luân lý chung. Nếu dư luận quần chúng cho phép thanh niên cưới vợ hồi hai mươi một tuổi, mà không phải chịu những gánh nặng về tiền tài do hôn nhân gây ra như ngày nay thì nhiều người sẽ không đi tìm những thú vui làm hao mòn sinh lực nữa¹. Nhưng gợi ý đó ra, cho rằng nó có thể thực hiện được thì mang tiếng là phi luân (...). Trong khi chờ đợi, một thanh niên nghĩ rằng một ngày nào đó sẽ cưới vợ, vậy nên sống ra sao, cho thần kinh khỏi phải hư hại, khỏi phải mất cái khả năng

¹ Tác giả muốn cho thanh niên nam nữ cưới nhau sớm, có con cái thì gia đình hoặc xã hội sẽ nuôi, hoặc cầu mang cho để nuôi, để họ bớt chơi bậy. Xã hội mình xưa thế kỉ trước như vậy. Mà hiện nay ở Âu Mĩ, thanh niên vừa đi học vừa kiếm tiền được, cũng có xu hướng lập gia đình sớm.

hương những thú vui êm đềm, mà hôn nhân sau này mới có hạnh phúc được.

Sự mệt nhọc về thần kinh sở dĩ rất nguy hiểm là vì nó như bức bình phong ngăn con người với thế giới ở ngoài, thành thử ấn tượng như lơ mờ, dịu nhạt ; có nhận thấy người khác thì chỉ muốn nổi quạu vì thói giao hoạt, giả dối của họ ; ăn không thấy ngon, nhìn ánh nắng không thấy thích, chỉ muốn tập trung tinh thần vào vài vật nào đó thôi còn thì thờ ơ với hết thảy. Như vậy không thể nghỉ ngơi được và sự mệt nhọc cứ tăng hoài cho tới lúc thành bệnh phải trị. Cái đó là một hình phạt vì cái tội sống mà không tiếp xúc với Thiên nhiên như tôi đã nói trong chương trên. Nhưng trong các đô thị lớn hiện nay làm cách nào tiếp xúc với Thiên nhiên được ? Vấn đề đó lại thuộc về những vấn đề xã hội mênh mông, mà tôi không muốn bàn tới trong cuốn này.

6

LÒNG GANH TỊ

Sau sự lo lắng, sự ganh tị là một trong những nguyên nhân mạnh nhất gây ra đau khổ. Theo tôi, ganh tị là một trong những tật phổ biến nhất và dâm rĩ sâu nhất trong lòng người. Người ta thường thấy nó ở những em bé chưa đầy tuổi tôi, và tất cả các nhà giáo dục phải hết sức chú ý tới nó. Hễ ta hơi tỏ vẻ yêu một đứa này hơn một đứa khác là trẻ cảm thấy liền, nhận thấy liền. Phải hoàn toàn vô tư, luôn luôn vô tư, cương quyết vô tư khi dạy trẻ. Nhưng người lớn thì cũng ganh tị và ghen (một hình thức ganh tị) như trẻ, chỉ khác trẻ hơi bộc trực hơn một chút.

Chẳng hạn các chị giúp việc nhà : tôi còn nhớ khi một chị giúp việc nhà cho tôi có mang, tôi bảo chị thôi đừng xách những đồ nặng nữa, thì tức khắc các chị khác cũng không chịu xách đồ nặng nữa và vợ chồng tôi phải làm lấy những công việc đó.

Lòng ganh tị là nền tảng của chế độ dân chủ. Triết gia Hi Lạp Héraclite (thế kỉ thứ VI trước công nguyên) bảo rằng các công dân Ephèse đáng đem treo cổ hết vì đã nói: "Trong bọn chúng ta không có ai đứng đầu". Phong trào dân chủ tại các tiểu bang Hi Lạp chắc là gần hoàn toàn bắt nguồn ở lòng ganh tị đó. Mà chế độ dân chủ ngày nay cũng vậy. Có một thuyết duy tâm cho rằng chế độ dân chủ là chế độ tốt nhất. Tôi cho thuyết đó đúng. Nhưng trong chính trị thực tế, không có khu vực nào mà những thuyết duy tâm lại đủ mạnh để gây nên những cuộc biến đổi quan trọng ; khi có những cuộc xáo trộn lớn lao thì lí thuyết chỉ để che giấu tình dục thôi. Mà hiển nhiên là tính ganh tị đã thúc đẩy các thuyết dân chủ, không còn cái gì được nữa. Bạn đọc hồi kí của bà Rolland mà người ta thường ca tụng là một người đàn bà cao thượng, hi sinh cho dân chúng, bạn sẽ thấy sở dĩ bà thành một nhà dân chủ nhiệt tâm, là vì một lần đi thăm một lâu đài quý tộc, bà bị người ta dắt vào nhà bếp.

Lòng ganh tị có tác động quan trọng tới đa số các bà các cô đảng hoàng. Bạn ngồi trong xe điện đường hầm, thấy một bà ăn bận sang trọng đi ngang thì bạn

ngó các bà khác mà xem. Bà nào bà nấy - có lẽ chỉ trừ những bà ăn bận còn sang hơn nữa - đều nhìn theo bà nọ, ác cam ra mặt, và rân râm lẽ này lẽ khác để nói xấu người ta. Thói thích bêu xấu thiên hạ là một hình thức của cái ác tâm phổ biến đó, và hễ có ai nói xấu một người đàn bà nào thì người ta tin liền, dù không đủ chứng cứ. Một luận lí nghiêm khắc¹ cũng là để nhắm mục đích đó; người ta ganh tị những người đã có cơ hội phạm thứ luận lí đó, và nghĩ rằng phải trừng trị tội đó, là tỏ rằng mình có đạo đức. Thứ đạo đức đặc biệt đó chắc chắn có phần thương của nó.

Đàn ông cũng có thói ganh tị chỉ khác phụ nữ coi mọi người đàn bà khác là địch thủ của mình còn đàn ông thường chỉ coi những người cùng nghề nghiệp với mình là địch thủ thôi. Độc giả đã có lần nào lỡ lời khen một nghệ sĩ trước mặt một nghệ sĩ khác không? Có lần nào khen một chính trị gia trước mặt một chính trị gia khác cùng đảng không? Khen một nhà Ai Cập học² trước mặt một nhà Ai Cập học khác không? Nếu có thì trăm phần có chín mươi chín phần chắc là bạn đã làm nổi một cơn ghen đấy. Trong tập thư từ Leibniz và Huyghens gởi cho nhau, có một số bức họ phàn nàn về bệnh điên họ gán cho Newton. Họ viết: "Thiên tài tuyệt luân của

¹ Tác giả muốn nói nghiêm khắc về sự trai gái yêu nhau. Ta nên nhớ ông chủ trương ái tình tự do

² Môn nghiên cứu văn minh, sử kí cổ Ai cập.

Newton mà bị sự mất trí làm mờ ám đi thì có đáng buồn không chứ?”. Và trong nhiều bức thư hai bậc siêu quần đó nhỏ những giọt “nước mắt cá sấu” một cách thích thú hiển nhiên. Thực ra, tuy cách cư xử của Newton kì quái làm cho nhiều người bàn tán thật đấy, nhưng ông ta đâu có điên, mà hai nhà giả nhân giả nghĩa kia tỏ lòng thương hại.

Trong bản tính con người, tính ganh tị đáng ghét nhất. Kẻ ganh tị chẳng những có thể gây khổ cho người khác - hễ có cách gây khổ mà không bị trừng trị thì hẳn gây liền - mà còn tự gây khổ cho bản thân hẳn nữa. Đáng lẽ hưởng cái hấn có thì hẳn đau khổ về cái người khác có. Nếu có thể được, hẳn làm cho người khác không được hưởng lợi lộc, và lấy thế làm thích thú y như hẳn được hưởng những lợi lộc đó vậy. Nếu hẳn không kìm hãm thói đó lại thì nó hóa ra tai hại cho mọi tài năng, người khác có một tài đặc biệt nào muốn dùng vào một việc lợi ích nhất cũng không được. Tại sao một y sĩ lại được lái xe hơi đi thăm bệnh trong khi người thợ phải đi bộ tới hãng? Tại sao nhà bác học lại được phép ở trong một phòng sưởi ấm trong khi những người khác phải gọi mưa dầm gió? Tại sao một người có một tài năng hiếm và quý cho tương lai nhân loại lại được miễn cái cực hình là quét nhà, rửa chén? Kẻ ganh tị không sao trả lời được những câu hỏi đó. May thay, trong bản tính con người còn có một tình cảm bù lại : là biết ngưỡng mộ. Ai muốn

tăng hạnh phúc của nhân loại thì cũng muốn rằng lòng ngưỡng mộ này nở lên mà lòng ganh tị giảm đi.

Có cách nào trị tính ganh tị không ? Các vị thánh có một cách là quên mình đi, mặc dầu ngay giữa các vị thánh với nhau chưa chắc đã khỏi có lòng ganh tị. Tôi không hoàn toàn chắc rằng Thánh Siméon Ngồi trên cột¹ mà thực vui lòng khi hay tin một vị thánh khác đã ngồi lâu hơn ngài trên một cái cột khác hẹp hơn cột của ngài. Nhưng thôi, không kể các ông thánh, còn đối với bọn người thường, đàn ông và đàn bà, thì chỉ có một phương thuốc trị tính ganh tị, là hạnh phúc ; mà khôn nổi, chính cái tính ganh tị lại là một cản trở ghê gớm cho hạnh phúc.

Tôi cho rằng những đau khổ trong tuổi thơ đã làm cho tính ganh tị này nở một phần lớn. Đứa trẻ thấy một em trai hoặc em gái của nó được cưng hơn nó, tất sinh ra tị nạnh, và lớn lên, nó sẵn sàng tin rằng sẽ phải chịu nhiều nỗi bất công ; nếu những bất công đó quả thực xảy ra thì nó nhận thấy liền, nếu không xảy ra thì nó tưởng tượng ra. Một người như vậy nhất định là khổ sở, làm phiền cho bạn bè vì bạn bè không làm sao rán tránh hết được những xúc phạm tưởng tượng. Mới đầu tin rằng

¹ Những nhà tu hành đó ngồi hàng tháng trên đỉnh một cái cột cao ngất ngheo, đại khái như ông Đạo Dừa của mình.

không ai thương mình, người ganh tị rút cuộc có một thái độ làm cho mọi người hết thương được.

Một bất hạnh nữa hậu quả cũng tai hại như vậy là sinh vào một gia đình cha mẹ không yêu con. Không có anh em chị em được cưng hơn mình một cách bất công, nhưng lại thấy trẻ con trong các gia đình khác được cha mẹ cưng hơn, thế là đứa bé dâm oán những trẻ em khác, oán cha mẹ nó nữa, và lớn lên nó tự cảm thấy bị gia đình bỏ bê. Trời sinh ra, ai cũng cần được hưởng một phần hạnh phúc ; kẻ nào không được hưởng chút hạnh phúc nào thì nhất định hóa ra hư hỏng, chua chát.

Nhưng con người ganh tị có thể đáp : “Nói làm chi với tôi rằng hạnh phúc là phương trị thói ganh tị ? Tôi còn cảm thấy ganh tị thì không thể có hạnh phúc được, mà ông lại bảo hễ tôi chưa tìm được hạnh phúc thì không thể hết ganh tị được”. Nhưng đời sống thực sự đâu có “lô gích” như vậy. Chỉ xét nguyên nhân của thói ganh tị thôi, thì càng không tìm ra được cách trị. Cái thói so sánh phân bì là thói tai hại. Một việc vui nào xảy ra cũng đáng cho mình thích, tận hưởng, không nên nghĩ rằng cái vui đó còn kém cái vui có thể xảy ra cho ông hàng xóm. Người ganh tị bảo : Phải, mặt trời rực rỡ đây, mùa xuân tới, chim chóc ríu rít, trăm hoa đua nở, nhưng nghe người ta nói, mùa xuân ở đảo Sicile còn đẹp hơn cả ngàn lần, mà tiếng chim hót trên núi Hélicon (ở Hy Lạp) còn véo von hơn, mà loài hồng ở Sharon (Mi) còn đẹp

hơn tất cả các thứ hồng trong vườn tôi". Trong khi hắn bị những ý nghĩ đó ám ảnh thì mặt trời bị che khuất, tiếng chim hóa ra hết vui và hoa cỏ hồ cũng không đáng ngắm nữa. Hắn nhìn tất cả các nỗi vui khác trong đời cũng theo cách đó. Hắn tự như : "Phải, cô nàng của mình dễ thương thật, mình yêu nàng, mà nàng cũng yêu mình, nhưng Nữ hoàng Saba còn đẹp hơn nhiều ! Giá mình được như vua Salomon...¹. So sánh như vậy thật là vô lý, lô bịch, dù nữ hoàng Saba hay bà hàng xóm mà làm cho ta bất mãn về thân phận mình, thì cũng là vô lý hết. Người khôn không đứng núi nọ trông núi kia. Sự thực ganh tị là một thói xấu về tâm hồn và trí óc, khiến cho ta luôn nhìn một vật nào cũng chỉ nghĩ tới vật khác. Tôi kiếm đủ ăn, đáng lý nên thỏa mãn rồi chứ, nhưng lại nghĩ rằng một kẻ nào đó tôi cho rằng tài không hơn tôi mà lãnh lương gấp hai tôi thế là cái vui của tôi giảm đi liền, mà hóa ra rầu rĩ vì cảm thấy mình bị cạnh bất công.

Một phương thuốc hiệu nghiệm để trị tật đó là tự chu, tập đừng có những ý nghĩ vô ích, thử hỏi có gì đáng quý hơn là hạnh phúc không ? Nếu trị được tật ganh tị thì mình sẽ được sung sướng và đáng làm cho người khác thêm hạnh phúc của mình chứ. Con người lãnh lương gấp hai tôi kia chắc cũng đau khổ vì nghĩ rằng có kẻ lãnh

¹ Cõi cuộc chú, chương 2

lượng gấp hai hấn, và cứ như vậy kẻ nọ ganh tị kẻ kia. Nếu bạn ham danh vọng bạn có thể ganh tị với Napoléon. Nhưng Napoléon ganh tị với César, César ganh tị với Alexandre, và Alexandre, có thể ganh tị với Hercule, một nhân vật thần thoại. Vậy chỉ nhờ sự thành công thì không sao tránh được thói ganh tị, vì luôn luôn có một nhân vật lịch sử hay thần thoại thành công hơn ta. Bạn nên hưởng cái vui nó tới với bạn, làm công việc bạn phải làm, đừng tự so sánh với những người bạn tưởng rằng sướng hơn bạn - có thể là tướng lâm đậy - đó là những cách tốt nhất để khỏi ganh tị.

Thói giả nhũn đóng một vai quan trọng trong tính ganh tị. Người ta cho nhũn nhận là một đức tốt, nhưng theo tôi, nếu nó cực đoan thì không đáng được khen như vậy. Nhưng người nhũn nhận cần thỉnh thoảng được khuyến khích cho vững lòng : họ không dám làm những việc vừa sức họ. Họ nghĩ rằng bạn bè họ có tài năng hơn họ, lấn áp họ, cho nên họ rất dễ sinh ra ganh tị, rồi bất mãn, có ác ý. Theo tôi lời giáo dục tập cho trẻ tự tin rằng nó ngoan, là một lời giáo dục tốt. Tôi không nghĩ rằng một con công mà ganh tị với một con công khác, vì con công nó cũng tin rằng cái đuôi của nó đẹp nhất đời rồi. Vì vậy mà loài công là loài chim ưa hòa bình, không đá nhau, mổ nhau. Bạn thử tưởng tượng đời sống một con công sẽ khổ sở ra sao nếu nó tự nghĩ khen mình là một tật xấu. Lúc đó, mỗi khi thấy một con công khác xẻ đuôi

nó sẽ nghĩ bụng : “Mình không nên tưởng rằng đuôi của mình đẹp hơn đuôi của nó, như vậy xấu lắm, nhưng giá đuôi của mình mà đẹp hơn thì sướng quá ! Con chim khà ố đó sao mà tự tin sắc đẹp lộng lẫy của nó đến thế ! Mình có nên lại mổ cho nó mấy cái, bứt mấy cái lông của nó đi không ? Như vậy có lẽ mình sẽ khỏi sợ thiên hạ đem mình ra so sánh với nó”. Hoặc có thể nó sẽ đặt bẫy để chứng tỏ rằng con công kia độc ác, có một hành vi không xứng đáng, tội lỗi, rồi đi tố cáo con đó trong một cuộc hội nghị các ông xếp. Như vậy lần lần nó sẽ đặt ra được qui tắc này là những con công nào có một cái đặc biệt đẹp thì hầu hết là độc ác, mà ông xếp nào sáng suốt trong cái vương quốc loài công nên tuyển dụng một con chim nào đó chỉ có vài cái lông dơ dáy. Khi làm cho nguyên tắc đó được chấp nhận rồi, nó sẽ xử tử hình tất cả các con chim đẹp, và rốt cuộc không còn một cái đuôi nào thực lộng lẫy nữa, cái đó thuộc về dĩ vãng, thành một hồi kí rất mờ mờ. Tính ganh tị mà đeo cái mặt nạ đạo đức thì sẽ thắng lợi như vậy đó. Trái lại, nếu con công nào cũng nghĩ rằng mình đẹp hơn các con khác, thì không cần dồn ép lòng tự ái như vậy nữa.

Đĩ nhiên, tính ganh tị liên quan mật thiết với óc ganh đua. Không ai ước ao một địa vị mình biết rằng không sao đạt được. Trong một thời đại mà các giai cấp trong xã hội được định rồi, và hễ người ta còn tin rằng Thượng Đế cho ai giàu, người ấy được giàu, bắt ai nghèo,

người ấy phải nghèo, thì các giai cấp dưới không ganh tị với các giai cấp trên.

Bọn hành khất có thể ganh tị lẫn nhau chứ không ganh tị bọn triệu phú. Ngày nay, phân vị trong xã hội lên xuống không chừng và những luận thuyết bình đẳng của các chế độ dân chủ, xã hội đã làm cho sự ganh tị lan ra rất rộng. Bây giờ chúng ta phải rán chịu cái hại đó để có thể đạt tới một chế độ xã hội công bằng hơn. Nếu lấy lí trí mà xét các sự bất bình đẳng thì thấy ngay rằng chúng đều bất công hết. Trừ khi chúng căn cứ trên sự hơn kém về tài năng. Như vậy, chỉ có cách diệt sự bất công là hết ganh tị. Vậy sự ganh tị đóng một vai trò quan trọng bậc nhất trong thời đại chúng ta. Người nghèo ganh tị người giàu, dân tộc nghèo ganh tị dân tộc giàu, đàn bà ganh tị đàn ông, các bà có đức hạnh ganh tị các bà hư hỏng mà không bị trừng trị. Nếu sự ganh tị đúng là yếu tố chính tạo sự công bằng giữa các giai cấp, các dân tộc, giữa nam giới và nữ giới, thì sự công bằng nó tạo nên đó cũng đúng là thứ công bằng tối nhất, vì chỉ làm giảm cái vui của hạng được ưu đãi chứ không làm tăng cái vui của hạng thân phận hẩm hiu. Xấu xa như tính ganh tị thì khó mà tạo được cái gì tốt đẹp lắm. Cho nên những người vì lí tưởng mà muốn thay đổi hoàn toàn chế độ xã hội của chúng ta, muốn cho sự công bằng tăng lên nhiều, nên đặt hy vọng vào những sức mạnh khác hơn là lòng ganh tị.

Tất cả những cái có hại đều liên quan chặt chẽ với nhau và có thể ảnh hưởng lẫn nhau ; đặc biệt sự mệt mỏi là nguyên nhân rất thường thấy của tật ganh tị, và một trong những cách giảm lòng ganh tị là giảm sự mệt mỏi. Nhưng điều này quan trọng hơn nhiều : phải làm sao có một cuộc sống thỏa mãn được bản năng. Nhiều sự ghen ghét tương chừng hoàn toàn do nghề nghiệp, mà sự thực là do tính dục không được thỏa mãn. Người nào sung sướng trong gia đình thì ít ao ước sự giàu có hoặc sự thành công của người khác (...).

Không tìm được một phương thức cho tính ganh tị thì nền văn minh của chúng ta sẽ suy đồi thành một thế giới căm thù, thế nào cũng sẽ bị tiêu diệt. Thời xưa, người ta chỉ ganh tị người hàng xóm vì không biết gì nhiều về những người khác. Ngày nay, nhờ giáo dục, báo chí, người ta biết nhiều về các lớp người đông đảo trên khắp thế giới, nhưng chỉ biết một cách trừu tượng vì không biết riêng một người nào trong các khối đó cả. Nhờ màn ảnh, họ tưởng rằng biết được đời bọn phú gia ; nhờ báo chí họ biết sự sa đọa của các dân tộc khác ; nhờ sự tuyên truyền, họ biết được các tục nhớp nhúa của các giống người màu da khác màu da họ. Người da vàng ghét người da trắng, người da trắng ghét người da đen, vân vân. Bọn báo cái đó là tội của sự tuyên truyền dấy ; nhưng cách giảng giải của bọn hơi nông cạn. Tại sao người ta lại thích tuyên truyền cho lòng căm thù hơn là

cho tình nhân ái ? Nguyên nhân chắc chắn là tại lòng con người, thích căm thù hơn là tình thương, mà cái lòng đó do văn minh hiện đại tạo nên. Con người thích căm thù hơn vì không được thỏa mãn (...) con người thời nay nhất định có nhiều thú vui hơn con người thời thượng cổ nhưng cũng mỗi ngày mỗi ý thức thêm rằng còn có thể tán bố hơn nữa. Khi bạn dắt trẻ tới sở thú, bạn nhận thấy rằng những con khỉ nếu không nháy nhót leo trèo hoặc bừa hạt dẻ, thì cặp mắt chúng có một vẻ buồn kì dị. Gần như có thể tin rằng chúng cảm thấy đáng lẽ chúng phải thành người nhưng tìm không ra cái bí quyết thành người. Trên con đường tiến hóa chúng đã lạc lối ; bọn anh họ cùng ông tổ của chúng đã tiến trước chúng, bỏ chúng lại sau. Trong tâm hồn con người văn minh cũng có chút ưu tư sâu uất đó. Hẳn biết rằng có cái gì cao hơn hẳn, gần như với được đấy, mà không biết làm sao tìm được, cũng không biết hỏi ai. Rồi thất vọng hẳn nổi quạu với người đồng loại cũng hoang mang khổ sở như hẳn. Trong sự tiến hóa, chúng ta đã đạt được một giai đoạn chưa phải là giai đoạn chót. Chúng ta phải mau mau vượt lên, nếu không thì một số lớn chúng ta sẽ chết, còn số sống sót sẽ lạc lối trong một khu rừng nghi ngờ và sợ sệt (...). Muốn tìm con đường ra khỏi cái thế giới thất vọng đó, con người văn minh phải mở rộng lòng mình ra cũng như đã mở rộng trí óc vậy. Phải tập tự vượt khỏi mình mà đạt được sự tự do của vũ trụ.

7

CẢM GIÁC TỘI LỖI

Chúng ta đã có dịp nói về cảm giác tội lỗi trong chương đầu, nhưng bây giờ chúng ta cần phải bàn rộng thêm về đề tài đó vì nó là một trong những nguyên nhân tâm lí ở hạ tầng thường gây đau khổ nhất trong đời sống người lớn.

Có một tâm lí tôn giáo truyền thống. Về tội lỗi mà không một tâm lí gia hiện đại nào chấp nhận được. Các tín đồ đạo Tin Lành tin rằng kẻ nào bị tội lỗi cảm dỗ thì lương tâm cảnh cáo, nếu phạm tội thì thấy khó chịu, bứt rứt (không có gì đáng khen) hoặc hồi quá (đáng khen hơn vì có ý muốn chuộc lỗi). Tại những xứ theo đạo Tin Lành, cả những kẻ mất tín ngưỡng rồi vẫn tiếp tục chấp thuận trong một thời gian quan niệm chính thống về tội lỗi, với

ít nhiều thay đổi. Ngày nay một phần nhờ ảnh hưởng của khoa phân tâm, sự thế trái hẳn lại : những người không theo chính giáo, gạt bỏ hẳn thuyết cổ về tội lỗi, và những người tự cho là vẫn còn theo chính giáo cũng noi gương họ. Lương tâm không còn là cái gì bí mật mà người xưa cho là tiếng nói của Thượng Đế nữa. Chúng ta biết rằng trên thế giới, cùng là làm theo lương tâm cả, mà xứ này phải hành động thế này, xứ khác phải hành động thế khác, và xét chung thì ở xứ nào, lương tâm cũng hợp với phong tục của mỗi bộ lạc. Vậy khi một người bị lương tâm cắn rứt thì ra sao ?

Thực ra, tiếng "lương tâm" gồm nhiều cảm giác ; cảm giác đầu tiên là sợ bị phát giác. Tôi chắc rằng bạn đọc giả của tôi, bạn sống một đời không có chút gì đáng chê trách, nhưng nếu bạn hỏi một người nào đã làm những hành động sẽ bị trừng trị nếu bị phát giác, bạn sẽ thấy người đó ăn hận khi sắp bị phát giác đến nơi. Trường hợp một tên chuyên môn ăn cắp thì không vậy, dĩ nhiên, vì hẳn coi vài năm ngồi khám là sự rủi ro của nghề ; nhưng hạng người đảng hoàng mà có tội, chẳng hạn một ông giám đốc ngân hàng trong một lúc khó khăn đã biến thủ, hoặc một mục sư đã phạm giới, thì khi không có ai biết, họ có thể quên tội của họ đi được, nhưng khi có người tố cáo hoặc biết thì họ ăn hận đã làm một việc đê tiện, đã mắc một tội tày trời.

Nỗi sợ bị trục xuất ra khỏi đoàn thể có liên quan chặt chẽ với cảm giác hối hận đó. Như một người cờ gian bạc lận hoặc không trả những món nợ danh dự, nếu bị phát giác, bị thiên hạ chê bai tẩy chay, rất xấu hổ lắm. Nhà cải cách tôn giáo, nhà cách mạng thì khác hẳn vì cảm thấy rằng bây giờ tuy bị mạt sát, nhưng sau này sẽ được tôn trọng. Quần chúng ghét họ, nhưng họ không thấy họ có tội. Còn những kẻ đã chấp nhận toàn thể luân lý của đoàn thể, mà lại phạm luân lý đó thì rất đau khổ vì mất địa vị (...).

Nhưng cảm giác tội lỗi, trong những hình thức rõ rệt nhất, có nhiều nguyên nhân thâm kín hơn. Rễ nó an sâu trong cõi vô thức, và nó không hiện ra trong cõi hữu thức sáng sủa thành nỗi sợ bị người khác chê bai. Trong phần hữu thức, có vài hành động bị coi là tội lỗi, mà khi vấn tâm thì không thấy có lý do gì rõ rệt cả. Khi phạm những hành động, người ta thấy ngược mà không hiểu tại sao. Người ta muốn đừng có những hành động mà người ta cho là tội lỗi (...).

Người ta ân hận ít nhiều mà nhận rằng trời sinh ra mình không phải là một ông thánh, mà thực vậy cái quan niệm về thánh đức của người ta khó thực hiện trong đời hàng ngày được. Do đó người ta sống trong một cảm giác tội lỗi (...).

Trong hầu hết các trường hợp, tâm trạng đó là do nên đức dục mà người ta được mẹ hoặc người nữ phó¹ dạy cho trước hồi sáu tuổi. Chưa tới tuổi đó, trẻ đã biết rằng chửi là xấu, ăn nói phải có lễ độ nhã nhặn, rằng chỉ những kẻ hư hỏng mới uống rượu, mà những người có đạo đức cũng không hút thuốc. Lại biết rằng không bao giờ được nói dối, nhất là chú ý tới bộ phận tính dục của mình thì thật là khá ố. Trẻ biết rằng đó là ý kiến của mẹ nhưng lại tưởng là ý kiến của Thượng Đế. Trẻ được mẹ hoặc người nữ phó âu yếm thì không gì thích bằng, mà muốn được vậy, phải đừng phạm những điều ngăn cấm đó. Cho nên mỗi khi có hành động nào bị mẹ chê thì nó có một cảm giác mơ hồ rằng nó có tội. Lớn dần lên, nó quên các qui tắc luân lí đó do đâu mà có, nhưng vẫn giữ đúng và vẫn tin rằng nếu phạm qui tắc thì một cái gì ghê gớm có thể xảy ra cho nó.

Mà trong cái đức dục đó của trẻ, có nhiều cái phi lí không thể áp dụng vào sự cư xử bình thường của những con người bình thường được. Lấy lí trí mà xét một người dùng một ngôn ngữ thiên hạ gọi là thô tục không chắc đã xấu xa hơn một người không dùng thứ ngôn ngữ đó. Nhưng hầu hết mọi người đều cho rằng một vị thánh thì nhất định không nói tục, họ tưởng vậy. Theo lí trí, quan niệm đó ngu ngốc.

¹ Người đàn bà nuôi trong nhà để dạy con cái.

Về uống rượu và hút thuốc cũng vậy. Tại các xứ phương Nam, người ta không cho uống rượu là một tội lỗi, cho là tội lỗi thì tất là bất kính vì Đức Chúa của chúng ta và các vị Sứ đồ có uống gì khác là rượu dâu. Còn về hút thuốc, lại càng dễ bác cái thuyết tội lỗi nữa vì tất các vị đại thánh đều sống trước khi phương Tây biết hút thuốc. Về điểm đó, không có lí lẽ nào vững cả. Xét cho cùng, sơ dĩ người ta cho rằng không có một vị thánh nào hút thuốc vì tin rằng đã là thánh thì không khi nào hành động chỉ để tìm thú vui. Cái yếu tố khác ki trong luân lí hàng ngày đó đã gắn thành ra vô thức (bất giác), nhưng nó tác động ngấm ngấm bằng nhiều cách và làm cho những qui tắc luân lí của ta hóa ra vô lí. Trong một nền đạo đức hợp lí thì phải khen cái việc tạo thú vui cho mọi người, cả cho mình nữa, miễn là thú vui đó đừng gây ra đau khổ. Nếu chúng ta trút bỏ được cái luân lí khác ki đi thì con người đạo đức lí tưởng sẽ là người tự cho mình được hưởng mọi thú vui miễn là hậu quả tai hại đừng lấn phần vui.

Bây giờ chúng ta xét tới vấn đề nói dối. Tôi không phủ nhận rằng trên đời này người ta nói dối nhiều quá và nếu người ta tôn trọng sự thực hơn thì chỉ có lợi cho chúng ta thôi, nhưng, ai hành động có lí, tất cũng nhận như tôi rằng sự nói dối không phải là không có lúc chính đáng. Tôi nhớ có lần dạo cảnh đồng quê, thấy một con chồn đã gần kiệt sức rồi mà vẫn cố chạy. Vài phút sau

tôi gặp một đoàn người đi săn. Họ hỏi tôi có thấy con chồn không, tôi đáp có. Họ lại hỏi nó chạy về phía nào, tôi chỉ bậy cho họ. Bấy giờ tôi nghĩ rằng, nếu lần đó tôi đã nói thực thì tôi cũng chẳng có đạo đức gì hơn.

Nhưng nhất là trong khu vực tính dục, một nền đức dục sớm quá mới là tai hại. Một đứa bé bị cha mẹ nghiêm khắc dạy dỗ theo tập tục thì hồi sáu tuổi đã tin chắc rằng nghĩ tới bộ sinh dục là tội lỗi, và tin tưởng đó sẽ còn hoài suốt đời, khó mà mất được¹.

Hiện nay trong nhiều giới (dĩ nhiên là không phải trong giới chính quyền) người ta bắt đầu nhận định được rằng lối giáo dục tính dục cổ truyền có thể tai hại cho trẻ. Qui tắc nên theo thật giản dị : cho tới tuổi dậy thì, đừng giảng cho trẻ về luân lý tính dục, và răn tránh đừng tiêm cho nó cái ý rằng những cơ năng tự nhiên đó ghê tởm, xấu xa. Tới khi cần khuyên bảo nó thì phải đưa ra những điều hợp lệ, chứ đừng nói bậy. Nhưng trong cuốn này tôi không muốn bàn về giáo dục, chỉ muốn trình bày những điều mà một người lớn có thể làm được để giảm

¹ Ở đây tôi bỏ một đoạn độ nửa trang, tác giả nói về cái "mặc cảm Oedipe", tức mặc cảm loạn luân với mẹ khiến cho một số đàn ông đàn bà Âu Châu cho tính dục, sự giao cấu là ghê tởm, bẩn thỉu. Tôi cho rằng phần đó trong học thuyết Freud có thể đúng với phương Tây mà không đúng với chúng ta. Về tính dục ít nhất là cho tới thế hệ chúng ta "lành mạnh" không thác loạn như phương Tây. Có thể là tôi nhận xét lầm ?

những hậu quả tai hại của một nền giáo dục khinh xuất vô ý đã gây ra cái cảm giác vô lí về tội lỗi.

Vấn đề ở đây cũng chính là vấn đề trong các chương đầu, nghĩa là phải làm sao cho cõi vô thức nhận định được những tin tưởng hữu lí nó điều khiển phần hữu thức của ta. Chúng ta hoàn toàn có thể thắng được những ám thị ngây thơ của phần vô thức, có thể thay đổi nó nữa bằng một kĩ thuật thích hợp. Nếu bạn bắt đầu cảm thấy ân hận về một hành động mà lí trí của bạn thấy không có gì đáng chê trách, thì bạn xét xem do đâu mà bạn ân hận, rồi tự thuyết phục mình rằng những lí do ân hận đó hoàn toàn vô lí. Những tin tưởng hữu thức của bạn phải mạnh mẽ và tuyệt đối mới thắng được phần vô thức đã tác động tới bạn từ hồi nhỏ. Đúng lúc thì hành động hợp lí lúc lại là hành động vô lí. Xét cho thật kĩ thái độ vô lí của bạn rồi cương quyết dùng để cho nó điều khiển mình. Nếu nó gây những ý tưởng, những cảm xúc vô lí thì búng hết những cái đó mà liệng đi. Đứng như một con người vật vờ, lúc theo lẽ phải, lúc lại có những hành động ngu ngốc của tuổi thơ... Bạn tự hỏi một cách nghiêm trang rằng xã hội bị cái luân lí tuổi thơ đó điều khiển thì có lợi gì không. Trong cái luân lí đó, có nhiều điều chỉ là tin bậy, mà có những điều thật sự tai hại cho đạo đức thì cơ hồ như nó lại gạt qua một bên. Những hành động nào là những hành động thực tai hại mà thường nhân thường mắc ? Thiếu lương thiện trong công việc làm ăn mà

không bị luật pháp trừng trị, gay gắt với người làm công, tàn nhẫn với vợ con, độc ác với địch thù, hung dữ trong các xung đột chính trị, đó là những tội thực xấu xa thường thấy trong đám công dân mà thiên hạ cho là đàng hoàng và được kính trọng. Kẻ nào mắc những tội đó đã gây khốn khổ cho người chung quanh mà còn làm cho nền văn minh mau bị tiêu diệt nữa. Vậy mà người ta không ân hận vì những tội đó, không sợ bị Chúa trừng trị, hay bị mẹ rầy trong cơn ác mộng. Tại sao cái luân lý trong phần vô thức đó lại tách khỏi phần lý trí như vậy ? Tại cái luân lý đó vô lý ; tại nó không được xây dựng trên một sự nghiên cứu bốn phận cá nhân đối với đoàn thể ; tại nó gồm những "ta bu". (Tabou) ¹ cổ lỗ, vô lý ; và tại nó có những yếu tố bệnh hoạn về tinh thần ở thời suy tàn của đế quốc La Mã ; tại các tu sĩ và bọn phụ nữ có tinh thần nô lệ thời đó đã tạo nên nó. Đã tới lúc những con người dự một phần bình thường vào đời sống bình thường của thế giới phải chống lại những cái ngu xuẩn đáng tởm đó.

Nhưng muốn cho sự phản kháng đó đem lại hạnh phúc cho cá nhân, và khiến cho con người chỉ theo một đường lối cư xử duy nhất thôi chứ không do dự giữa hai đường, thì phải suy nghĩ và cảm xúc mạnh mẽ theo lý trí

¹ Tức những cấm kỵ có tính cách mê tín, chẳng hạn tin rằng đầu bà không thanh khiết và cấm họ lại chỏ thờ cúng khi họ có thàng.

(...). Khi đã tìm được một tin tưởng hợp lí rồi thì nghĩ lâu về nó, theo dõi những hậu quả của nó, tìm xem mình có những tin tưởng nào mâu thuẫn với tin tưởng mới đó không, và nếu đôi khi cảm giác tội lỗi tăng lên thì đừng cho đó là một tiếng gọi thiêng liêng mà chỉ coi nó là một sự phiền muộn, một sự nhu nhược, trừ phi mình hành động trái với cái đạo đức hợp lí của mình. Như vậy tôi không muốn bảo rằng con người không nên có đạo đức tôi chỉ muốn nói không nên theo một luân lí dị đoan, điều này khác hẳn.

Ngay cả khi mình làm trái cái luân lí hợp lí của mình tôi cũng ngờ rằng cảm giác tội lỗi không phải là cách tốt nhất để có một đời sống tốt đẹp hơn. Trong cảm giác tội lỗi có một phần hèn hạ, tức sự thiếu lòng tự trọng. Con người hợp lí xét lỗi của mình cũng như xét lỗi của người khác : coi nó là những hành động do những hoàn cảnh nào đó gây ra, có thể tránh được khi mình hiểu được rõ cái hại của nó, hoặc khi diệt được những hoàn cảnh gây ra nó.

Thực ra cảm giác tội lỗi khó tạo được hạnh phúc nó làm cho người khổ, cảm thấy mình thấp hèn. Một người tự cảm thấy khổ sở thấp hèn thì dễ đòi hỏi ở người khác nhiều quá, và oán ghét những người mình cho là cao thượng hơn mình. Con người đó khó ngưỡng mộ ai, mà dễ ganh tị, thành ra khó chịu, càng ngày càng cảm thấy cô độc. Một thái độ khoan hòa, độ lượng, cởi mở đối với

người khác chẳng những tạo hạnh phúc cho người mà cả cho chính mình nữa vì thường được mọi người mến. Nhưng một người bị cái cảm giác tội lỗi ám ảnh thì rất ít khi có thái độ đó lắm. Muốn có thái độ đó, phải có một tinh thần quân bình độc lập mà mấy lớp hữu thức, vô thức, tiềm thức trong bản tính phải hợp tác điều hòa với nhau chứ không luôn luôn chống đối nhau. Trong đa số trường hợp, sự hòa hợp đó chỉ có thể thực hiện được nhờ có sự giáo dục hợp lí ; nếu giáo dục vô lí thì sự hòa hợp đó khó đạt lắm. Các nhà phân tâm học áp dụng phương pháp ¹ nhưng theo tôi, trong nhiều trường hợp, bệnh nhân có thể tự trị lấy, chỉ khi nào quá lắm mới phải nhờ tới nhà chuyên môn. Bạn đừng nói : "Tôi đâu có thì giờ nghiên cứu về tâm lí ; tôi bận việc suốt ngày, phải mặc cho coi vô thức của tôi làm gì thì làm". Không có gì làm giảm hạnh phúc và năng suất làm việc bằng sự tự mâu thuẫn với mình. Thì giờ dùng để lập lại hòa hợp giữa các yếu tố của tính tình ta, đâu phải là thời giờ bỏ phí. Tôi không bao rằng chúng ta phải vào phòng riêng khép cửa lại để nội tình mỗi ngày một giờ chẳng hạn. Theo tôi cách đó không phải là cách tốt vì tự vấn tâm quá nhiều là một thứ bệnh ; một người điều hòa, quân bình, hướng ngoại nhiều hơn là hướng nội (...). Mỗi khi muốn hành

¹ Tức phương pháp làm cho hữu thức, tiềm thức vô thức, hòa hợp với nhau.

động vô lí như trẻ con thì phải lí luận với chính mình, và nếu cương quyết lí luận thì chẳng lâu lắc gì.

Nhiều người rất ghét lí trí, và cho những điều tôi mới nói đó là không nhằm, không quan trọng. Họ nghĩ rằng lí trí được thả lỏng sẽ giết hết các cảm xúc mạnh của ta. Tôi có ý kiến đó là do quan niệm lầm chức vụ của lí trí trong đời sống con người. Lí trí đâu có nhiệm vụ diệt¹ cảm xúc, mặc dầu một phần tác động của nó có thể là tìm cách ngăn cản cảm xúc, đừng cho nó làm trở ngại hạnh phúc của ta. Khoa học tâm lí có nhiệm vụ tìm những phương tiện giảm lòng oán ghét và ganh tị ; nhưng giảm những cái đó đâu có phải là đồng thời giảm cường độ của những tình cảm khác mà lí trí không bài xích. Lí trí đâu có muốn giảm tình trai gái yêu nhau, tình con yêu cha mẹ, tình thân giữa bạn bè, lòng nhân từ, lòng hi sinh cho khoa học, nghệ thuật ; con người hợp lí sẽ vui mừng khi có những cảm xúc đó mà không làm gì để giảm nhiệt độ của nó đi, vì nó cần có cho một cuộc đời tốt đẹp, nghĩa là một cuộc đời nhằm tạo hạnh phúc cho mình và cho người. Không nên ngại rằng theo lí trí thì đời sống sẽ hết đẹp. Trái lại, vì thương thương lí trí cốt tạo sự hòa hợp nội tâm, khiến ta không còn bị những xung đột nội tâm làm trở ngại nữa, cho nên ta được thanh thoi hơn để ngắm vũ trụ và dùng sinh lực của

¹ Bản tiếng Pháp : *gây*

mình để đạt những mục đích ở ngoài bản thân ta, những mục đích vị tha (...).

8 THÓI QUEN TỰ CHO MÌNH LÀ BỊ NGƯỢC ĐÃI

Thói tự cho mình là bị ngược đãi mà tới mức khốc liệt nhất thì là bệnh điên. Có những kẻ tưởng tượng rằng người khác muốn giết mình, bỏ tù mình hoặc gây họa cho người. Nhiều khi muốn để phòng những kẻ thù tưởng tượng đó, họ có những hành động tàn bạo và phải giam họ lại. Nhiều người được coi là bình thường cũng có tâm trạng đó, nhưng nhẹ thôi. Tôi không muốn xét những hình thức nặng nhất thuộc về khu vực thần kinh bệnh học mà xét những hình thức nhẹ vì những hình thức này rất thường ngăn trở hạnh phúc. Vì không thực là điên, bệnh nhân có thể tự trị lấy được, miễn là có thể thành

thực nhận ra được bệnh của mình, thấy nguyên nhân bệnh ở chính mình chứ không phải ở sự ác cảm, ác ý (tương tượng) của người khác.

Chúng ta thường thấy hạng người - dần òng và dần bà - kể lể rằng thiên hạ vong ân, tàn nhẫn với mình, phản mình. Lời phàn nàn của họ thường có thể chấp nhận được và ai mới quen biết họ dễ thương hại họ lắm. Xét riêng từng truyện họ kể một, thì thường thường không có gì khó tin. Nhưng cách xấu xa người khác đối đãi với họ mà họ phàn nàn đó, có thể xảy ra được lắm. Nhưng có điều khiến cho ta ngờ là tại sao họ lại chẳng may gặp phải rất nhiều kẻ xấu xa như vậy. Theo luật trung bình, những người sống chung trong một xã hội đều gặp một số đại ngộ xấu xa gần nhiều như nhau ; nếu một người nào kể lể rằng chỉ gặp toàn những đại ngộ xấu xa thì rất có thể rằng nguyên do tại người đó tương tượng ra như vậy, hoặc vô tình có thái độ ra sao đó khiến người khác bức mình không chịu được cho nên những người lịch duyệt nghi ngờ bọn đó, không có thiện cảm với họ và lại càng làm cho họ tin thêm rằng mọi người đều chống họ (...). Bệnh đó chỉ có thể trị bằng sự hiểu biết, mà sự hiểu biết này muốn cho có ích lợi, phải truyền cho người bệnh. Nhưng mục đích tôi trong cuốn này là trình bày vài suy tư tổng quát để giúp mỗi người tự tìm lấy trong ban thân mình những yếu tố của thói tự cho mình là bị ngược đãi (mà không ít thì nhiều không ai không

mức phải), và một khi tìm ra rồi, có thể diệt nó được. Cái đó cần thiết cho sự chinh phục hạnh phúc vì chúng ta không thể nào sung sướng được nếu còn cảm thấy rằng mình bị mọi người ngược đãi.

Có một thái độ vô lí phổ biến nhất là thái độ của hầu hết mọi người đối với những chuyện ngổ lèn nói xấu người khác. Rất ít người chống được cái thói thích nói xấu người quen, có khi nói xấu cả bạn thân của mình nữa; nhưng khi hay rằng có người nào đó nói xấu mình thì lại ngạc nhiên, tức giận. Chắc họ không bao giờ nghĩ rằng mình nói xấu bất kì ai thì bất kì ai cũng có thể nói xấu mình. Thái độ đó nếu thái quá có thể gây ra thói tự cho mình là bị ngược đãi. Chúng ta đòi mọi người phải âu yếm ta, kính trọng ta như chính ta âu yếm, kính trọng ta. Không bao giờ chúng ta nghĩ rằng mình không thể mong người khác kính trọng mình hơn là mình kính trọng họ; nguyên do chỉ tại tài đức của ta lớn, ta thấy rõ quá, còn tài đức của người, nếu có, thì phải có cặp mắt nhân từ mới nhận ra được. Khi bạn hay rằng một người nào đó đã thốt một lời ghê tởm về bạn, tự nhiên bạn nhớ ngay lại chín mươi chín lần định chê người đó một lỗi công bình xứng đáng nhất mà rồi không chê và quên hẳn cái lần thứ một trăm, trong một lúc vô tình, bạn đã phê bình người đó một câu bạn cho là đúng sự thực. Rồi bạn nghĩ bụng: "Bao lâu nay mình tự ngán mình, không chê hán, bây giờ hán tra ơn mình như vậy đó". Nhưng người

kia cũng xét bạn như hết bạn đã xét họ, cũng không biết gì về những lần bạn đã giữ ý không chê họ mà chỉ thấy cái lần thứ một trăm bạn đã nói xấu họ. Nếu hết thấy chúng ta đều có cái phép đọc được tư tưởng người khác thì theo tôi, hậu quả thứ nhất là : mất hết tình bạn bè thân thiết ; nhưng hậu quả thứ nhì có thể rất tốt, vì chúng ta sẽ thấy một thế giới không có bạn thân thì buồn chịu không nổi, và chúng ta sẽ tìm cách yêu nhau mà chẳng cần có một bức màn ảo tưởng để che giấu sự thực này là chúng ta chẳng ai hoàn toàn cả. Chúng ta biết rằng bạn của chúng ta có tật xấu đấy, nhưng xét chung thì vẫn là những người dễ chịu mà chúng ta quý lắm. Nhưng bạn ta cũng xét ta như vậy thì chúng ta lại chịu không được, chúng ta cứ mong rằng họ cho ta là không có một tật nào, trái hẳn với mọi người khác. Khi bắt buộc phải nhận rằng mình cũng có tật, thì chúng ta lại bực mình, rầu rĩ. Không ai nên mong rằng mình hoàn toàn mà cũng không nên phiền muộn quá lắm vì mình không được hoàn toàn.

Thói tự cho mình là bị ngược đãi, nguyên nhân bao giờ cũng tại mình quá tin rằng mình có tài đức. Thí dụ tôi là một nhà soạn kịch ; tôi cho rằng mọi người có công tâm phải nhận tôi là nhà soạn kịch có tài nhất của thời đại, hiển nhiên là vậy. Nhưng vì một lí do nào đó tôi không biết, các kịch của tôi rất ít khi được diễn mà lần nào được diễn thì cũng ít người coi. Tại sao lại lạ lùng

như vậy ? Chắc chắn là các ông bầu các đào kép và các nhà phê bình, vì một lí do nào đó, đã vẽ họa với nhau để hại tôi. Dĩ nhiên lí do đó chỉ làm vinh dự cho tôi thôi : tôi đã không chịu luôn cúi bọ có tiếng tăm trong giới kịch trường, tôi không nịnh hót các nhà phê bình ; kịch của tôi chứa những sự thực làm chướng tai gai mắt nhiều người. Thế là cái tài trác tuyệt của tôi bị mai một.

Cũng có trường hợp nhà phát minh không gặp người biết nhận xét giá trị công trình của mình : bọn sản xuất thì hủ lậu, không chú ý tới những sáng kiến mới mẻ, may lắm được vài người có óc tấn bộ thì lại có nhà phát minh riêng cho họ rồi, bọn này ngăn cản những người có thiên tài chưa được công nhận, còn những hội bác học thì lại thay họ đánh lạc mắt bàn thảo của mình, hoặc gởi trả lại mình mà không thêm đọc ; còn những người mình nhờ cậy thì tỏ ra lãnh đạm, không sao hiểu nổi. Như vậy là tại sao ? Hiển nhiên là có một tập đoàn không thu nhận người ngoài để chia nhau những chức vị tốt nhất trong ngành phát minh ; người nào không ở trong tập đoàn đó có cất tiếng cũng chẳng ai thèm nghe.

Một hạng nạn nhân khác cũng rất thường thấy là hạng người nhân từ kì cục, luôn luôn giúp đỡ người khác mặc dầu người ta không thích, rồi ngạc nhiên ghê tởm về lòng bạc bèo của thiên hạ. Lí do của lòng từ thiện rất ít khi trong sạch như ta tưởng. Cái lòng ham quyền hành qui quyết lắm, có nhiều cách trá hình lắm, và nhiều khi

chính vì nó mà ta làm một việc tưởng rằng hoàn toàn là cái lợi của người khác. Lại có khi mình “làm điều tốt” cho người khác thường là để cản họ không cho họ hưởng một cái thú, chẳng hạn thú uống rượu, đánh bạc hoặc thú làm biếng v.v... Trong những trường hợp đó có một yếu tố tâm lí đặc biệt của nhiều thứ luân lí xã hội : tôi muốn nói lòng ganh tị những kẻ có thể phạm những tội mà mình phải giữ gìn, không mắc phải nếu mình muốn được bạn bè kính trọng. Những người biểu quyết đạo luật cấm hút thuốc (ở nhiều tiểu bang Hiệp chúng quốc hiện nay và trước kia có những đạo luật như vậy) dĩ nhiên là những người không hút thuốc mà rầu rĩ trong lòng. Nếu họ hi vọng rằng những người trước kia nghiện nặng nay họp nhau cử đại diện lại cấm ơn họ đã nhờ họ mà chữa được cái tật khá ố đó thì họ có thể sẽ thất vọng. Và lúc đó họ sẽ nghĩ rằng họ suốt đời hi sinh cho cái lợi công mà những kẻ đáng cảm ơn lòng từ thiện của họ hơn ai hết thì lại có vẻ vong ân họ.

Các bà chủ cũng có thái độ đó đối với người ở gái mà bà giữ đức hạnh cho. Nhưng ngày nay vấn đề người ở gay go quá, nên hình thức nhân từ với người ở đó hóa hiếm rồi.

Trong giới các ông lớn cầm quyền cũng vậy. Chẳng hạn một nhà chính trị đã tập trung gần hết quyền hành trong tay để có thể thực hiện những mục đích cao thượng đã khiến ông ta từ bỏ sự an lạc để lên vô đài chính trị,

ông ta ngạc nhiên thấy thiên hạ vọng ân chống lại ông. Ông ta có bao giờ nghĩ rằng hoạt động của ông có thể chẳng phải lí do công ích chút nào mà chỉ là do ông muốn kiểm soát hết thảy. Những khẩu hiệu treo trên khán đài hoặc in trên báo của đảng, ông ta cho rằng diễn toàn những chân lí, và ông tưởng cái ngôn ngữ văn hoa của tinh thần đảng phái đó đã phân tích đúng động cơ hoạt động của ông. Chán chường, thất vọng, ông ta xa lánh xã hội sau khi xã hội đã lánh ông, và ân hận đã làm cái công việc bạc bèo là hy sinh cho ích lợi chung đó. Những thí dụ này có thể trị được cái thói tự coi mình là bị ngược đãi cho ta rút ra được bốn qui tắc tổng quát. Qui tắc thứ nhất : đừng quên rằng động cơ hành động của mình không luôn luôn bất vị lợi như mình tưởng dầu : Qui tắc thứ nhì : đừng đánh giá quá cao tài năng của mình. Qui tắc thứ ba : đừng mong rằng người khác chú ý tới mình như chú ý tới họ. Và qui tắc thứ tư : đừng tưởng tượng rằng hầu hết thiên hạ nghĩ tới mình và hãy tìm cách ngược đãi được mình là họ lấy làm thích thú lắm. Tôi xin giảng kĩ về bốn qui tắc đó.

Con người bác ái và con người hoạt động nên nghi ngờ động cơ hành động của mình ; hai hạng người đó đã có một ý niệm rằng thế giới (hoặc một phần thế giới) phải ra sao đó, và họ cảm thấy rằng - đúng hay sai ta không cần biết - nếu họ thực hiện được cảnh tượng đó thì toàn thể nhân loại hoặc một phần nhân loại được nhờ họ

lắm. Nhưng họ không thấy rằng mỗi cá nhân mê công việc của mình cũng có cái quyền ngang họ tự tạo một ý niệm riêng về thế giới. Con người hoạt động hoàn toàn tin rằng chỉ ý niệm của mình mới đúng ngoài ra là sai hết. Nhưng ý kiến chủ quan đó có đủ chứng tỏ rằng ông ta khách quan có lí đâu. Hơn nữa, tin tưởng của ông ta thường khi chỉ để cho ông ta nhìn những sự thay đổi ông gây ra mà thêm thích thú, tưởng rằng mình vị tha. Và ngoài cái lòng ham quyền hành ra còn một động cơ khác nữa : lòng tự cao tự đại trong trường hợp đó, cũng đóng một vai trò rất quan trọng. Con người ham lí tưởng, có những tư tưởng cao thượng mà ứng cử vô Quốc hội - tôi nói đây là nói theo kinh nghiệm bản thân¹ - lấy làm ngạc nhiên rằng cứ tri sao mà trắng tráo tới nỗi dám bảo mình chỉ ham cái danh được viết hai chữ "Dân biểu" dưới tên họ. Bầu cử xong rồi, người đó mới có thì giờ suy nghĩ và thấy rằng cứ tri vậy mà có lẽ nói đúng đấy. Cái óc duy tâm, ham lí tưởng, làm cho những động cơ bình thường nhất khoác những vẻ kì dị, cho nên những lời nhận xét trắng tráo như trên thực là có ích cho các chính khách của chúng ta. Nền luân lí tiếp tục buộc ta phải vị tha tới một mức quá sức con người, và những kẻ khoe khoang đức hạnh của mình tưởng rằng mình đã được cái lí tưởng không sao đạt được đó. Đại đa số hành động của con

¹ Tác giả hai lần ứng cử vô Quốc hội Anh, rút cả hai.

người, cả của những người cao thượng nhất, đều có những động cơ vị kỉ, và chúng ta chẳng nên buồn về điều đó, vì nếu không vậy thì làm sao nhân loại tồn tại được. Con người chỉ mái lo cho người khác ăn uống mà đến quên ăn, thì chết chứ sao sống nổi. Dĩ nhiên, người đó có thể ăn qua loa vài miếng để có đủ sức lại xông pha vào việc diệt cái ác ; nhưng vì, trong trường hợp đó, không thấy thức ăn là ngon, nước miếng tiết ra không đủ, thức ăn nuốt vào vì cái mục đích vị tha đó, khó mà tiêu hóa được. Vậy chúng ta nên ăn để hưởng cái thú duy nhất là được ăn ngon, như vậy hơn là nuốt vội mấy miếng chỉ để đủ sức lo việc đời.

Điều tôi nói đó về việc ăn uống áp dụng cả vào mọi khu vực khác. Phải có một chút nhiệt tâm nào đó thì mới làm được dang hoàng những việc mình phải làm : mà không có vài động cơ vị kỉ thì không có được nhiệt tâm. Tôi nói động cơ liên quan tới những người thân thiết với ta về sinh lí, chẳng hạn động cơ che chở vợ con mà chống lại kẻ thù. Cái mức độ vị tha đó hợp với bản tính con người, còn cái mức độ vị tha mà luân lí tiếp tục đòi hỏi ở chúng ta thì không hợp với bản tính của ta mà rất ít khi đạt được một cách tự nhiên. Vậy những người muốn được khen về đức cao cả của mình, phải tin rằng cố lẽ mình chưa đạt được mức hi sinh như mình tưởng đâu, và khi gắng sức để có thánh đức thì phải coi chừng

những ảo tưởng về chính mình, nó dễ đưa tới cái thói tự coi mình là bị ngược đãi đấy.

Qui tắc thứ nhì là đừng nên đánh giá quá cao tài đức của ta. Về đức, tại sao đừng nên đánh giá quá cao, lẽ đó tôi đã nói rồi. Tài cũng vậy, cũng không nên tự đánh giá quá cao. Nhà soạn kịch mà vở nào cũng thất bại thì nên bình tĩnh nghĩ rằng kịch của mình có thể là dở, đừng gạt bỏ giả thuyết đó mà cho rằng điều đó hoàn toàn không thể chấp nhận được. Nếu thấy rằng giả thuyết đó đúng với sự thực thì phải nhận nó với tinh thần một triết nhân có óc qui nạp. Đánh rằng trong lịch sử có những trường hợp có tài mà không được thiên hạ biết, nhưng những trường hợp đó so với những trường hợp vô tài mà thiên hạ đều biết là vô tài, thì hiếm hơn nhiều. Nếu một người là một thiên tài mà người đồng thời không nhận cho như vậy, thì có thể cứ giữ vững thái độ của mình, như vậy hợp lí, mặc dầu sẽ ít được người ưa. Nếu trái lại, người đó đã vô tài lại quá tự phụ, thì tốt hơn là bỏ thái độ đó đi. Nếu bạn có khuynh hướng sản xuất những tuyệt tác người đời không thưởng thức nổi thì không có cách nào để biết được mình thuộc vào hạng nào trong hai hạng kể trên. Nếu bạn thuộc vào hạng thứ nhất, thì kiên trì giữ ý kiến của bạn là có hùng tâm đấy, nếu thuộc vào hạng thứ nhì, thì kiên trì như vậy là lỗ bịch. Trăm năm sau khi bạn mất, có thể đoán được bạn thuộc vào hạng nào. Từ nay tới đó, có một cách (có lẽ

không hoàn toàn chắc chắn, nhưng rất có giá trị) mà bạn có thể dùng để tự xét mình nếu bạn tưởng mình là một thiên tài trong khi các bạn thân của bạn ngỡ rằng bạn cũng tầm thường như ai. Cách đó như sau : bạn tự hỏi mình sáng tác có phải vì thấy có một nhu cầu khẩn thiết diễn một vài ý hoặc một vài tình cảm nào đó không hay chỉ vì muốn được người ta khen ? Ở một nghệ sĩ, cái lòng muốn được khen, mặc dầu mạnh chẳng nữa, chỉ là phụ thuộc, vì nghệ sĩ tạo một tác phẩm đặc biệt và mong được người ta khen, nhưng nếu không được thiên hạ vỗ tay tán thưởng thì cũng giữ tác phong của mình. Trái lại một người mà động cơ chính là mong được khen thì không thấy một sức mạnh nào thúc đẩy mình phô diễn ý kiến một cách đặc biệt, và do đó có thể tạo một tác phẩm hoàn toàn khác mà chẳng thấy sao cả. Một người như vậy mà không thành công trong sự sáng tác thì thà từ bỏ tham vọng của mình đi còn hơn. Và xét chung, dù bạn có đeo đuổi mục đích gì trong đời, hãy thấy người khác không thưởng thức tài năng của bạn bằng bạn tự thưởng thức, thì bạn đừng nên quá tin chắc rằng chính họ mới lầm. Tin như vậy bạn sẽ dễ ngỡ rằng thiên hạ âm mưu với nhau để đìm tài năng của mình, mà rồi bạn sẽ đau khổ, chắc chắn vậy. Nhận rằng tài năng của mình không lớn như mình tưởng đâu, điều đó có thể làm cho bạn khó tâm một thời gian đấy, nhưng rồi một ngày kia bạn sẽ hết

khó và từ đó trở đi lại có thể sống một cuộc đời sung sướng được.

Qui tắc thứ ba là đừng trông cậy nhiều quá ở người khác. Các bà già tật nguyên có thói bắt buộc ít nhất phải có một người con gái hy sinh hoàn toàn cho mình, ở vậy mà phụng dưỡng mình hầu hạ nâng giác mình như một nữ khán hộ. Như vậy là đòi ở người một mức độ vị tha trái với lẽ phải vì phần thiệt cho người lớn hơn phần lợi cho mình. Trong sự cư xử với người khác, nhất là với những người gần gũi nhất, thân nhất của mình, tuy khó nhưng cần phải nhớ rằng những người thân đó nhìn đời theo quan điểm riêng của họ liên hệ với cái "ngã" của họ, chứ không theo quan điểm của ta liên hệ với cái "ngã" của ta. Không nên buộc bất kỳ một người nào phải bỏ con đường của họ vì lòng yêu tha nhân. Có thể có một tình yêu rất tha thiết tới nỗi ngay những hy sinh lớn lao nhất cũng hóa ra tự nhiên ; nhưng nếu hy sinh mà không tự nhiên thì đừng nên làm và cũng đừng nên trách người ta là không làm. Nhiều khi mình trách người khác vô tình hay bạc bẽo, mà sự vô tình hay bạc bẽo đó chỉ là một phản ứng bình thường của một lòng vị kỉ tự nhiên chống lại thói tham tàn ngoan cố của mình, tính ích kỉ quá độ của mình.

Qui tắc thứ tư là chúng ta phải chấp nhận sự kiện này : người khác nghĩ tới ta ít hơn là ta nghĩ tới ta. Những kẻ có cái tật tự cho mình là bị ngược đãi, cứ tưởng

tượng rằng mọi người suốt ngày và cả ban đêm nữa chỉ tìm cách hại mình thôi, mà sự thực họ còn mãi lo công việc, quyền lợi của họ chứ chú ý gì tới mình. Hạng người có thói đó nhưng tương đối lành mạnh hơn, thấy cái gì xảy ra cũng qui chiếu vào mình, vợ vào mình, cũng là bấy nữa. Ý đó dĩ nhiên làm thỏa lòng tự cao tự đại của họ. Nó có thể đúng được nếu là một vì nhân. Trong nhiều năm, chính phủ Anh chỉ nghĩ tới việc cản trở những hành động của Napoléon. Nhưng một người tầm thường hơn Napoléon mà tưởng tượng rằng người khác luôn luôn nghĩ tới mình thì sắp điên rồi đấy. Bạn đọc một diễn văn trong một bữa tiệc có đông người tới dự. Báo chí đăng hình các diễn giả khác mà không đăng hình bạn. Tại sao lại như vậy ? Dĩ nhiên, không phải là tại người ta coi trọng các diễn giả khác hơn bạn ; lí do chỉ có thể là các ông chủ báo ra lệnh cho các phóng viên làm như không biết tới bạn. Mà tại sao ra lệnh như vậy ? Hiển nhiên là tại bạn quan trọng quá bọn chủ báo sợ bạn. Như vậy cái việc không đăng hình không còn là một sự xúc phạm nữa mà thành một cách khen tế nhị. Nhưng cái thứ ảo tưởng đó đâu gây được một hạnh phúc lâu bền. Trong thâm tâm, bạn sẽ biết rằng sự thực khác hẳn và để tự dối mình, bạn lại phải tạo ra những giả thuyết mỗi lần một quái dị hơn. Rồi bạn phải gắng sức tin những giả thuyết đó, riết rồi thần kinh bị kích thích quá đổi. Lại thêm, bạn có cảm giác rất khó chịu rằng bạn bị mọi người ghét.

Tự lừa gạt mình thì không thể nào được thỏa mãn lâu dài. Dù sự thực có bất như ý tới bậc nào, ta cũng nên can đảm đương đầu với nó một lần cho xong đi, rồi làm quen với nó mà bắt đầu xây dựng cuộc đời cho thích hợp với nó.

9

SỢ DỮ LUẬN

Rất ít người có thể sung sướng được nếu đời sống và quan niệm về thế giới của họ không được các người họ gặp hàng ngày, nhất là các người sống chung với họ, chấp nhận về những điểm chính. Các cộng đồng ngày nay có đặc điểm này là chia thành nhiều nhóm khác nhau xa về quan niệm luân lý và tôn giáo. Tình trạng đó có từ thời Tôn giáo cải cách, đúng hơn là Văn nghệ phục hưng¹ và từ đó tới nay mỗi ngày một thêm rõ rệt. Có phe Tin Lành và phe Công giáo khác nhau chẳng những về vấn đề thần học mà cả về những vấn đề thực tế hơn nữa. Có bọn quý tộc mà nhiều hành động bị bọn tiểu tư sản chỉ trích. Rồi có bọn Ki tô giáo tự do và bọn tự do tư

¹ Thế kỉ XVI ở Châu Âu

tương không thừa nhận những bốn phạm theo cách tu hành. Ngày nay từ đầu tới cuối Châu Âu chia làm 2 phe : phe xã hội và phe tư bản (gồm tất cả những người không theo phe xã hội mặc dầu có người không phải tư bản), họ chia rẽ nhau chẳng riêng, trong khu vực chính trị mà trong hầu hết các phương diện của đời sống. Trong các xứ nói tiếng Anh sự chia rẽ cũng rất nhiều. Có nhóm tôn trọng nghệ thuật, có nhóm trái lại coi nghệ thuật là một phát minh của quĩ sứ, họ gồm nhất là nghệ thuật hiện đại. Có nhóm cho sự sùng bái đế quốc Anh là một đức tối cao, có nhóm coi nó là một tệ bệnh, lại có nhóm cho là ngu xuẩn. Những người theo cố tục cho sự gian dâm là tội nặng nhất, nhưng nhiều người lại tha thứ nó được, nếu không cho là đáng khen. Tín đồ công giáo cấm sự li dị, còn hầu hết những người không theo đạo đó cho nó là đôi khi không tránh được, nó làm cho gánh nặng của hôn nhân nhẹ đi.

Vì ý kiến khác nhau như vậy cho nên một người có những thị hiếu và tin tưởng nhất định, có thể cảm thấy như bị đẩy khi phải sống trong một nhóm này, mà qua nhóm khác thì sống bình thường như mọi người. Nhiều nỗi đau khổ do đó sinh ra, nhất là trong bọn thanh niên. Một người đàn ông hay đàn bà trẻ có thể cảm thấy những ý tưởng mới nào đó nhưng nhận ra rằng những ý đó bị nguyên rủa trong cái giới họ sống. Họ dễ cho rằng giới họ sống đó tượng trưng cho cả thế giới, khó tin rằng

tại một nơi khác hay trong một nhóm khác, những ý kiến họ không dám thú thực ra đó vì sợ bị coi là truy lạc, sẽ được chấp nhận là ý kiến thông thường của thời đại. Vậy vì không hiểu biết thế giới mà người ta phải chịu nhiều nỗi khổ vô ích. Cảnh sống cô độc đó chẳng những đau khổ mà còn làm phí sinh lực con người vì phải chống lại với nhóm người ở chung quanh để giữ được sự độc lập tinh thần của mình, và trăm lần thì có tới chín mươi chín lần mình sợ sệt, không dám theo ý kiến của mình cho tới cùng (...).

Hầu hết mọi người, muốn được sung sướng, cần có những người chung quanh có thiện cảm với mình. Và hầu hết mọi người có được điều kiện đó. Hỡi tre người ta đã nhiệm những thành kiến chung rồi và do ban năng, tự thích nghi với các tục lệ, tín ngưỡng ở chung quanh. Nhưng một thiểu số không phải ít phần nhiều gồm những người có thiên tư về tinh thần, nghệ thuật, không chịu có một thái độ phục tùng. Sống một chốn quê mùa thì ngay từ hồi nhỏ đã thấy chung quanh mình không ai ưa sự trau dồi trí tuệ. Muốn đọc những cuốn sách đứng đắn thì bị các trẻ khác khinh mình, mà ngay như thầy giáo của mình cũng bảo rằng đọc những sách đó chỉ thêm hoang mang. Nếu thích nghệ thuật thì bọn cùng tuổi với mình chế là yếu đuối như con gái, còn người lớn là chế vô đạo đức. Muốn làm một nghề lương thiện mà khác người ta thì người ta cho là muốn hãnh tiến, làm con mà chế

bỏ nghề của cha. Nếu lại có cái xu hướng chỉ trích tư tưởng tôn giáo hoặc chính trị của cha mẹ thì chắc chắn là sẽ bị khổ thân. Vì những lẽ đó mà nhiều thanh niên có thiên tư đặc biệt phải trải qua một tuổi xuân khôn khó. Những bạn của họ tầm thường hơn được sống vui vẻ, còn họ, muốn tìm một cái gì nghiêm trang hơn thì không thấy ai cùng chí hướng với họ cả trong cái nơi mà trời bắt họ sinh ra đó.

Khi những thanh niên mới vô đại học nhờ kiếm được bạn đồng tâm, nên hưởng được vài năm sung sướng. Nếu gặp may, ở đại học ra, họ có thể kiếm được một công việc thuận tiện cho sự lựa bạn ; một người thông minh sống tại một đô thị lớn như Londres, New York, thường kiếm được một nhóm bạn có thiên cảm với mình, có thể thành thực, cởi mở với nhau trong sự giao du, khỏi phải giữ ý hoặc giả dối. Nhưng nếu vì công việc mà phải sống trong một tỉnh nhỏ nhất và nếu bắt buộc phải đạo mạo cho người khác kính trọng mình, như trường hợp các y sĩ, luật sư, thì có thể rằng suốt đời cứ phải giấu những thị hiếu và ý kiến thực của mình không dám lộ cho thiên hạ biết (...). Trong những trường hợp đó, không thể có hạnh phúc thực sự được. Muốn cho những người khác đời được sống sung sướng thì phải tìm cách giảm hoặc diệt thế lực của dư luận đi.

Trong nhiều trường hợp, tính nhút nhát còn làm cho ta thêm khổ nữa. Dư luận luôn luôn tàn nhẫn với những

người sợ nó hơn là với những kẻ bất chấp nó (...). Nếu bạn cho thiên hạ thấy rằng bạn sợ họ thì họ sẽ không tha bạn đâu, còn như bạn coi thường họ thì họ sẽ dám ngờ thể lực họ và sẽ để bạn được yên. Dĩ nhiên, như vậy tôi không khuyên bạn cực lực thách đố thiên hạ đâu. Nếu bạn ở Kensington¹ mà bênh vực những tư tưởng Cộng sản ở Nga, hoặc nếu bạn ở Nga mà đề cao những tư tưởng tiêu tư sản ở Kensington thì bạn phải chịu lấy hậu quả. Tôi không nghĩ tới những trường hợp cực đoan đó, mà chỉ nghĩ tới những sự khác biệt về thói quen ít quan trọng như ăn mặc lôi thôi, không vào Giáo hội này Giáo hội nọ, hoặc không đọc những sách nghiêm trang. Nếu sống khác người như vậy mà cứ vui vẻ, bình thản, cứ tự nhiên, chẳng thách đố ai, thì rồi bạn sẽ được chấp nhận, ca trong những giới nghiêm khắc nhất. Và lần lần bạn sẽ nổi tiếng là một thằng tướng kỳ cực chướng đời có bằng cấp và được làm những việc mà người khác bị cấm. Cái đó phần lớn là nhờ bạn vui tính, thực tình. Những người "dàng hoàng" thấy ai bé bối mà nói gièm, phần lớn là vì họ cho thái độ bé bối đó là một lỗi phản kháng chỉ trích họ. Nếu thấy một người sống khác đời nhưng vui tính mà thực tình, khiến họ tin rằng không có ý chỉ trích họ, tha thứ cho được hết.

¹ Một khu tiêu tư sản ở Londres.

Nhưng nhiều người không sao tránh được sự chi trích vì thị hiếu và ý kiến làm mất cảm tình của đoàn thể. Sự thiếu thiện cảm đó làm cho họ khó chịu có một thái độ gầy gò, cả những khi họ chịu uốn mình theo qui luật hoặc rón tránh một giải pháp thô bạo. Những người sống không hòa hợp với tập tục của đoàn thể thường có xu hướng gắt gỏng, bực bội, không vui sống cõi đời. Nếu họ qua sống trong một đoàn thể khác mà ý kiến của họ được chấp nhận thì tính tình họ cơ hồ thay đổi hẳn đi, không nghiêm trang, rụt rè quá nữa mà có thể hóa ra vui vẻ, tự tin không “gai góc” nữa mà có thể hóa ra dịu dàng bình dị ; Không chi nghĩ tới mình thôi mà có thể hóa ra dễ giao du, hướng ngoại.

Cho nên, nếu có thể được, những thanh niên nào thấy mình không hòa hợp được với người chung quanh, nên lựa một nghề có thể tiếp xúc với những bạn bè cùng thị hiếu của mình dù rằng lương có kém cũng chẳng sao. Nhiều khi họ không biết rằng cái việc đổi chỗ, đổi nghề đó có thể làm được, vì họ hiểu biết rất ít về xã hội, thế giới và tưởng rằng những qui tắc họ đã quen sống đều phổ biến, ở đâu cũng vậy. Về điểm đó, người già nên giúp người trẻ vì ai cũng cần có nhiều kinh nghiệm về nhân loại.

Trong thời đại phân tâm học này, người ta thường cho rằng một thanh niên sống không hòa hợp với người chung quanh là tại có một thác loạn nào đó về tâm lý.

Theo tôi, quan niệm đó hoàn toàn sai. Lấy thí dụ một thanh niên mà cha mẹ cho tiến hóa luận¹ là tà thuyết. Trong gia đình đó, sự thiếu hòa hợp giữa thanh niên đó và cha mẹ chỉ do trí tuệ chứ đâu có do thác loạn về tâm lý. Không hòa hợp với người chung quanh đó là điều bất hạnh rồi, nhưng không phải là một điều bất hạnh luôn phải tránh với bất kỳ giá nào. Khi người chung quanh cô hù, đẩy thành kiến hoặc tàn nhẫn mà mình không theo họ thì là đáng khen. Tới một mức độ nào đó, lời đó đúng cho hầu hết mọi tập đoàn. Galilée và Képler đã bị chê là có những tư tưởng "nguy hại" và những người thông minh nhất của thời đại chúng ta cũng bị chê như vậy. Không nên phát triển ý thức đoàn thể quá mức mà khiến cho những bậc thông minh nhất đó không dám phát biểu ý thức của mình, sợ bị đoàn thể phản kháng. Nên tìm cách nào để giảm sự phản kháng đó xuống, càng nhẹ, càng vô hại càng tốt.

Trong thế giới hiện đại, vấn đề đó quan trọng nhất đối với thanh niên. Một người lớn đã lựa được nghề rồi, sống hòa hợp với những người xung quanh cùng thị hiếu với mình, mới tránh được sự ngược đãi của xã hội, nhưng hồi còn trẻ, chưa chứng tỏ được tài để có thể bị bọn ngu

¹ Tức thuyết cho rằng các cơ thể sinh vật ngày nay do các cơ thể sinh vật thời xưa mỗi ngày một tiến hóa mà thành. Thuyết đó không chấp thuận rằng sự sáng tạo ra vạn vật là Thượng Đế.

dốt ập chế, bọn này tự cho họ cái quyền phán định trong những vấn đề họ mù tịt, và có ai bảo bọn "con nít" kia có thể phán định sáng suốt hơn họ mặc dầu họ già kinh nghiệm, thì họ tự coi là bị nhục mạ.

Nhiều người đã phải chiến đấu gay go, đã chịu biết bao sự đàn áp tàn nhẫn để chống sự ngu xuẩn của những người chung quanh và tới khi thắng được thì tính tình hóa chua chát - sinh lực suy giảm. Có một thuyết "khỏe ru" cho rằng thiên tài rốt cuộc luôn luôn thắng, và tin chắc như vậy, người ta nghĩ sự ngược đãi các tài năng trẻ trung, chẳng có gì là tai hại cho lắm. Nhưng không có lí do gì để chấp nhận thuyết đó cả. Thuyết đó cũng như thuyết : vụ sát nhân nào rốt cuộc cũng khám phá ra được. Dĩ nhiên, tất cả những vụ sát nhân mà chúng ta biết đều đã bị khám phá, nhưng ai biết được còn bao nhiêu vụ khác không ai ngờ rằng đã xảy ra. Cũng vậy mọi thiên tài mà chúng ta nghe nói đều đã thắng được nghịch cảnh, nhưng điều đó không phải là một lý do để tin rằng không có nhiều thiên tài khác đã bị áp đảo từ hồi trẻ. Chẳng những thiên tài, ngay như tài năng cũng cần cho xã hội. Phải giúp cho những tài năng thắng được nghịch cảnh, thắng mà không chua chát, thù oán, thắng mà vẫn giữ được sinh lực. Vì vậy không nên tàn nhẫn ngăn thanh niên mà nên để cho họ tự vạch lá

Nên mong rằng người già tôn trọng nguyện vọng của thanh niên mà nên mong rằng người trẻ tôn trọng nguyện vọng của người già¹. Lí do rất giản dị, cả trong hai trường hợp, quan hệ là đời sống của người trẻ chứ không phải đời sống của người già. Người trẻ mà tính điều khiển đời sống của người già (chẳng hạn ngăn cản cha hay mẹ tục huyền, tái giá) thì là lảm lẩn, cũng như người già tính xen vào cuộc đời của người trẻ. Già hay trẻ, hễ đủ lí trí, đều được cái quyền lựa chọn lấy, có lỗi lảm thì chịu lấy. Trẻ bị già làm áp lực, đừng nên đổi ý. Thí dụ bạn là một thanh niên muốn làm kép hát. Song thân của bạn ngăn cản, bảo cái nghề xướng ca đó "vô loại", trong xã hội bị coi là đê tiện. Rồi hai ông bà tìm mọi cách làm áp lực dọa đuổi bạn ra khỏi nhà nếu không vâng lời, có thể bảo rằng ít năm nữa, bạn nhất định sẽ ăn hận, lại có thể kể ra một dọc dài trường hợp những thanh niên táo bạo, làm cái nghề xướng ca đó rồi, hóa ra điều đúng xấu xa. Dĩ nhiên, hai ông bà có thể có lí mà cho rằng nghề kép hát đó không hợp với bạn, có thể bảo rằng bạn không có khiếu đóng tuồng, hoặc giọng hát không hay. Nhưng nếu quá như vậy thì những người ở trong nghề sẽ cho bạn biết và bạn có đủ thì giờ lựa một

¹ Chúng ta nên nhớ tác giả viết vào khoảng 1930, hồi đó ở châu Âu có phong trào dả đảo thành kiến, đòi hỏi thêm tự do, giải thoát thị dục, mà Gide là nhà văn điển hình đi tiên phong.

nghề khác. Những lí lẽ song thân bạn đưa ra không đủ cho bạn bỏ ý định của bạn. Và nếu bạn cương quyết thực hiện ý muốn của bạn, hai ông bà sẽ thay đổi ý kiến rất mau, mau tới nỗi bạn không ngờ nữa. Nếu trái lại, các người trong nghề không khuyến khích bạn, thì đó là chuyện khác, vì những người tập sự nên tôn trọng ý kiến của họ.

Tôi cho rằng xét chung, trừ trường hợp ý kiến các nhà chuyên môn, chúng ta thường quá tôn trọng sự phán đoán của người khác, trong các vấn đề lớn cũng như nhỏ. Theo nguyên tắc, phải trọng dư luận trong những trường hợp cần tránh cạnh đối và cạnh ngồi tù¹ nhưng nếu vượt giới hạn đó thì là tự ý phục tùng một sự áp chế vô ích, mà có thể ngăn cản hạnh phúc của mình bằng nhiều cách. Lấy thí dụ tiêu tiền. Nhiều người thấy các ông hàng xóm được thiên hạ trọng vì có một chiếc xe hơi lộng lẫy, làm tiệc tùng đãi khách khứa, rồi theo đòi, tiêu tiền một cách trái hẳn với thị hiếu tự nhiên của mình. Nói thực ra, người nào có dư tiền mua xe hơi mà cứ theo sở thích của mình, để tiền đó đi du lịch hoặc tạo một tủ sách quý thì cuối cùng sẽ được thiên hạ trọng hơn là đua đòi theo đòi. Dĩ nhiên, chẳng có lợi gì mà cố tình vượt ve dư luận : như vậy cũng vẫn là lệ thuộc dư luận mặc dầu

¹ Tác giả khuyên ta như vậy, còn là thận trọng, ôn hòa đấy, chứ riêng ông bất chấp cả dư luận và sẵn sàng ngồi tù mấy lần để bênh vực hòa bình.

theo cách ngược lại. Cứ thản nhiên với dư luận, vừa có sức mạnh tinh thần, vừa là có một nguồn hạnh phúc. Và một xã hội có những đàn ông, đàn bà không quá khúm núm theo tập tục, có phần tốt đẹp thích thú hơn một xã hội ai nấy đều cư xử hành động như nhau. Khi tính tình mỗi người phát triển theo một lối riêng thì sự khác biệt về cá tính còn giữ được, và ta thấy thích thú được gặp người lạ vì họ không giống hết những người đã gặp. Đó là một trong những cái tội của giới quý tộc vì bọn đó được phép sống khác người thường. Trong thế giới hiện đại, chúng ta đã mất cái nguồn tự do xã hội đó rồi, và cần phải nhận định được sự tai hại của tình trạng nhất luật. Tôi không bảo rằng phải cố ý lập đi, cái đó cũng chẳng hay gì hơn là theo thói đời. Tôi chỉ muốn nói rằng chúng ta phải tự nhiên theo thị hiếu trời sinh của mình nếu nó không rõ rệt là phản xã hội.

Ngày nay chúng ta có phương tiện di chuyển mau cho nên bớt tùy thuộc người hàng xóm hơn hồi xưa. Có một chiếc xe hơi thì có thể cho những người sống cách mình hai chục dặm là hàng xóm được. Vì vậy, được dễ dàng lựa chọn bạn bè hơn hồi xưa. Ở một chỗ dân cư đông đúc, phải rũi lăm mới không tìm được một bạn thân trong vòng hai chục dặm chung quanh chỗ mình ở (...). Càng ngày chúng ta càng dễ lựa được bạn thân không phải vì ở gần nhau mà vì đồng tâm đồng ý với nhau. Hạnh phúc ở đó. Và ta có thể hy vọng rằng những người

ít chịu theo tập tục sẽ mỗi ngày mỗi bớt cô độc. Như vậy chắc chắn là hạnh phúc của họ tăng lên mà đồng thời bọn người “đàng hoàng” cũng bớt được hương cái thú bệnh hoạn là khống chế những người có tinh thần độc lập. Bảo tồn cái thú đó, chẳng có ích lợi gì (...).

Chắc chắn là ngày nay chúng ta bớt sợ ông hàng xóm hơn xưa rồi, nhưng lại xuất hiện một thứ sợ khác : sợ bị báo chí vạch mặt chỉ tên. Cái đó cũng kinh khủng như tục săn bắt các mục phù thủy thời trung cổ. Nếu các báo hàng ngày quyết tâm đem một người vô tội nào đó ra làm con vật hy sinh thì hậu quả có thể ghê gớm. Cho tới bây giờ, may mắn thay, nhiều người khỏi bị cái đó nhờ đời sống của họ tối tăm ; nhưng phương pháp quảng cáo càng ngày càng tiến bộ mà cái tai hại của cách ngược đãi lời mới đó cũng mỗi ngày một tăng. Vấn đề đó quá nghiêm trọng, ai là nạn nhân không thể coi thường nó được ; và dù người ta có tôn trọng cái đại qui tắc tự do báo chí tới đâu, thì vấn đề đó cũng phải giải quyết rành rẽ hơn nữa, chứ đạo luật hiện nay về các bài phi báng, làm tổn hại danh dự người ta quá là chưa đủ. Phải cấm ngặt tất cả những cái gì làm cho kẻ vô tội hóa khổ sở, sống không nổi, dù họ có vô tình hoặc nói những điều mà kẻ có ác ý đăng lên mặt báo có thể khiến họ bị chế cười.

Chỉ có mỗi một phương thuốc duy nhất và tối hậu để trừ cái tệ đó là làm tăng tâm lòng khoan dung của quần chúng lên. Mà cách tốt nhất để tăng cái đó là làm

cho số người có chân hạnh phúc mỗi ngày một đông, nhưng người không tìm cái vui chính của mình trong sự đau khổ của đồng loại.

PHẦN THỨ NHÌ

**NGUYÊN NHÂN
CỦA HẠNH PHÚC**

10

CÓ THỂ CÒN HẠNH PHÚC ĐƯỢC KHÔNG ?

Phần trên, chúng ta đã xét con người khổ sở, bây giờ xét tới con người sung sướng, công việc sẽ thú hơn. Cứ đọc sách các bạn tôi viết hoặc nghe họ nói chuyện thì tôi gần như phải kết luận rằng thế giới hiện đại không thể còn hạnh phúc được nữa. Nhưng nhờ tự vấn tâm, du lịch ở ngoại quốc và nói chuyện với chủ làm vườn của tôi, tôi thấy rằng quan điểm đó không vững. Trong một chương ở đầu cuốn, tôi đã xét cái bệnh chung của bạn viết văn của tôi, bây giờ tôi muốn xét qua các người sung sướng mà tôi đã có dịp gặp trong đời.

Có hai thứ hạnh phúc, mặc dầu dĩ nhiên có những thứ ở mức độ trung gian nữa. Theo tôi, có thể gọi hai thứ hạnh phúc đó là chất phác và phong nhã, thú tính và tinh thần, hoặc cảm xúc và trí tuệ. Trong ba cặp danh từ đó bạn có thể lựa cặp nào tùy thuyết bạn muốn bênh vực. Hiện lúc này tôi không muốn chứng minh một thuyết nào cả, chỉ muốn miêu tả thôi.

Có lẽ cách giản dị nhất để miêu tả sự khác biệt giữa hai thứ hạnh phúc đó là bảo rằng một thứ, người nào cũng có thể đạt được, còn thứ kia chỉ những người biết đọc biết viết đạt được thôi. Hồi nhỏ, tôi biết một chú vốn làm nghề đào giếng, lúc nào cũng tràn trề hạnh phúc. Chú ta to lớn vĩ đại, vai u thịt bắp không ai bằng, không biết đọc, không biết viết, và năm 1885, phải đi bỏ phiếu bầu, chú mới hay rằng trong nước lại có một cơ quan gọi là Quốc hội. Chú sung sướng không đo một chút vui tinh thần nào cả, không đo chú tin tưởng ở những luật thiên nhiên, hoặc ở cái điều có thể cải thiện được con người, ở sự công bằng của chính quyền, ở sự Giáng sinh lần thứ hai của Chúa Ki Tô, hoặc ở một tín điều khác mà trí thức coi là điều cần thiết cho hạnh phúc của cuộc sống.

Chú sung sướng nhờ lực lương, có đủ công việc để làm, và thắng được những khó khăn vừa sức chú, tức những phiến đá.

Hạnh phúc của chú làm vườn cho tôi cũng thuộc vào thứ đó, luôn luôn chú tìm cách trừ loài thỏ phá vườn, nói tới loài đó, chú dùng đúng những tiếng mà Sở Công an Anh dùng để nói về bọn Bôn sơ vích, chú coi loài thỏ là những kẻ thù ám muội, gian hùng dữ tợn, muốn thắng trị chúng phải mưu mô hơn chúng mới được. Các vị anh hùng trong thần thoại Scandinavie mỗi ngày săn một con lợn rừng, tôi giết nó, sáng hôm sau nó lại sống lại như có phép thần ; chú làm vườn của tôi cũng vậy, ngày nào cũng giết thỏ mà không sợ hôm sau hết giống thỏ. Mặc dầu đã quá tuổi thất tuần từ mấy năm rồi, chú vẫn làm việc suốt ngày, cưỡi xe đạp đi non ba chục cây số qua một miền núi để tới nơi làm việc, nhưng nguồn vui của chú thật là bất tận và hạnh phúc đó, chính những "con thỏ đẻ tiện" kia tặng cho chú.

Bạn báo những cái vui giản dị, chất phác đó, bọn thượng lưu như mình làm sao mà có được. Diệt những con vật nhỏ như loài thỏ mà vui nỗi gì ? Theo tôi, lí lẽ đó không vững. Một con thỏ lớn hơn con vi trùng sốt rét nhiều chứ, vậy mà một người thượng lưu có thể thấy hạnh phúc trong việc diệt vi trùng sốt rét đấy. Có những thú vui y hệt thú vui của chú làm vườn của tôi, về phương diện cảm xúc, mà những người có trình độ văn hóa cao cũng hưởng được. Giáo dục cao hay thấp thì hoạt động khác nhau thế thôi. Muốn thấy được cái vui hoàn thành một công việc thì công việc đó phải khó khăn tới nỗi mới

dầu tương là không thành công được, rồi mà thành công. Có lẽ một phần lớn vì vậy mà sự tự xét tài năng của mình cho đúng là điều cần thiết cho hạnh phúc. Người nào tự đánh giá thấp tài năng của mình thì luôn luôn ngạc nhiên khi thành công, còn người nào tự tin quá sẽ thường ngạc nhiên khi thất bại. Ngạc nhiên thứ nhất thích thú, còn ngạc nhiên thứ nhì không. Cho nên muốn thành công đừng nên tự cao quá, cũng đừng nên nhùn quá.

Trong các giới trí thức của xã hội chúng ta, giới khoa học là những người sướng nhất. Nhiều nhà bác học đại tài có một đời tình cảm rất giản dị, rất thóa mãn về công việc của họ tới nỗi cho việc ăn uống là một cái thú, cả cái việc cưới vợ cũng vậy nữa. Bọn nghệ sĩ và nhà văn cho rằng hôn nhân nhất định gây khổ, các nhà khoa học trái lại vẫn cố thể cảm được cái hạnh phúc trong gia đình mà người ta cho là lỗi thời. Nguyên do là tinh thần của họ tập trung hết vào công việc rồi, không thể len lỏi vào những khu vực khác được nữa. Họ sung sướng khi làm việc vì trong thế giới hiện đại, khoa học mỗi ngày một tiến bộ và mạnh; không ai nghi ngờ sự quan trọng của khoa học cả, họ đã dành rồi mà các người thường cũng vậy. Do đó, họ không cần có những xúc cảm rắc rối, vì những xúc cảm bình dị hơn không gặp sức cản trở nào cả. Những cảm xúc rắc rối cũng như bọt trên dòng sông.

Dòng nước có gặp cái gì ngăn cản, không chảy đều đều nữa mới dội lại mà nổi bọt. Khi không bị ngăn cản thì dòng sinh lực cứ phăng lạng trôi mà người nhận xét nóng nổi không thấy được sức mạnh của nó.

Đời một nhà khoa học có đủ các điều kiện hạnh phúc. Họ có một hoạt động khai đi dùng được hết tài năng của họ. Họ đạt những kết quả mà chẳng riêng họ, ngay đại chúng cũng thấy là quan trọng, cao những khi đại chúng không biết giá trị thực sự của các kết quả đó ra sao. Về điểm đó, nhà khoa học may mắn hơn nghệ sĩ. Khi người ta không hiểu được một bức họa hoặc một bài thơ, người ta kết luận rằng bức họa đó hoặc bài thơ đó dở. Nhưng khi người ta không hiểu được thuyết tương đối của Einstein, người ta kết luận (đúng) rằng sự học của mình không đến nơi đến chốn. Do đó, Einstein được quý mến còn những họa sĩ tài nhất thì chết đói trong những căn gác ở sát mái nhà. Einstein sướng còn các họa sĩ khổ. Nếu không thế tự giam mình trong một đoàn thể nào đó mà quên sự thờ ơ của thế giới bên ngoài đối với mình đi, thì rất ít người biết được cái hạnh phúc thực sự vì luôn luôn phải đem nghị lực ra chống sự hoài nghi của nhân loại. Nhà khoa học không cần vô trong một đoàn thể nào cả vì được mọi người quý mến rồi, trừ các bạn đồng liêu của họ. Nghệ sĩ, trái lại, ở trong một tình trạng khó chịu là phải lựa ; hoặc chịu sự khinh bỉ của người khác, hoặc có một thái độ ti tiện. Nếu tài năng của

họ rõ rệt, họ phải chịu một trong hai cái bất hạnh đó : dùng tài năng thì bị khinh bỉ, không dùng nó (mà chiều đời) thành ra hèn mọn (...).

Theo tôi, chúng ta phải nhận rằng tại Tây Âu những thanh niên thông minh nhất thường khổ sở vì không kiếm được một công việc xứng hợp với tài năng của họ. Ở các nước Đông Âu không như vậy. Ngày nay những thanh niên thông minh ở Nga sướng hơn ở các xứ khác. Họ có một thế giới để kiến tạo, và được lòng tin của họ giúp đỡ họ. Những người già đã bị giết hoặc đày đi xa, nếu không chết đói thì cũng không thể làm hại gì được cả, không cản trở gì được bọn thanh niên cả. Người Tây Âu nguy biệן cho rằng sự tin tưởng của thanh niên Nga có vẻ thô lỗ ; nhưng xét cho cùng, trách họ làm sao được? Họ đương xây dựng một thế giới mới mà họ thích ; tạo xong thế giới mới đó rồi, người Nga trung lưu chắc chắn là sung sướng hơn thời chưa có Cách mạng. Thế giới đó có thể là một thế giới không sung sướng cho người trí thức phương Tây nguy biệן, nhưng người trí thức phương Tây nguy biệן đâu có sống ở đó. Vậy về thực tế, lòng tin tưởng của thanh niên Nga rất hợp lý ; chỉ đứng trên căn

bản lý thuyết nào đó mới có thể chê nó là thô lỗ thôi¹. Ở Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản có những hoàn cảnh lệ thuộc về chính trị khiến cho thanh niên tri thức không được sung sướng, nhưng không có những trở ngại nội tại như ở Châu Âu. Ở các xứ đó, có những hoạt động thanh niên cho là quan trọng và nếu thực hiện được, họ sẽ thấy sung sướng. Họ tự cảm thấy đóng một vai trò quan trọng trong đời sống quốc gia, có những mục đích phải đeo đuổi, những mục đích này tuy khó khăn nhưng không phải là không đạt được. Rất nhiều thanh niên nam nữ có học thức nhất là phương Tây có tinh thần tráng tráo, bất chấp đời là vì họ có nhiều tiện nghi quá mà lại thấy công việc của mình vô hiệu quả. Sự vô hiệu quả đó cho người ta cái cảm giác rằng không có gì đáng làm mà cuộc sống đầy đủ tiện nghi làm cho cảm giác đó hóa khó chịu. Ở phương Đông sinh viên xứ nào cũng có thể hy vọng ảnh hưởng tới dư luận được nhiều hơn là sinh viên ở các xứ tân tiến phương Tây, nhưng họ lại ít có cơ hội kiếm được một lợi tức cao như ở phương Tây. Có khả năng tác động đầy, nhưng không tác động được về phương diện tiện nghi vật chất, nên họ thành nhà cải cách hoặc nhà cách mạng, chứ không tráng tráo, bất chấp đời được hưởng

¹ Tác giả viết vào khoảng 1930, ngày nay một số thanh niên Nga đã bớt nhiệt tâm xây dựng mà đòi được hưởng thụ, được tự do như thanh niên Tây Âu.

dầy đủ tiện nghi. Tôi còn nhớ một thanh niên Trung Hoa lại thăm trường học của tôi¹ trước khi về nước để lập một trường như vậy tại một miền cách mạng. Làm cái việc đó ở Trung Hoa thì chắc chắn là sẽ bị chặt đầu. Nhưng cậu ta sung sướng một cách điềm tĩnh, khiến tôi cũng thềm.

Nhưng tôi không muốn nói rằng ngoài cái thú hạnh phúc hơi "khoa đại" đó ra, không còn thú hạnh phúc nào khác nữa. Sự thực chỉ một thiếu số đạt được nó vì nó đòi nhiều khả năng và nhiều hoạt động bất vị lợi mà người thường khó có được. Không phải chỉ các nhà khoa học đại tài là được hưởng cái vui trong khi làm việc; cũng không phải chỉ các chính khách có thể lực là thấy vui khi bênh vực một chính sách. Ai cũng có thể hưởng cái vui làm việc miễn là trong công việc có thể tỏ một chút tài năng nào đó mà chẳng cần được mọi người phải thừa nhận tài năng của mình. Tôi biết một người hồi còn trẻ lắm đã tê liệt hai chân, mà ông ta bình tĩnh, vui vẻ suốt một cuộc đời dài, được vậy là nhờ ông ta viết một bộ năm cuốn về màu sắc các loài hồng thành một nhà chuyên môn hạng nhất về vấn đề đó. Tôi không được biết nhiều người

¹ Tác giả có lập một trường học nhỏ dạy trẻ em theo một phương pháp rất tự do, tựa như phương pháp của Tolstoi nhưng chỉ vài năm, thất bại, phải bỏ.

ngiên cứu về vô sò, nhưng những người tôi được biết đều thỏa mãn về công việc của họ. Trước kia tôi quen một nhà chuyên về nghệ thuật sắp chữ, nổi danh nhất thế giới, những ai muốn sáng tạo một kiểu chữ mới có nghệ thuật đều hỏi ý kiến ông ta ; ông chẳng những vui vì được những người đó quý mến, mà còn vui trong khi phục vụ nghệ thuật của ông, cái vui này cũng tựa như cái vui của một người khiêu vũ giỏi (...). Tôi không rõ các người đó có được sung sướng trong đời tư không, nhưng trong khi làm việc, bản năng sáng tạo của họ hoàn toàn được thỏa mãn.

Người ta thường nói ở thời đại máy móc này, một người thợ chuyên môn ít được hưởng cái vui làm việc như hồi xưa. Tôi không hoàn toàn tin rằng điều đó đúng : phải, ngày nay người thợ chuyên môn làm những công việc tiểu công nghệ trong các phường thời trung cổ, nhưng vẫn còn giữ một địa vị rất quan trọng, rất cần thiết trong ngành sản xuất máy móc. Trước hết, có những thợ chế tạo các dụng cụ khoa học và các máy tinh vi, có các thợ vẽ, thợ máy phi cơ, có các tài xế và vô số thợ khác nữa mà khi hành nghề có thể phát triển sự khéo tay của mình tới một mức rất cao. Theo sự nhận xét riêng của tôi, nông dân trong các xứ tương đối dã man, không được sung sướng bằng một người tài xế hoặc một người thợ máy. Đành rằng công việc một nông dân thay đổi tùy mùa : cấy, gieo, gặt. Nhưng lại phải tùy thuộc vào

thời tiết, mưa nắng, còn người thợ ngày nay nhận định được sức mạnh của mình, cảm thấy rằng con người làm chủ chứ không phải nô lệ các sức mạnh thiên nhiên. Dĩ nhiên công việc của hạng thợ chỉ ngồi coi sóc cho máy chạy, làm hoài những cử động đơn điệu, không thay đổi nào đó, công việc đó chán thật, nhưng một công việc càng đơn điệu lại càng dễ dùng máy để thay người được. Mục tiêu cuối cùng sự sản xuất bằng máy móc - mà còn lâu chúng ta mới đạt được - là làm sao cho mọi công việc đơn điệu sẽ làm bằng máy hết và con người sẽ chỉ còn làm những công việc gì thay đổi, cần có sáng kiến. Trong một thế giới như vậy, sự làm việc sẽ bớt buồn tẻ, bớt làm suy nhược con người hơn trong thời đại nông nghiệp. Khi chuyên về nông nghiệp, nhân loại đã quyết tâm chịu một cuộc đời đơn điệu, buồn tẻ để giảm cái nạn thiếu ăn, đói kém đi. Trước thời đó, khi còn săn bắn để kiếm ăn, sự làm việc là một thú vui, cho nên bọn giàu có ngày nay vẫn giữ công việc của tổ tiên đó làm trò tiêu khiển. Nhưng khi chuyển qua nông nghiệp, loài người bước vào một giai đoạn nhỏ nhen, nghèo khổ, diên khùng, mà bây giờ nhờ máy móc, mới bắt đầu thoát khỏi ra được.

Bạn đã cảm thường nói tới sự tiếp xúc với đất đai¹ tới sự minh triết già dặn của các nông dân triết nhân trong các tác phẩm của Thomas Hardy² nhưng thanh niên đồng ruộng nào cũng chỉ mong kiếm được một công việc ở thành thị để khỏi phải lệ thuộc mưa gió thời tiết, tránh được cảnh cô liêu trong những đêm đông ảm đạm, mà được biết cái không khí tin tưởng và hợp nhần tình trong xưởng và trong các rạp hát bóng. Sự đoàn kết và sự cộng tác là những yếu tố cần thiết cho hạng trung nhân mà hai cái đó thường thấy trong kĩ nghệ hơn là trong nông nghiệp.

Tin tưởng ở một chính nghĩa nào đó cũng là một nguồn hạnh phúc cho nhiều người. Tôi không nghĩ riêng tới các nhà cách mạng, các nhà theo xã hội chủ nghĩa, quốc gia chủ nghĩa ở các nước bị áp bức, và các chiến sĩ khác ; tôi còn nghĩ tới cả những tin tưởng tầm thường hơn (...). Tôi không thể đề nghị với độc giả một hạnh phúc xây trên những tin tưởng mà tôi cho là lầm lẫn. Cũng do lẽ đó, tôi không khuyến khích độc giả tin rằng

¹ Trong chương IV tác giả đã đề cao sự tiếp xúc với đất đai, với thiên nhiên, đó là cho hạng người suốt đời sống ở thị thành.

² Tiểu thuyết gia và thi sĩ Anh, đại diện chính cho phong trào bi quan trong văn học cuối thế kỉ XIX, (Chú thích của bản tiếng Pháp).

loài người có thể chỉ ăn hạt dẻ mà sống được, mặc dầu theo chỗ tôi nhận xét, tin như vậy thì nhất định là có hạnh phúc hoàn toàn. Nhưng chúng ta dễ kiếm được một chủ nghĩa đùng vô lí, và hễ thành thực thích chủ nghĩa đó thì sẽ có được một hoạt động trong những lúc rảnh và một phương thức trừ được cái cảm giác rằng cuộc đời trống rỗng.

Nếu không kiếm được một chủ nghĩa như vậy thì có thể dùng thì giờ rảnh vào một tiêu khiển mà mình đam mê. Một trong những nhà toán học giỏi nhất hiện còn sống, chia đều thì giờ cho môn toán và các con tem. Tôi chắc rằng các con tem an ủi ông mỗi khi ông gặp bí trong môn toán. Chúng không phải chỉ giải cho ông được cái sâu đó mà thôi ; và chúng ta có thể sưu tập nhiều thứ, chứ không phải chỉ riêng các con tem. Cả một khu vực mênh mông vui vẻ mở ra để tiếp đón óc tưởng tượng của ta khi ta nghĩ tới các đồ sứ cổ, các hộp đựng thuốc lá, các đồng tiền La mã, các mũi tên, các dụng cụ bằng toại thạch (silex). Có nhiều người cho rằng những thú vui giản dị đó thấp quá, mình vào hạng "cao" hơn nhiều rồi. Hỡi đó chúng ta đều thích sưu tập, nhưng vì lẽ này hay lẽ khác, chúng ta đã cho cái vui đó không xứng với một người lớn. Nghĩ vậy là hoàn toàn lầm ; bất kể thú vui nào không có hại cho người khác đều đáng được trọng cả.

Riêng phần tôi, tôi sưu tập các con sông : tôi lấy làm sung sướng rằng đã được xuôi dòng sông Volga và ngược dòng sông Dương Tử, và ân hận lắm chưa được thấy sông Amazone hoặc sông Orenoque. Hoặc bạn nghĩ tới cái vui mê li của con người ham môn "base-ball" như điên : ông ta nghiêng ngấu đọc báo và rung động mãnh liệt khi nghe đài phát thanh. Tôi còn nhớ lần đầu tiên gặp một trong những nhà văn có ảnh hưởng nhất ở Mĩ, một người mà đọc tác phẩm, tôi tưởng là phải âu sầu lắm. Nhưng đang nói chuyện thì đài phát thanh tuyên bố những kết quả quyết định nhất của một cuộc tranh giải "base-ball", ông ta quên hẳn tôi đi, quên văn chương chữ nghĩa, quên tất cả những âu sầu khác trên kiếp trần này, và cứ vui vẻ la hét để hoan hô sự thắng trận của đoàn cầu ông mê. Từ cái buổi đó, tôi có thể đọc tác phẩm của ông mà không thấy buồn vì những đau khổ của các nhân vật tiểu thuyết của ông nữa.

Nhưng trong nhiều trường hợp, có lẽ trong đa số các trường hợp nữa, những tiêu khiển đam mê không phải là một nguồn hạnh phúc căn bản mà chỉ là một cách trốn thực tại, tạm quên trong một lát một nỗi đau khổ lớn quá. Hạnh phúc căn bản tùy thuộc hơn hết vào cái mà tôi có thể gọi là thiện cảm với người và vật.

Có thiện cảm với người khác là có tình thân ái. Nhưng có hai thứ thân ái. Thân ái mà muốn người khác luôn luôn thuộc về mình, đến đáp tấm lòng mình quá

mức, thứ thân ái đó thường ngăn cản hạnh phúc. Thân ái mà nhận xét người khác, thấy họ có cá tính riêng mà mình lấy làm vui, để cho họ tự do tìm vui thích của họ, không muốn họ phải theo ý mình, phải nhiệt liệt ngưỡng mộ mình, thứ thân ái này mới đưa tới hạnh phúc. Người nào có thành thật có thái độ như vậy thì là một nguồn hạnh phúc cho người khác và được người khác đền đáp lại tử tế, không bị lòng bạc bèo làm cho chua chát, vì ít khi gặp sự bạc bèo lắm, nếu có gặp thì cũng chẳng để ý tới. Thấy người khác có những nét đặc biệt nào nho nhỏ, thì chẳng những không bực mình mà còn vui vẻ tha thứ, lấy vậy làm ngộ nghĩnh. Nhưng thái độ phải thành thực, chứ không miễn cưỡng, coi hành động của mình là một sự hi sinh vì bốn phận. Trong khi làm việc, có ý thức về bốn phận là điều tốt, nhưng trong sự giao thiệp, ý thức đó chỉ làm cho người khác mất lòng. Thiên hạ muốn được yêu chứ không muốn được miễn cưỡng chấp nhận, kiên nhẫn chịu đựng. Có lẽ không có nguồn hạnh phúc nào lớn bằng yêu nhiều người một cách tự nhiên mà không phải gắng sức.

Trên kia, tôi cũng đã nói tới cá thiện cảm đối với vật. Câu nói có vẻ như gương : người ta có thể cải rằng làm sao có thái độ thân ái đối với vật được. Nhưng thái độ của một nhà địa chất học chăm sóc các cục đá, hoặc của một nhà khảo cổ học chăm sóc các phế tích quá có

cái gì giống với tình thân ái. Có thể chú ý tới vật vì ghét nó chứ không phải vì thích nó, chẳng hạn một người thu thập các sự kiện về các ổ nhện vì ghét loài nhện, và muốn ở chỗ nào không có loài đó. Chú ý như vậy không gây thích thú cho ta, như sự chú ý tới đá gây thích thú cho nhà địa chất học. Sự chú ý tới vật, có lẽ không tạo hạnh phúc cho ta bằng sự chú ý tới người khác nhưng cũng là một yếu tố rất quan trọng. Thế giới mệnh mông mà quyền năng của ta lại hạn chế. Nếu toàn thể hạnh phúc của bạn chỉ tùy thuộc hoàn cảnh riêng của bạn thôi thì bạn khó mà không đòi hỏi ở đời quá nhiều. Mà đòi hỏi quá nhiều là cách chắn chắn nhất để nhận được quá ít. Người nào có thể quên những nỗi lo lắng nhờ thực tâm chú ý tới một cái gì đó, chẳng hạn tới một thời đại trong lịch sử hoặc sự tạo thành của các ngôi sao, thì sau khi nghiên cứu những cái đó rồi sẽ nhận thấy tâm hồn mình quân bình, bình tĩnh lại, có thể chống với các ưu tư được, mà trong khi nghiên cứu, cũng đã được hưởng một hạnh phúc thực sự, mặc dầu nó chỉ là tạm thời.

Đây là bí quyết của hạnh phúc : chú ý tới nhiều người và nhiều vật hơn lên, rán làm sao cho những phản ứng của ta đối với những người và vật đó tăng phần thiện cảm lên, giảm phần ác cảm càng nhiều càng tốt.

Trong các chương sau tôi sẽ phò diễn dài dòng hơn phần đại cương trong chương khai mào này về khả năng

hạnh phúc của ta, đồng thời tôi sẽ chỉ cách tránh các nguyên nhân tâm lí của sự đau khổ.

11

VUI SỐNG

Trong chương này tôi muốn nói tới cái đặc tính phổ biến nhất, theo ý tôi, của con người sung sướng.

Muốn hiểu thế nào là vui sống, có lẽ không gì bằng nhận xét các thái độ của mọi hạng người khi ngồi vào bàn ăn.

Có người cho ăn uống chỉ là một cực hình, một cách trả nợ miệng, thức ăn có ngon tới mấy, họ cũng không thích. Trước kia họ đã được nếm hàng ngày các của ngon vật lạ rồi, họ không hề biết cái cảnh sống mà không được ăn, tới cái mức cơn đói cào ruột họ, hành hạ họ dữ tợn, thành ra họ chỉ coi bữa ăn chỉ là một thói quen xã hội bày đặt ra thôi, sự ăn uống cũng chán ngán như mọi cái khác ở đời, chẳng đáng bàn tán nhiều về nó làm quái

gì. Rồi có hạng người đau, ăn vì bốn phận, vì bác sĩ bao họ phải ăn một chút để giữ sức. Rồi tới bọn theo chủ nghĩa khoái lạc, ngồi vào bàn ăn, tràn trề hi vọng, nhưng rồi nhận thấy ngay rằng các món ăn không thích khẩu như họ mong đợi. Lại có bọn tham ăn, hăm hở nhào vô như loài quạ, loài diều hâu, ăn nhiều quá tới nổi sung huyết, thờ ỉ à ỉ ạch. Sau cùng có bọn người ngồi vào bàn ăn vui vẻ ngon miệng, đói mới ăn, no rồi thì ngưng.

Cuộc đời cũng như một bữa tiệc ; phản ứng của mỗi con người trong bữa tiệc ra sao thì trong đời cũng vậy, khi gặp được các lạc thú. Con người sung sướng giống hạng cuối cùng kể trên kia trong đám ngồi vào bàn ăn. Vui vẻ, hăng hái đối với đời sống, cũng như vui vẻ, thích thú món ăn. Bọn chán ngán sự ăn uống cũng như bọn bị cái bệnh chán đời của Byron. Bệnh nhân phải ăn uống vì bốn phận cũng tựa như bọn khác ki ; kẻ tham ăn cũng giống như bọn ham nhục dục ; bọn theo khoái lạc chủ nghĩa ¹ giống hạng người khó tính coi một nửa cái vui của cuộc đời là không đẹp. Thật lạ lùng, tất cả các hạng

¹ Tức theo chủ nghĩa của Epicure. Ta quen dịch là khoái lạc chủ nghĩa nhưng không đúng hẳn. Epicure chủ trương tìm cái vui và tránh cái khổ, và muốn tránh cái khổ thì phải có điều độ, phải can đảm, do đó, ông sống một đời rất đạo đức, tránh mọi đam mê.

người đó, có lẽ chỉ trừ bọn tham ăn, đều khinh bỉ hạng ăn uống lành mạnh là thấp kém hơn mình. Thích mà ăn vì đói, hoặc yêu đời vì đời có nhiều cảnh thú vị, cho ta nhiều kinh nghiệm mới mẻ, thái độ đó, cơ hồ họ cho là phạm tục. Họ tự cho là giác ngộ, từ trên cao bêu môi ngó xuống những kẻ mà họ khinh là tâm hồn chất phác quá. Riêng tôi, tôi không chấp nhận quan điểm đó. Tôi cho mọi sự tình mộng, thất vọng là một bệnh mà có thể ta không tránh được vì hoàn cảnh, nhưng phải trị ngay chứ không nên coi nó là một biểu thị cao của đức minh triết. Chẳng hạn một người thích trái dâu tây, một người không thích ; người này có gì là cao thượng hơn người kia đâu ? Không có gì chứng tỏ một cách trịnh tượng và khách quan rằng trái dâu tây ngon hay không ngon. Người nào ưa thì cho là ngon, không ưa thì cho là không ngon. Nhưng người ưa thì thấy một thú vui mà người kia không biết, do đó đời sống dễ chịu hơn, lại thích nghi với thế giới hơn. Đó là một thí dụ tầm thường, nhưng trong những vấn đề quan trọng hơn, chân lí cũng vậy, chứ không khác. Người thích coi đá banh cũng sướng hơn người không thích. Người thích đọc sách cũng sướng hơn người không thích, nhất là cơ hội đọc sách thường có hơn là cơ hội đá banh. Một người càng thích nhiều thứ càng có cơ hội để sung sướng mà ít bị lệ thuộc số phận vì mất cái thú này, thì còn cái thú khác để bù vào. Đời người ngắn ngủi quá, chúng ta không thể chú ý tới mọi thứ

được, nhưng phải chú ý tới tất cả những cái gì cần thiết để cho mỗi ngày khởi trống rỗng. Hết thấy chúng ta dễ bị cái bệnh hưởng nội nhìn thấy thiên hình vạn trạng của thế giới mà lại quay mặt đi, chỉ ngó vào cái trống không ở trong nội tâm mình. Nhưng bạn chớ có cho rằng nỗi khổ nào của con người hưởng nội là cao cả đấy nhé.

Hồi xưa có hai cái máy chế tạo rất khéo léo để làm xúc xích (dồi heo). Cái máy thứ nhất vẫn giữ được nhiệt tình với loài heo và sản xuất được vô số xúc xích tuyệt hảo ; cái máy thứ nhì tự nhủ : "Con heo mà có cái gì đâu cho mình thích được ? Cái bộ máy của mình còn tài tình, kì diệu hơn bất kì một con heo nào chứ !" Nó gạt bỏ con heo đi mà nghiền cứu bộ máy của nó. Bộ máy của nó không được cung cấp thức ăn tự nhiên nữa, ngưng chạy, và nó càng nghiền cứu, càng thấy cái máy đó rỗng tuếch, ngu ngốc. Thế là bộ máy tinh vi để sản xuất xúc xích tuyệt hảo đó ngưng chạy và không thấy có ích lợi gì cả. Cái máy chế tạo xúc xích thứ nhì đó giống con người mất cái thú vui sống, còn cái máy thứ nhất giống con người giữ được thú vui đó. Trí óc con người là một bộ máy kì dị có thể dùng những vật liệu ở thế giới bên ngoài mà làm thành những phối hợp lạ lùng nhất được, nhưng thiếu vật liệu hóa ra vô hiệu, trái với cái máy làm xúc xích nó phải dùng vật liệu cho chính nó, vì các biến cố chỉ thành kinh nghiệm cho ta nhờ ta chú ý tới, nếu ta không thích

biên có thì biên có chẳng có lợi gì cho ta cả. Cho nên người nào hướng nội cứ lo nghĩ ngợi về bản thân mà không chú ý tới ngoại giới thì không thấy có gì đáng thích cả, còn người nào chú ý tới ngoại vật, thì trong những lúc hiếm hoi tự xét tâm hồn mình, có thể thấy nhiều yếu tố dị biệt và kì cục nhất, rồi phân tích chúng xếp đặt lại thành những "mô típ" ¹ đẹp đẽ hoặc bổ ích cho tinh thần.

Cái vui sống có vô số khía cạnh. Có lẽ độc giả còn nhớ chuyện Sherlock Holmes ² lượm được một chiếc nón ở ngoài đường. Ông ta ngắm nghía nó trong vài phút rồi bao rằng người chủ nón đã sa đọa vì say sưa rượu chè và bị vợ chán rồi. Một người mà thích thú chú ý tới một vật vô tình gặp được như vậy thì không thể thấy đời là đáng chán. Bạn thử nghĩ tới tất cả những cái bạn có thể nhận thấy trong một cuộc dạo gót đồng quê. Người này để ý tới chim chóc, người kia tới cây cỏ, người nữa tới địa chất, người khác tới canh nông, vân vân. Mỗi cái đó có thể làm cho bạn thích thú nếu bạn chú ý tới, và trong những hoàn cảnh như nhau, người nào thích một cái gì thì dễ thích nghi với thế giới hơn là người không thích.

¹ Motif : nghĩa tựa như những kiểu trong ngành mỹ thuật.

² Một nhân vật thuộc hạng trinh thám tài tử trong các truyện của Conan Doyle.

Hoặc bạn thử nghĩ tới những thái độ của mỗi người đối với người khác. Cùng ngồi xe lửa đi qua một quãng đường dài, một người không chú ý chút gì tới bạn đồng hành, một người khác trái lại nhận xét từng người, xếp vào từng hạng, phân tích tính tình, đoán được gia sản vào bậc nào và có lẽ dò xét cả những chuyện bí mật của vài người trong đám đồng hành đó nữa. Đối với người khác, chúng ta mỗi người nhận định một khác, cảm giác một khác. Có người coi mọi người khác là đáng chán, có người trái lại, hễ làm quen với ai là dễ dàng tỏ tình thân ái ngay, trừ phi có vài lí do nào đặc biệt để nghi kỵ thì không kể. Tôi lại xin thí dụ thêm về các cuộc du lịch. Có người đi thăm các xứ nào cũng luôn luôn xuống những khách sạn nào tốt nhất, lựa những thức ăn thượng ẩm ở nhà, tìm gặp hạng trọc phú vô công rồi ghé mà họ thường gặp ở nhà, cũng bàn về những vấn đề họ thường bàn chung quanh bàn ăn ở nhà. Đi du lịch về, họ chỉ có mỗi cảm giác là được thấy nhẹ mình, thế là xong cuộc du hành tốn kém đó. Một hạng người khác bất kì tới xứ nào cũng thấy những nét đặc biệt, làm quen với những người tiêu biểu cho mỗi xứ, nhận xét tất cả những gì lạ về lịch sử, xã hội, ăn những món ăn trong xứ, tìm hiểu tục lệ và ngôn ngữ trong xứ, khi trở về nhà, biết thêm được một mở kiến thức để thích thú suy tư trong những đêm đông.

Trong tất cả những hoàn cảnh khác nhau đó, người yêu đời có lợi hơn người không yêu đời. Người yêu đời biết lợi dụng được cả những điều bất như ý. Tôi lấy làm thỏa mãn rằng đã được ngồi hơi người trong một đám đông Trung Hoa, hoặc xú khí trong một làng ở đảo Sicile, mặc dầu lúc đó tôi không lấy gì làm thích lắm. Một người có tinh thần mạo hiểm, thấy vui khi bị đắm tàu, gặp một đám khởi loạn hoặc một cơn động đất, một trận hoa tai, miễn là không nguy hại tới sức khỏe. Trong một cơn động đất họ tự nhủ : "À, động đất là như vậy", và lấy làm thích thú rằng hiểu thêm thế giới được một chút. Những người cũng bị tai họa như ai, nếu vì những biến cố đó mà họ mất sức thì có thể - chứ không chắc lắm - mất luôn cả sự vui sống. Tôi biết nhiều người chết lần chết mòn mà vẫn giữ được lòng yêu đời cho tới phút chót. Có những bệnh diệt cái vui đó, có bệnh lại không. Tôi không biết các nhà sinh vật hóa học đã phân biệt hai thứ bệnh đó chưa. Có thể rằng khi môn sinh vật hóa học tiến bộ hơn, chúng ta chỉ cần uống vài viên thuốc là thấy thích mọi thứ ở đời, nhưng bây giờ chúng ta còn phải tùy thuộc một cách nhận xét thực tế về đời sống, để hiểu vì lí do gì những người này thích mọi thứ, còn những người kia chẳng thích cái gì cả.

Lòng thích thú cuộc đời đó, có khi bao quát, có khi chuyên biệt. Nó có thể có những hình thức rất đặc biệt.

Ai đã đọc chuyện của Borrow¹ chắc còn nhớ một nhân vật trong truyện Romany Rye. Nhân vật đó quý vợ lắm, khi vợ chết, thấy đời trống rỗng, buồn tẻ. Nhưng ông ta thích các chữ Trung Hoa là lên các ấm trà và các thùng trà, ông ta bèn học tiếng Pháp rồi dùng một cuốn ngữ pháp Pháp - Hoa mà lần lần tìm hiểu được nghĩa các chữ đó, nhờ vậy tìm thêm được một hứng thú trong đời, mặc dầu sự hiểu biết tiếng Trung Hoa của ông không dùng được vào một việc nào khác. Tôi thấy có những người cặm cụi nghiên cứu về những tà thuyết ngộ đạo ; có người lại chỉ lo sưu tập các bản thảo và các bản in đầu tiên các tác phẩm của Hobbes². Không thể nào đoán trước được một người nào đó thích cái gì, nhưng hầu hết mọi người đều có thể mê một cái này hay một cái khác, mà một khi mê rồi, đời họ không buồn tẻ nữa. Nhưng thích riêng một cái gì đó thì chưa phải là một bảo đảm chắc chắn cho hạnh phúc bằng thích bao quát cả cuộc sống ; vì cái mình thích riêng đó khó làm thỏa mãn trọn đời ta được, với lại còn cái nguy này nữa là tới một lúc nào đó mình biết được hết cả về cái đó rồi, sẽ không còn gì để tìm hiểu thêm nữa.

¹ Ngôn ngữ học gia và tiểu thuyết gia Anh (1803-1881).

² Triết gia Anh (1588-1679), tác giả cuốn *Leviathan*.

Trên kia, xét các hạng người khi ngồi vào bàn ăn, tôi đã vạch mặt bọn tham ăn mà tôi có ý chê. Độc giả có thể nghĩ rằng hạng người thích bao quát cả cuộc sống mà tôi mới khen đây y hệt hạng tham ăn, chứ không khác gì. Bây giờ đã tới lúc tôi phải giảng thêm về sự khác biệt giữa hai hạng người ấy.

Ai cũng biết rằng cổ nhân coi đức điều độ là một trong những đức chủ yếu. Do ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn và của Cách mạng Pháp, quan niệm đó bị nhiều người bỏ và người ta đâm ra đề cao những đam mê không ngăn cản được, cả những đam mê phá hoại và phản xã hội, như trường hợp các nhân vật của Byron. Nhưng chính các triết gia thời cổ có lí. Trong một cuộc sống điều hòa, mọi hoạt động phải quân bình, không một hoạt động nào quá độ đến nỗi gạt hết cả các hoạt động khác ra. Kẻ tham ăn hi sinh mọi thú vui khác cho cái vui thích khẩu, như vậy là làm giảm cái hạnh phúc mà cuộc sống có thể dành cho hắn. Ngoài cái tật tham ăn đó ra, còn nhiều đam mê khác cũng có thể hóa ra thái quá. Hoàng hậu Joséphine là hạng người "tham lam" quá mức về y phục. Mới đầu, Napoléon trả các hóa đơn cho bà, nhưng rồi mỗi lần, ông lại phản kháng mạnh hơn lên. Sau cùng ông bảo bà rằng phải tập tự hạn chế lại, vừa thôi, và từ lần sau ông chỉ trả những hóa đơn nào ông xét là phải chăng thôi. Khi tiệm may đem hóa đơn mới tới, bà Joséphine lúnh quýnh trong vài phút, không

biết xoay xở cách nào, nhưng rồi bà nghĩ ra được một cách. Bà lại kiếm ông Bộ trưởng bộ Chiến tranh, bảo lấy tiền trong quỹ vũ bị ra trả cho bà. Ông ta biết nếu từ chối thì bà có thể làm cho mình mất ghế bộ trưởng, cho nên đành theo lệnh, hậu quả là quân Pháp mất Gênes. Đó là thuyết trình bày trong vài cuốn sách tôi không dám cam đoan rằng đúng sự thực. Nhưng dù đúng hay sai, chuyện đó cũng tỏ rằng sự đam mê y phục có thể làm cho một người đàn bà tới cái mức vô sở bất vi, mà như vậy là thuyết của tôi đúng. Bọn mê rượu và bọn mê gái cũng là những chứng cứ hiển nhiên nữa. Trong những thí dụ đó, nguyên tắc khá giản dị : tất cả các thị hiếu, thị dục của chúng ta điều hòa với nhau trong cái khung của cuộc đời. Muốn có hạnh phúc thì những cái đó không nên làm hại sức khỏe của ta, làm giảm tình thân ái của những người ta yêu mến, giảm lòng tôn trọng của xã hội đối với ta. Có những đam mê, dù ta có tụy tâm tận lực, cũng không ngại vượt khỏi những giới hạn mới kể, nhưng nhiều đam mê khác thì không vậy. Người thích đánh cờ mà độc thân, có đủ phương tiện để được độc lập tới một mức nào đó, khỏi tùy thuộc ai, thì không cần phải hạn chế sự đam mê của mình, nhưng nếu có vợ con, lại phải kiềm ăn, thì phải tự hạn chế gắt lại. Kẻ mê rượu và kẻ tham ăn, dù không có hệ lụy xã hội cũng tự làm hại mình vì sức khỏe của họ sẽ suy giảm, và muốn được vài phút vui họ lại

phải chịu đau khổ hằng giờ. Mỗi đam mê tách riêng ra, không được vượt ra ngoài một giới hạn nếu chúng ta không muốn nó thành một nguồn đau khổ ; giới hạn này là sức khỏe thể chất, sức mạnh tinh thần, một lợi tức đủ dùng cho những nhu cầu tối thiểu, những bổn phận xã hội quan trọng nhất... chẳng hạn bổn phận đối với vợ con. Một người hi sinh tất cả những cái đó cho cái thú đánh cờ, thực ra cũng trụy lạc như người mê rượu ; sở dĩ ta không chê trách họ quá chỉ vì hạng đó hiếm thấy, và phải có thiên tư đặc biệt mới mê một môn hoàn toàn dùng trí tuệ tới mức như vậy. Qui tắc điều độ của triết gia cổ Hi Lạp áp dụng vào tất cả các trường hợp đó. Người nào ham đánh cờ tới nỗi suốt ngày làm việc chỉ mong tới tối để được đánh cờ, là người sung sướng ; nhưng người nào bỏ bê công việc để đánh cờ thì là thiếu đức điều độ. Tương truyền Léon Tolstoi hồi trẻ, vì có quân công, được thưởng huy chương, nhưng đúng lúc thưởng cấp tới gần huy chương thì ông mãi mê đánh cờ, không thèm tới nhận. Về điểm đó, ta không thể trách Tolstoi được vì ông có thể coi thường một huy chương, nhưng một người thường, không có thiên tài như ông, mà hành động như vậy thì thật là điên khùng.

Để hạn chế thuyết mới trình bày đó, chúng ta nên nhận rằng có những công nghiệp cực cao cả đáng cho chúng ta hi sinh mọi thứ. Một người hi sinh tính mạng mình để bảo vệ quốc gia, thì đâu có đáng trách, dù chết

đi, người đó sẽ làm cho vợ con khôn khổ đấy. Một người cặm cùi nghiên cứu thí nghiệm, bắt vợ con sống trong cảnh nghèo, cũng không bị xã hội trách nếu người đó thành công, tìm ra được những phát minh, sáng chế khoa học. Nhưng không thành công thì bị thiên hạ chê là điên khùng, kì cục ; như vậy có vẻ bất công quá vì trong công việc đó, ai là người biết trước một cách chắc chắn là mình sẽ thành công ? Trong ngàn năm đầu của kỉ nguyên Kì Tô, người nào từ bỏ gia đình để sống đời một vị thánh đều được trọng vọng, nhưng ngày nay người ta cho rằng có gia đình thì phải lo nuôi vợ con, không được bỏ bê.

Theo tôi, tâm lí người tham ăn và biết hương cái thú ăn một cách lành mạnh, bao giờ cũng khác nhau xa. Người nào phóng túng đam mê riêng một cái gì, thì thường có những phiền muộn trong đáy lòng và rón tránh một sự ám ảnh nào đó. Trường hợp người mê rượu hiển nhiên như vậy ; họ uống để quên, để tiêu sầu, chứ không phải để hưởng thú.

Nhưng tiêu sầu một cách ngây thơ như vậy, với tiêu sầu bằng cách vận dụng những khả năng đáng quý của mình, hai cách đó khác nhau xa. Ông bạn của Borrow tự học tiếng Trung Hoa để quên cảnh góa vợ, chẳng những không có hại gì mà còn làm cho trí tuệ, kiến thức tăng tiến nữa. Những cảnh thoát li thực tại như vậy không có

gì đáng trách, như cách thoát li bằng rượu chè, bài bạc hoặc mọi thứ kích thích khác. Nhưng cũng có những trường hợp giới hạn. Chúng ta nghĩ sao về một người hết ham sống, mà mạo hiểm ghê gớm khi lái phi cơ hoặc leo núi ? Mạo hiểm như vậy mà có lợi gì cho xã hội, nhân quần thì đáng phục ; nếu không thì cũng chẳng hơn gì một gã rượu chè, bài bạc.

Sự nhiệt tâm yêu đời một cách tự nhiên là bản tính của con người. Trẻ con nghe, thấy cái gì cũng thích ; chúng cho thế giới có toàn những cái mới mẻ và chúng luôn luôn háng hái tìm hiểu, dĩ nhiên không phải thứ hiểu biết ở trường học, mà là mọi thứ hiểu biết vạn vật. Loài vật dù lớn rồi vẫn còn vui sống, miễn là khỏe mạnh. Một con mèo khi vo buống lạ phải đi hít trong khắp các xó xỉnh xem cổ mũi chuột không rồi mới yên tâm được. Người nào chưa hề bị một sự bất mãn quá mức, tất còn giữ được hứng thú tự nhiên đối với thế giới bên ngoài, và thấy đời sống dễ chịu, trừ khi mất quá nhiều tự do rồi. Trong xã hội văn minh ngày nay, chúng ta hết vui sống một phần lớn là vì những tự do cần thiết cho nhân sinh quan của chúng ta bị hạn chế. Người dã man, lúc nào đối thi đi săn như vậy là theo một xung động tự nhiên. Người văn minh buổi sáng đứng giờ lại chỗ làm việc, cũng là theo xung động tự nhiên đó, tức cái nhu cầu kiếm ăn, nhưng xung động đó không tác động trực tiếp ngay vào lúc nó xuất hiện. Khi người đó lại chỗ làm việc thì

dấu có dối, vì mới ăn điểm tâm xong. Người đó chỉ biết rằng nếu không làm việc, tất sẽ bị dối. Xung đột tự nhiên thì bất thường, còn thói quen trong một xã hội văn minh phải có định kì đều đều. Tại các bộ lạc dã man, ngay cả những hoạt động tập thể, nếu có cũng tự phát chứ không định trước. Bộ lạc sắp ra quân thì đánh trống thùng thùng, kích thích mỗi người hăng say ra trận. Các công cuộc của chúng ta ngày nay không thể như vậy được. Khi đúng giờ, một chiếc xe lửa sắp chuyển bánh, người ta không thể tấu lên một bản nhạc dã man để kích thích các nhân viên hỏa xa. Họ làm công việc của họ vì phải làm thế thôi, lí do hành động của họ, có thể nói là gián tiếp. Không phải chính cái hoạt động mà là cái phần thưởng sau này của hoạt động nó kích thích họ. Nhiều hành động trong đời sống xã hội cũng có những khuyết điểm ấy. Người ta nói chuyện với nhau không phải vì cái thú nói chuyện mà vì mong rút được một cái lợi gì đó trong sự hợp tác với nhau. Con người văn minh lúc nào cũng phải chiến đấu với những nỗi khó khăn do xung đột bị thúc phọc. Trong lòng vui vẻ mà không dám ca hát, nhảy múa ở ngoài phố ; trong lòng rầu rĩ mà không dám ngồi khóc ở lề đường, sợ làm cho người qua đường khó chịu. Hồi trẻ không được tự do vì phải học hành, lớn lên không được tự do vì phải làm lung. Do tất cả những cái đó mà khó giữ được lòng vui sống, vì cứ luôn bị thúc

phọc như vậy con người hóa ra mệt mỏi, chán chường. Nhưng cũng phải nhận rằng không thúc phọc những xung động tự nhiên đó thì không thể có một xã hội văn minh được, vì những xung động tự nhiên chỉ tạo được những hình thức hợp tác thô sơ nhất, mà ngày nay sự tổ chức kinh tế đòi hỏi những hình thức hợp tác phức tạp hơn nhiều. Muốn thắng được những trở ngại đó mà vui sống, con người phải khỏe mạnh, có một sinh lực vô tận, hoặc nếu may mắn, kiếm được một công việc mình thực sự thích.

Cứ theo thống kê, sức khỏe của con người tăng lên đều đều tại các nước văn minh trong trăm năm gần đây nhưng khó đo được sinh lực, và tôi ngờ rằng trong những lúc khỏe mạnh, sinh lực thể chất con người thời này không bằng thời xưa. Vấn đề đó một phần lớn thuộc về xã hội, nên tôi không muốn bàn trong cuốn này. Nhưng nó cũng có một khía cạnh cá nhân và tâm lí mà tôi đã xét trong chương bàn về sự mệt nhọc. Có những người vẫn giữ được lòng yêu đời mặc dầu những bất lợi của đời sống văn minh ; và nhiều người có thể như vậy được nếu giải được những xung đột trong nội tâm làm tiêu mất một phần lớn sinh lực của họ. Sự hăng hái yêu đời cần nhiều sinh lực hơn sự làm việc, nhưng sự làm việc lại cần có một bộ máy tâm lí hoạt động điều hòa. Trong những chương sau tôi sẽ bàn kĩ hơn về những điều kiện cần cho sự hoạt động điều hòa của bộ máy đó.

Lòng yêu đời của phụ nữ đã giảm nhiều vì một quan niệm lầm lẫn về tư cách thế nào là đàn ông, ngày nay tình trạng đó tuy có đỡ hơn hồi xưa, nhưng vẫn chưa đỡ được bao nhiêu. Người ta nghĩ rằng đàn bà phải e lệ, kín đáo không được chú ý tới đàn ông quá, trong chỗ đông người không được tỏ ra sinh hoạt, háng hái quá. Vì tập không chú ý tới đàn ông, nhiều khi họ chẳng chú ý tới một cái gì hết, chỉ lo giữ gìn tư cách được đàn ông. Có thái độ bất động và sợ sệt đối với cuộc sống như vậy tức là ghét sự ham sống mà thích chú ý tới bản thân mình quá, nhất là các bà rất mực đàn ông mà lại ít học.

Họ không thích thể thao như hạng đàn ông, họ không quan tâm tới chính trị ; đối với đàn ông họ làm ra cái điệu bộ e lệ, kiêu cách, còn đối với những đàn bà khác, họ niềm nở mà sự thực chỉ là để giấu mỗi ác cảm vì họ tin rằng những người đó không đàn ông bằng họ. Họ khoe rằng sống tách biệt với thiên hạ, nghĩa là họ cho sự không chú ý tới người khác là một cái đức. Người ta không thể trách họ điểm đó được, họ chỉ chấp nhận cái luân lý thông thường mà người ta dạy cho đàn bà cả mấy ngàn năm nay. Nhưng họ là những nạn nhân rất đáng thương của một chế độ câu thúc mà họ không thấy được sự bất công. Họ cho tất cả những cái gì nhỏ mọn là tốt, tất cả những cái gì khoan đại nhân từ là xấu.

Trong cái xã hội của họ, họ làm mọi cách để diệt sự vui vẻ ; về chính trị họ hoan nghênh những pháp luật cấm đoán, trừng phạt. Cũng may hạng đàn bà đó càng ngày càng ít đi, nhưng hiện nay trong giới tân tiến, vẫn còn nhiều kẻ như vậy mà ta không ngờ. Về chân giá trị, đàn ông đàn bà có khác gì nhau đâu, hoặc giá có khác thì không đến nỗi như cổ tục đã truyền cho ta. Đối với đàn bà cũng như đối với đàn ông, vui sống là bí quyết của hạnh phúc và sự an lạc.

12

TÌNH THÂN ÁI

Cái cảm tưởng rằng mình không được yêu có lẽ là một trong những nguyên nhân chính của sự thiếu háng hái yêu đời; ngược lại cảm giác được yêu làm cho ta phấn khởi hơn cái gì khác. Vì nhiều lí do, một người có thể có cảm tưởng rằng mình không được yêu. Người đó có thể tự cho mình là gớm ghiếc đến nỗi không ai muốn yêu mình cả; như vậy có lẽ tại hồi nhỏ, ít nhận được tình thương hơn những trẻ khác, cũng có thể tại người đó quả thực không có gì cho người khác yêu được. Nhưng trong trường hợp sau, có thể là do hồi nhỏ gặp nhiều đau khổ quá mà lớn lên mất tự tin. Vì vậy một người cảm thấy mình không được yêu, có thể có nhiều thái độ. Có thể gắng sức một cách tuyệt vọng, chẳng hạn có những hành động cực

tử tế, để lấy lòng người khác. Nhưng như vậy ít hi vọng thành công lắm vì những người được hưởng ân huệ nhân thấy ngay người đó tốt bụng vì lý do gì, mà ban tình con người là kẻ nào bất chấp tình thân ái của mình thì mình lại càng ân cần, sốt sắng to tình thân ái hơn. Cho nên người nào rón lấy lòng người khác bằng ân huệ sẽ phải vỡ mộng mà thấy lòng bạc bèo của con người (...).

Một thái độ nữa là thấy mình không được yêu thì nghi chuyện trả thù thiên hạ, bằng cách hoặc gây chiến tranh, cách mạng, hoặc viết những sách, những bài cay độc như tu viện trưởng Swift¹. Thái độ đó là một phản ứng hùng dũng, phải cứng cỏi lắm mới dám đương đầu với hết thảy mọi người. Ít ai có được tinh thần cao như vậy; đa số dần ông và dần bà, cảm thấy không được người khác mến thì sa lầy trong cái tâm trạng rứt rứt hi vọng, lâu lâu lóe lên một chút ganh tị, độc ác để với bất nổi lòng đi. Thường thường những người đó sống cô độc, u uất, vì thiếu tình thương mà có cảm giác bất an.

Những người đương đầu cuộc sống với một cảm giác an toàn so với những kẻ sống với một cảm giác nghi hoặc thì sướng hơn nhiều, ít nhất là khi lòng tin tưởng của họ không gây tai họa cho họ. Và trong nhiều trường hợp - chi nhiều thôi, chứ không phải hết thảy - cảm giác an

¹ Cũng là một văn hào Anh, viết rất nhiều: thơ, tùy bút, sử kí, nổi danh nhất là tác phẩm: Những cuộc phiêu lưu của Gulliver (1667-1745).

toàn giúp ta tránh được những tai nạn mà người khác mắc phải. Nếu bạn đi chơi trên một vực thẳm hoặc đi trên một tấm ván hẹp, càng thấy sợ bạn lại càng dễ té. Thái độ của chúng ta đối với đời sống cũng vậy. Người can đảm cũng có thể gặp **những** tai họa thành linh nhưng người nhút nhát sẽ gặp **những** hoạn nạn, còn người can đảm thoát được **nhiều** tình thế nguy nan. Thái độ tự tin hoàn toàn thực tế đó có **nhiều** khía cạnh: người này tự tin khi leo núi, người khác tự tin khi vượt biển, người khác nữa khi bay trên không trung. Nhưng lòng tự tin đối với cuộc đời thì thường là do người ta quen được người khác yêu quý như mình mong mỏi. Trong chương này tôi muốn nói về **thói quen** đó của tinh thần mà tôi cho là nguồn gốc của sự vui sống.

Chính tình thương mình nhận được, chứ không phải tình thương mình tặng người, mới cho mình cái cảm giác an toàn, mặc dầu cảm giác này phát sinh từ tình tương thân tương ái nhiều hơn cả. Nói cho thật đúng, không phải chỉ riêng có tình thân ái, mà cả lòng ngưỡng mộ nữa mới tạo được kết quả đó. Những người mà khi hành nghề cần được công chúng hoan nghênh như các đạo hát ; kép hát, các nhà truyền giáo, diễn thuyết, các chính trị gia, càng ngày càng hóa ra lệ thuộc vào sự hoan nghênh đó. Được công chúng khen, họ rất vui vẻ ; nếu không, họ hóa ra bực mình, ầu sầu, không muốn tiếp xúc với ai cả

Đứa trẻ được cha mẹ yêu, cho tình yêu đó là một luật tự nhiên không nghĩ tới mấy - mặc dầu tình yêu đó cần thiết cho hạnh phúc của nó - mà nghĩ tới ngoại giới, tới những sự biến nó gặp bây giờ và sau này. Nhưng trong thâm tâm nó vẫn có cảm giác rằng tình yêu của cha mẹ sẽ che chở cho nó khỏi bị tai nạn. Đứa trẻ nào vì lẽ này hay lẽ khác thiếu tình yêu đó, tất sẽ hóa ra nhút nhát, rụt rè, thấy cái gì cũng sợ, than thân trách phận và sau này không thể đương đầu với xã hội bằng một tinh thần vui vẻ, mạo hiểm. Nó sẽ ngay từ tuổi nhỏ, suy tư về lẽ sống, lẽ chết, về thân phận con người. Nó thành ra hướng nội, mới đầu âu sầu, sau cùng tìm những an ủi giả tạo của một triết thuyết hoặc một thuyết thần học nào đó. Thế giới thực là hỗn độn dù những cái như ý và bất như ý, cứ liên tiếp hiện ra chẳng có một thứ tự gì cả. Cái ý muốn cho thế giới là một thuận tự, một hệ thống có một mục đích minh bạch sự thực chỉ là do ta sợ sệt mà thôi, một thứ sợ khi ra chỗ rộng rãi, đông người. Một sinh viên nhút nhát, thấy yên ổn trong bốn bức tường phòng học. Nếu cậu ta tự thuyết phục mình rằng vũ trụ có trật tự thì khi mạo hiểm ra phố, cậu cũng cảm thấy gần được yên ổn như ở trong phòng. Một người như vậy nếu hỏi nhỏ được nhiều¹ tình thương hơn thì sẽ ít sợ thế

¹ Bản tiếng Pháp : ít tình thương hơn. Tôi ngờ là sai.

giới thực tại và khỏi phải tự tạo ra một thế giới lí tưởng để mà tin tưởng.

Nhưng không phải tình thương nào cũng khuyến khích được tinh thần mạo hiểm. Tình thương của cha mẹ đối với trẻ phải tránh kiện chứ đừng sợ sệt, phải mong rằng trẻ sẽ tu thân hơn là chỉ tìm sự an toàn, mặc dầu vẫn lo cho sự an toàn của chúng. Người mẹ nào hay sợ sệt, luôn luôn bảo trẻ phải coi chừng những tai nạn có thể xảy ra, gặp chó thì coi chừng chó cắn, gặp bò cái thì coi chừng nó húc như bò mộng, rất có thể làm cho trẻ cũng hóa ra nhút nhát như mình, hễ rời mình ra một bước là thấy lo ngại đủ thứ. Người mẹ mà bản năng chiếm hữu rất mạnh, thấy con nhút nhát không dám rời mình ra như vậy, có thể thích lắm, thích rằng nó phải tùy thuộc mình chứ không thể đương đầu với xã hội được. Trong trường hợp đó, tình cảnh của đứa trẻ sau này sẽ nguy hại còn hơn là nó không được âu yếm. Lớn lên, nó có thể giữ suốt đời những thói quen hồi nhỏ. Nhiều người đàn ông khi yêu đàn bà là để tìm một chỗ núp mà lánh xã hội, trong chỗ núp đó họ chắc chắn được khen, được ngưỡng mộ, mà sự thực họ chẳng có gì đáng khen, đáng ngưỡng mộ. Nhiều người muốn được vợ che chở cho như được mẹ che chở hồi nhỏ, rồi khi bị vợ coi là em bé to xác thì họ lại ngạc nhiên (...).

Trở lên trên, tôi mới chỉ nói tới tình yêu mà đối tượng là một người. Bây giờ tôi muốn nói tới tình yêu mà

một người có thể ban ra¹. Tình yêu này cũng có hai hình thức, một hình thức là do vui sống mà yêu, một hình thức là do sợ sệt mà yêu. Tôi rất thích hình thức trên, còn hình thức dưới chỉ đáng coi là một sự an ủi. Một ngày đẹp trời, bạn ngồi tàu, chạy sát bờ biển, ngắm cảnh trên bờ mà thấy rất thích thú vì cảnh đẹp chứ không vì nhu cầu tuyệt vọng chủ quan nào. Trái lại, nếu tàu chìm, bạn lộn vào bờ và cảm thấy yêu bờ, tình yêu này khác với tình yêu trên : yêu vì bờ là chỗ an ổn cho bạn, khỏi bị sóng nhận chìm, còn cảnh trên bờ đẹp hay xấu, là vấn đề rất phụ thuộc. Tình yêu thứ nhất (khi tàu không lâm nguy) cao đẹp hơn tình yêu thứ nhì ; nó chỉ phát hiện khi ta được an ổn, hoặc có gặp nguy thì cũng thân nhiên ; còn tình yêu thứ nhì phát ra vì một cảm giác không an toàn. Cảm giác này chủ quan hơn, vị kỉ hơn cảm giác kia, vì mình yêu người nào là yêu sự giúp đỡ, chứ không phải yêu những đức tính của người đó. Tuy nhiên tôi không bảo rằng tình yêu đó không đóng một vai trò chính đáng nào trong đời sống. Sự thực hầu hết mọi tình yêu chân thực đều gồm hai thứ đó ; và nếu vì yêu mà mình chống được cảm giác bất an, thì tình yêu đó lại làm cho mình chú ý tới ngoại vật, chứ trong lúc sợ sệt làm sao chú ý tới được. Nhưng dù có nhận chân địa vị của thứ

¹ Hai câu này dịch đúng bản tiếng Pháp, tôi thấy như không ổn, tối nghĩa. Phải chăng tác giả muốn nói : trên bàn về tình yêu mình nhận được, đây bàn về tình yêu mình ban ra.

tình yêu đó trong đời sống như vậy, chúng ta vẫn phải báo rằng nó không cao bằng thứ tình yêu kia vì nó còn tùy thuộc sự sợ sệt và có tính cách vị kỉ. Trong thứ tình yêu cao nhất, chúng ta mong tìm được một hạnh phúc mới hơn là mong thoát khỏi những đau khổ đã xảy ra.

Hình thức cao nhất của tình thương là một sự trao đổi sinh khí, mỗi người vui vẻ nhận tình thương và dễ dàng trao tình thương, và nhờ hạnh phúc hỗ tương đó mà hai bên cùng thấy cuộc đời thú vị hơn. Nhưng còn một thứ tình thương khác, thứ này rất thông thường, là một người hút hết sinh khí của người kia, nhận mà cơ hồ không đáp lại chút gì cả. Có những kẻ dấy sinh khí thuộc hạng "hút máu" đó. Họ sống bằng sinh khí của nạn nhân, hết nạn nhân này tới nạn nhân khác, họ sung thịnh lên, hóa ra thêm quan trọng, trong khi những nạn nhân thì xanh xao đi, lu mờ đi. Bọn đó chỉ coi kẻ khác là một phương tiện để chúng đạt mục đích, chứ không bao giờ coi là cứu cánh cả. Sự thực chúng chẳng bao giờ để ý tới những người chúng tưởng là đương yêu : chúng chỉ tìm những kích thích cho những hoạt động của chúng, những hoạt động có lẽ hoàn toàn thông phạm. Chắc là do bản tính của chúng, có cái tật nào đó, nhưng khó tìm được nguồn gốc tật đó để mà trị ; thường tật đó là một thói tham lam vô độ do một quan niệm quá hẹp hòi về hạnh phúc con người.

Tình thương mà hiểu theo nghĩa hai người cùng thành tâm chú ý tới nhau, chung vui với nhau, chứ không phải chỉ là một phương tiện tạo hạnh phúc cho người kia, thì là một trong những yếu tố quan trọng nhất của hạnh phúc chân chính. Thói tham tàn loại bỏ tình thương ra khỏi khu vực hoạt động, thường là hậu quả của lòng thù oán nhân loại vì hồi trẻ đã chịu nhiều đau khổ, rồi khi ra đời lại chịu nhiều nỗi bất công, thành ra thích ngược đãi người khác để trả thù. Một bản ngã mạnh quá là một cái phòng giam mà con người phải tránh nếu muốn hưởng đầy đủ những thú vui trên đời. Có một tình thương chân thực là thoát khỏi được cái phòng giam của bản ngã rồi. Chỉ tiếp nhận tình thương thôi không đủ : tình thương tiếp nhận được đó lại phải giải thoát tình thương trong lòng mình để tặng lại người, và chỉ khi nào hai tình thương đó ngang nhau thì kết quả mới tốt đẹp nhất.

Những trở ngại tâm lí và xã hội khiến cho tình thương lẫn nhau không nảy nở được là một tai hại lớn mà loài người đã luôn luôn phải chịu. Người ta dè dặt không dám tỏ lòng ngưỡng mộ ngay, sợ bị lảm, người ta cũng dè dặt, không dám tỏ tình thương, sợ bị người mình thương hoặc một xã hội nghiêm khắc chê trách mình mà mình khổ. Luân lí và kinh nghiệm trong xã hội bắt mình thận trọng, do đó về vấn đề thương yêu, người ta không dám mở rộng lòng ra, không dám mạo hiểm. Tất cả

những cái đó gây ra lòng sợ sệt, thù oán nhân loại, vì đa số chúng ta không tìm thấy trong đời một tình thương hổ tương và chân thật, và trong mười trường hợp thì chín trường hợp nó là điều kiện cần thiết cho một thái độ sung sướng, cởi mở với xã hội. Đừng tưởng rằng những kẻ thiên hạ gọi là bất lương, về điểm đó, may mắn hơn những người đứng đắn. Trong sự tính giao nhiều khi chẳng có chút gì đáng gọi là tình thương chân thật cả, và thường khi có sự ác cảm thực sự nữa. Mỗi bên đều giữ thế, giữ sự cô độc của mình, như vậy làm gì có tình thương, mà còn có thể ngăn cản những cơ hội cho tình thương đậm đà nảy nở. Tôi không khuyên phải hết sức tránh những sự tính giao đó, nhưng tôi chủ trương rằng tính giao chỉ thực đáng quý khi nào hai bên không có chút giữ gìn gì cả, mà cá tính của mỗi bên tan hòa với nhau thành một cá tính chung. Trong mọi thứ thận trọng, thì thận trọng trong tình ái có lẽ là tai hại nhất cho hạnh phúc chân thực.

13

GIA ĐÌNH

Trong tất cả các chế độ còn truyền lại đến ngày nay, chế độ gia đình là rời rã nhất, suy sụp nhất. Tình cha mẹ yêu con, con yêu cha mẹ có thể là một nguồn hạnh phúc lớn nhất mà sự thực thì ngày nay, trong mười trường hợp có tới chín, nó là một nguồn khổ sở cho cả hai bên, và trong một trăm trường hợp có tới chín mươi chín, nó là một nguồn khổ sở cho ít nhất là một bên (...). Đó là một dấu hiệu đặc biệt của thời đại chúng ta. Cha mẹ muốn giữ tình thân ái với con hoặc muốn làm cho chúng sung sướng thì phải suy nghĩ kĩ về bốn phận của mình rồi hành động một cách sáng suốt.

Vấn đề gia đình mênh mông quá, không thể bàn hết trong cuốn này được, cho nên tôi chỉ xét về khía cạnh liên quan tới sự chinh phục hạnh phúc thôi. Mà ngay về

khía cạnh này, tôi cũng chỉ xét trường hợp có thể giúp độc giả tự cải thiện tình cảnh được, không cần phải thay đổi cả cơ cấu xã hội.

Như vậy, dĩ nhiên, sẽ có nhiều hạn chế quan trọng lắm, vì sự thiếu hạnh phúc trong gia đình thời này có nhiều nguyên nhân : tâm lí, kinh tế, xã hội, sự phạm và chính trị. Trong các giới phong lưu có hai sự kiện cùng làm cho thân phận người mẹ nặng nề hơn hồi xưa nhiều. Một sự kiện là hạng phụ nữ độc thân có nhiều nghề nghiệp để làm ; một sự kiện nữa là khó kiếm người giúp việc nhà. Hồi xưa, đàn bà phải lấy chồng nếu không thì phải chịu cái cảnh gái già cực khổ vô cùng : sống nhờ cha hoặc một anh hay em trai không ưa gì mình. Họ lại không có công việc làm cho qua ngày, cũng không được tự do ra khỏi bốn bức tường để giao du tiêu khiển, vì bị coi chừng kĩ lắm. Họ không có cơ hội mà cũng không ưa các cuộc tình ái lãng nhãng mà họ tin chắc là bậy bạ. Nhưng nếu bị người trong nhà coi chừng gắt mà họ cũng thất tiết vì mưu mô của một tên điếm đang dụ dỗ họ thì tình cảnh thực là bi đát vô cùng, như mấy câu thơ trong cuốn *Người trợ tế ở Wakefield*¹ đã tả rõ :

*Nàng chỉ có mỗi một cách che tội
Giấu cái nhục trước mắt mọi người
Và làm cho tình nhân của nàng phải hối hận*

¹ Tiểu thuyết Anh của Olivier Goldsmith (1765).

Mà tan nát cõi lòng, là tự tử.

Ngày nay người đàn bà không chống cho rằng trong hoàn cảnh đó chẳng cần chết làm gì cho thiệt thân. Nếu họ được ăn học دانشگاه hoàng thì tự mưu sinh không khó khăn gì cả mà chẳng phải tùy thuộc cha mẹ nữa. Từ khi con gái đã thoát ly được cha mẹ về phương diện kinh tế, thì cha mẹ cũng thận trọng hơn trong sự rầy máng chúng ; chúng có chịu đứng đó nghe đau mà rầy. Một người đàn bà trẻ ngày nay ở trong giới trí thức, nhan sắc và trí tuệ vào hạng trung bình có thể sống một cuộc đời dễ chịu lắm nếu đàn được cái ý muốn có con. Không đàn được mà bắt buộc phải có chồng thì chắc chắn là sẽ mất địa vị. Mức sống sẽ sụt xuống nhiều vì lương của chồng không chắc gì cao hơn lương của mình mà lại nuôi cả một gia đình. Trước kia khi được sống độc lập, bây giờ phải nhục nhã tùy thuộc chồng trong những chỉ tiêu cần thiết từng đồng một. Vì những lẽ đó, đàn bà ngày nay do dự không muốn có con.

So với các thế hệ trước, họ còn gặp thêm một vấn đề mới đáng sợ nữa : khó kiếm được người giúp việc nhà, có kiếm được thì toàn là hạng dờ. Do đó họ hóa ra nô lệ, bắt buộc phải làm lấy cả ngàn công việc rất tầm thường, chán nản, không xứng với khả năng cùng giáo dục của họ, nếu : không làm lấy thì tính tình cũng hóa quạu quọ vì phải rầy hoài bọn người giúp việc làm ẩu. Về việc săn sóc trẻ, ít ai có đủ tiền muốn một nữ mẫu được đào tạo

trong một viện sang trọng dành hoàng¹ còn giao trẻ cho các chị ở thì thật là tai hại, ngay cả công việc giữ gìn vệ sinh cho trẻ cũng không trông cậy hạng người đó được. Phải lo lắng cả ngàn chuyện, tất nhiên họ mau già mà trí tuệ cùn đi. Nhiều khi vì công việc nội trợ, họ còn làm cho chồng con bức mình, mệt mỏi. Buổi tối khi chồng về nhà, vợ mà kể lể những nỗi lo lắng, khó nhọc hằng ngày thì chỉ làm ráy rà chồng, mà không kể thì ra về lơ đãng. Đối với con, họ lúc nào cũng nhớ mình phải hi sinh cho chúng nhiều quá, nên đòi hỏi chúng phải đáp lại một cách quá đáng, và lại có thói quen lo những việc vặt vặt, họ hóa ra tí mỉ, nhỏ mọn. Thế là họ phải chịu một nỗi bất công độc hại nhất : làm hết bốn phận với gia đình mà bị chồng và con ghét ; còn như giá cứ bỏ bê việc nhà cửa, mà giữ được nét vui vẻ, dễ thương thì chắc là giữ được tình yêu của chồng con.

Tình trạng rắc rối đó, nguyên do chính là kinh tế. Một cái nạn khác nữa cũng tai hại không kém và cũng tại kinh tế nữa, là cái nạn thiếu nhà do thiên hạ ùn ùn kéo ra các thị trấn lớn. Thời trung cổ, các thị trấn cũng “quê mùa” như làng mạc ngày nay thôi. Trẻ bây giờ còn hát bài này :

¹ Ở Âu Mỹ mới có hạng nhũ mẫu đó, họ được đào tạo riêng cho các gia đình quý phái mướn.

*Trên gác chuông giáo đường Saint Paul có một
cây*

*Dây những trái táo
Các em trai ở thị trấn Londres
Cầm gậy chạy đi chợ táo
Rồi chạy băng qua các hàng rào
Cho tới chiếc cầu Londres.*

Ngày nay gác chuông giáo đường Saint Paul không còn nữa và tôi không biết những hàng rào từ giáo đường đó tới cầu Londres đã bị hạ từ thời nào. Đã mấy thế kỉ rồi, các em trai ở Londres không còn được hưởng cái vui tả trong bài hát đó nữa nhưng cách đây chưa lâu, phần lớn dân chúng còn sống ở đồng ruộng. Các thị trấn thời đó không rộng lắm, có thể dễ dàng ra khỏi thành phố được mà rất nhiều nhà còn có vườn chung quanh. Bây giờ ở Anh, dân số trong các thị trấn cao hơn dân số ở đồng bãi nhiều. Ở Mĩ, sự tăng số đó còn ít, nhưng sẽ tăng lên rất mau. Những thị trấn như Londres và New York rộng lớn mênh mông, đi lâu lắm mới ra tới ngoại ô. Đa số dân thành thị đành phải ở trong một căn nhỏ, dĩ nhiên không có được một tác vườn, và gia đình nào kiếm được ít tiền phải chen chúc nhau trong một khoảng tối thiểu vừa đủ sống. Có trẻ nhỏ thì đời sống thực khó khăn : trẻ không có chỗ chơi mà người lớn không có chỗ tránh tiếng ồn ào của chúng. Cho nên những người làm nghề tự do

càng ngày càng muốn ra ngoài ô ở ; có lợi cho trẻ thật, nhưng người cha đi làm xa, càng mệt nhọc hơn và ít có thời giờ sống với vợ con.

Tôi không có ý bàn về những vấn đề kinh tế mệnh mông đó vì trong cuốn này tôi chỉ xét, trong một hoàn cảnh nhất định nào đó, cá nhân có thể làm được gì để có hạnh phúc. Chúng ta sẽ nhận định được vấn đề đó đúng hơn sau khi biết những khó khăn tâm lí hiện nay trong sự giao thiệp giữa cha mẹ con cái. Thực ra những khó khăn đó do sự phát triển của chế độ dân chủ gây ra. Thời xưa có chủ và có nô lệ : chủ quyết định, ra lệnh cho nô lệ làm, và xét chung, chủ yếu nô lệ vì được sung sướng nhờ sự phục vụ của nô lệ. Nô lệ có thể ghét chủ, như các lí thuyết dân chủ tuyên truyền. Nhưng dù họ có ghét chủ thì chủ cũng không biết, và ít nhất chủ vẫn được hoàn toàn sung sướng. Từ khi có chế độ dân chủ, mọi sự đều thay đổi hẳn: nô lệ xưa kia phục tùng chủ, nay không phục tùng nữa ; chủ xưa kia tin chắc ở quyền của mình, nay hóa ra do dự nghi ngờ. Có nhiều sự bất hòa với nhau làm cho hai bên đều khổ sở. Tôi nói vậy không phải là muốn chỉ trích chế độ dân chủ đâu, vì trong những thời đại quá độ quan trọng, không sao tránh được những sự lộn xộn đó. Nhưng sự thực là chúng ta đang ở thời quá độ đó, nó gây một tình trạng căng thẳng trên thế giới, mà nhắm mắt không nhìn vào sự thực thì chẳng có lợi gì cho ai cả.

Sự thay đổi trong cách giao thiệp giữa cha mẹ con cái là một thí dụ điển hình cho ta thấy sự lan rộng của chế độ dân chủ. Cha mẹ không còn tin chắc ở quyền của mình đối với con cái nữa, con cái không còn cái ý thức rằng phải tôn kính cha mẹ nữa. Cái đức vâng lời phục tùng xưa kia không ai nghi ngờ gì cả, nay đã hóa lỗi thời, và như vậy là phải. Khoa phân tâm học làm cho hạng cha mẹ có học kinh hoảng khi nghĩ tới cái hại họ vô tình làm cho con cái phải chịu. Muốn ôm hôn con thì sợ làm cho chúng có cái mặc cảm loạn luân¹ mà nếu không hôn chúng thì có thể làm cho chúng nổi cơn ghen. Cấm đoán con thì sợ chúng có mặc cảm tội lỗi, mà không cấm đoán thì sợ chúng mắc những thói quen mình cho là xấu. Thấy em bé bú ngón tay, người ta kinh hoảng đưa ra đủ thứ kết luận ghê gớm, mà chẳng biết phải làm sao cho nó đừng bú ngón tay nữa và khổ tâm nhất là người mẹ ngày nay phải hi sinh nhiều hơn hồi xưa, vì người đàn bà độc thân bây giờ được tự do hơn (...).

Vì tất cả những nỗi khó khăn đó, ta không nên lấy làm lạ rằng số sinh xuất giảm xuống tới một mức mà chẳng bao lâu nữa dân số cũng bắt đầu giảm theo (...). Từ 1919 đến 1922, ở Stockholm sức sanh đẻ của các bà trong một giới trí thức chỉ bằng một phần ba trong giới bình dân ; ở Mi, từ 1896 đến 1913, bốn ngàn giáo sư Đại học

¹ Complexe d'Oedipe : coi chú thích ở chương VII

Wellesley chỉ sanh ba ngàn đứa bé, mà muốn cho nòi giống khỏi suy tàn, phải có tám ngàn đứa mà không đứa nào chết yếu. Vậy không còn ngờ gì nữa, nền văn minh của giống da trắng có đặc điểm này là đàn ông đàn bà càng hấp thụ nó thì càng hiếm con. Những dân tộc văn minh nhất sanh đẻ ít nhất, những dân tộc kém văn minh nhất lại sanh đẻ nhiều nhất. Ngày nay các tầng lớp tan bộ nhất ở các quốc gia tây phương lần lần tuyệt diệt. Trong ít năm nữa, dân số các nước đó tất giảm đi nếu không có người ở các nước kém văn minh di trú vô. Mà những người di trú này khi đã hấp thụ văn minh của nước họ tới ở nhờ rồi, cũng hóa ra tương đối hiếm con. Hiện nhiên là một nền văn minh như vậy sẽ không được vững, sớm muộn gì cũng phải tắt và nhường chỗ cho một nền văn minh khác mà dân chúng vẫn còn thích lập gia đình, mức sinh sản vẫn không giảm¹.

Tại khắp các nước Châu Âu, các luân lí gia chính thức đều răn dưng tình cảm khuyến dụ dân chúng để giải quyết vấn đề đó. Một mặt họ báo cặp vợ chồng nào cũng có bốn phân có nhiều con, Thượng Đế ban cho bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu, không cần phải nghĩ sức khỏe và hạnh phúc của chúng sau này ra sao. Mặt khác, bọn thần học đàn ông léo nhéo về những niềm vui thiêng liêng của

¹ Tác giả viết từ năm 1930, ngày nay khắp thế giới đều lo nạn nhân mãn và Mĩ, Ấn Độ, Nhật Bản, cả Nga, Trung Cộng... đều đương khuyến khích sự hạn chế sinh dục.

sự có con, dám bảo rằng một gia đình đông con bệnh tật nheo nhóc là một nguồn hạnh phúc. Rồi Chính quyền cũng vào hòa với họ, đưa ra lí lẽ này : phải cần có một số thịt dờ dạn vì những khí giới tàn sát tinh vi đó làm sao có thể đem ra dùng điều hòa được nếu không cung cấp đủ số người cho chúng tàn sát ? Thật là lung, cặp vợ chồng nào có chấp nhận những lí lẽ đó trong trường hợp của người khác thì cũng hoàn toàn giả điếc khi đem áp dụng vào trường hợp của mình. Các nhà thần học có thể thành công được nếu cách dọa dẫm bằng các hình phạt ở địa ngục còn làm cho người ta sợ, nhưng ngày nay rất ít ai tin có địa ngục nữa. Mà trong một vấn đề riêng tư như vậy, chỉ có cách dọa dẫm đó là khiến cho người ta theo mình được thôi. Còn lí lẽ của quốc gia thì đã man quá. Người ta có thể chấp nhận rằng người khác phải làm thịt dờ dạn, chứ đem con mình ra làm thịt dờ dạn thì chẳng ai ham cả. Vậy quốc gia chỉ có thể răn làm sao giữ cho kẻ nghèo ngu dốt hoài thôi mà theo các thống kê cách đó không thành công, trừ tại các nước lạc hậu nhất Châu Âu. Rất ít đàn ông đàn bà muốn có con vì cái ý thức bòn phận với Quốc gia (...) họ có con vì họ nghĩ rằng có con

1 Để họ không đòi hỏi sự phổ biến các phương tiện ngừa thai. Nhưng tác giả quên : Chính quyền còn có cách đàn áp, cấm đoán nữa chứ.

2 Ngày nay ngay ở Ấn Độ, nó cũng không thành công, dân nghèo Ấn Độ đã đòi dùng các phương tiện ngừa thai.

thì sung sướng hơn hoặc vì họ không biết phải làm sao để không có con. Lí lẽ sau đó¹ hiện nay vẫn còn mạnh nhưng sẽ lần lần bớt mạnh đi, mà Quốc gia và Giáo Hội sẽ không thể làm gì để ngăn sự sinh xuất bớt suy giảm đi được. Vậy muốn cho giống da trắng tồn tại thì phải làm sao cho trẻ có thể đem lại được hạnh phúc cho cha mẹ.

Không xét những hoàn cảnh hiện tại mà xét chung loài người, tôi thấy trẻ có thể cho ta cái hạnh phúc lớn nhất và bền bỉ nhất trong đời.

Điều đó đúng với đàn bà hơn là với đàn ông, nhưng ngay cả với đàn ông, nó vẫn đúng nhiều hơn là người ta tưởng. Trong văn học các thời trước, hầu hết ai cũng chấp nhận điều đó là hiển nhiên. Trong Cựu Ước, đàn ông và đàn bà đều ham mê có con, ngày nay² ở Trung Hoa và Nhật Bản cũng vậy. Người ta bảo vì có tục thờ phụng tổ tiên nên mới có lòng ham muốn đó. Tôi nghĩ trái lại mới đúng : sự thờ phụng tổ tiên là phản ánh của lòng ham muốn có con để nối dõi.

Chúng ta trở về trường hợp các phụ nữ trong giới trí thức đã nói trên ; rõ ràng là lòng muốn có con phải mạnh lắm vì nếu không mạnh thì có bà nào chịu hy sinh

¹ Tức lí lẽ : cho sự có con là một nguồn hạnh phúc.

² Tức khoảng 1930, bây giờ (1970) khác rồi. Hai dân tộc đó đều hạn chế sinh dục còn hơn dân tộc nào khác nữa vì sợ nạn nhân mãn.

để thỏa thị dục đó. Riêng bản thân tôi do kinh nghiệm tôi thấy không có hạnh phúc nào lớn bằng hạnh phúc làm cha. Theo tôi, khi hoàn cảnh khiến cho đàn ông hoặc đàn bà từ bỏ hạnh phúc đó, họ hóa ra bất bình, lãnh đạm vì một nhu cầu căn bản không được thỏa mãn, mà họ có thể không ngờ nguyên nhân là vậy. Trên cõi đời này, muốn được sung sướng, nhất là khi tuổi xuân đã qua, con người cần không có cái cảm giác rằng mình chỉ là một cá nhân cô độc rồi đây sẽ không còn nhiệm vụ gì trên đời nữa, cần phải thấy rằng mình thuộc vào cái dòng đời nó cuộn cuộn chảy từ thời mới có nhân loại cho tới cái tương lai xa xăm mờ mịt. Ý thức được rõ ràng như vậy, phải là hạng người cực văn minh, nhưng ai cũng có cái cảm giác mơ hồ và (do bản năng) tự nhiên đó, thiếu cảm giác đó là tại nền văn minh đã tinh tế quá rồi đấy. Người nào làm được một sự nghiệp vĩ đại lưu dấu vết lại đời sau, có thể thỏa mãn được cảm giác đó (tức cảm giác mình thuộc vào một dòng sinh tồn bất tuyệt) bằng sự làm việc ; nhưng còn những người không có tài năng gì đặc biệt, cách duy nhất để đánh dấu sự sống gởi của mình trên cõi trần này, là có con. Người nào để cho bản năng truyền chủng của mình suy tàn, tức là tự tách ra khỏi dòng sinh hoạt, và sinh lực có thể bị khô héo đi, mà coi chết là hết, không còn gì cả. Họ chẳng quan tâm chút gì tới cái thế giới của thế hệ nối tiếp họ, cho nên hành động của họ có vẻ tầm thường, không quan trọng gì cả. Người đàn ông

hay đàn bà nào có con và cháu, mà yêu chúng bằng một tình yêu tự nhiên, sẽ coi tương lai là quan trọng (ít nhất là cho tới hết đời họ) ; họ có ý thức đó chẳng phải chỉ do luân lý hoặc tương tượng, còn do bản năng nữa. Và người nào nghĩ xa hơn giới hạn của đời mình trong khi hành động thì có thể có những mục đích xa hơn nữa (...).

Nền tảng của chế độ gia đình dựng trên tình thương rất đặc biệt của cha mẹ đối với con cái, tình thương đó khác hẳn tình cha mẹ thương lẫn nhau hoặc thương các trẻ em khác. Dành rằng có những cha mẹ gần như không yêu con một chút nào cả, và có những người mẹ có thể yêu con người gần như con mình ; nhưng tình cha mẹ thương con vẫn là một thứ tình không giống các tình yêu khác và một người bình thường không yêu ai như yêu con. Tổ tiên chúng ta thời ăn lông ở lỗ đã di truyền cho chúng ta tình đó. Về điểm ấy, tôi cho rằng Freud không chú trọng mấy tới sinh lý, vì bất kỳ ai nhận xét tình một con mái đối với con của nó cũng thấy tình đó khác hẳn tình nó đối với con đực sống chung với nó. Thái độ đó thuộc về bản năng, mà loài người cũng vậy, yêu con khác hẳn yêu chồng. Không có thứ tình đặc biệt đó thì không thể coi gia đình là một chế độ được vì người ta có thể giao cho con những nhà giáo dục chuyên môn, cần gì có gia đình nữa. Mà hiện nay, nếu bản năng không bị thui chột thì tình yêu đặc biệt của cha mẹ đối với con có lợi rất lớn cho cả cha mẹ lẫn con cái. Nó quý ở chỗ người ta

có thể tin cậy ở tình đó hơn cả các tình yêu khác. Ban bè quý mến ta vì ta có tài đức, tình nhân yêu ta vì ta đẹp đẽ, có duyên, nếu những cái đó mất đi thì ta cũng có thể mất bạn bè và tình nhân. Nhưng nhất là trong những lúc đau khổ, bệnh tật hoặc bất hạnh, ta vẫn có thể ẩn náu ở bên cạnh cha mẹ. Cha mẹ yêu ta vì chúng ta là con của các người, đó là một điều bất di bất dịch ; vì vậy ở bên cạnh cha mẹ chúng ta thấy an ổn hơn ở với người khác. Khi ta thành công, ta thấy cái đó có vẻ như không quan trọng ; lúc nào đau khổ ta mới thấy gia đình là một niềm an ủi, một chỗ an ổn không tìm đâu ra được cả.

Trong sự tương giao của loài người, dễ dàng tìm được hạnh phúc cho một bên mà khó bảo toàn được hạnh phúc cho cả hai bên. Người cai ngục có thể thấy thích trong việc giữ tội nhân ; người chủ có thể thấy thích khi ngược đãi người làm công ; ông vua thấy thích độc tài với thần dân ; và người cha cổ hủ chắc cũng thấy thích dùng roi vọt¹ để dạy con. Nhưng như vậy chỉ thích cho một bên thôi, còn bên kia thì không. Tôi cho rằng cả hai bên thích hết thì mới công bằng. Ngày nay, trong sự giao thiệp giữa cha mẹ con cái, cha mẹ không được thỏa mãn về con như thời xưa, mà con cái đỡ phải chịu đau khổ vì

¹ Tôi không chắc tâm lý này đúng ; cha mẹ mà thích như vậy thì tôi cho là tâm lý bệnh hoạn chứ không phải cổ hủ mà thôi. Cha mẹ mà yêu con, khi nóng nảy có thể dùng roi vọt, nhưng bình tĩnh lại rồi thì luôn luôn ân hận.

cha mẹ như thời xưa (...) Thế giới ngày nay có khuynh hướng bình đẳng, muốn cho cha mẹ con cái sung sướng hơn thì mỗi bên phải âu yếm và tế nhị, trọng cá tính của nhau ; nhưng đức này lại khó nảy nở được vì cái óc tranh đấu đặc biệt trong đời sống hằng ngày hiện đại.

Bây giờ chúng ta xét cái hạnh phúc làm cha hoặc làm mẹ, trước hết về phương diện sinh lý, rồi sau về cách thức, cư xử với con ra sao cho cả hai bên đều có hạnh phúc trong cái thời đại tin tưởng ở bình đẳng này

Có con là một hạnh phúc vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất : một phần nhân thể mình tách ra khỏi mình, thành một cuộc sống mới, một cá nhân mới, do đó đời sống của ta được kéo dài sau khi mất ; rồi cá nhân mới đó, con ta đó, lại tách ra, lại tách ra thành một cá nhân nữa, cứ như vậy hoài mà con người hóa ra bất tử. Lẽ thứ nhì : trong tình yêu con, có sự hỗn hợp mật thiết của quyền lực và tình âu yếm. Đứa trẻ mới sinh, yếu ớt không tự bảo vệ được, cần được cha mẹ nuôi nấng săn sóc, cái đó chẳng những thỏa mãn lòng yêu con mà còn thỏa mãn lòng thích có quyền lực của cha mẹ nữa. Trẻ còn phải được bảo vệ thì cha mẹ che chở cho con cũng như che chở cho một chỗ nhược của mình, không vị kỉ chút nào, vì không phân biệt con và mình. Nhưng rồi chẳng bao lâu, có sự xung đột giữa lòng ham uy quyền của cha mẹ và lòng muốn cho con được hạnh phúc, vì tuy cha mẹ cần có uy quyền đối với con (tình thể một phần nào bắt buộc như vậy),

nhưng cũng nên mong rằng con tập tự lập được về mọi phương diện càng mau càng tốt ; mà như vậy trái với lòng thích có quyền lực của cha mẹ. Có nhiều cha mẹ không bao giờ nhận thức được những xung đột đó và áp chế con cho tới khi chúng phải phản kháng. Nhưng cũng có người nhận thức được và trong lòng có những cảm xúc trái ngược, họ mất hạnh phúc, cực kì thất vọng khi thấy mình hi sinh cho con biết bao mà bây giờ nó không được như ý mình muốn chút nào cả. Mình muốn nó thành một quân nhân thì nó lại chủ trương hòa bình ; hoặc như Tolstoi, muốn cho con chủ trương hòa bình thì nó lại xung vào đội Kị binh quyết tử. Ngay từ hồi con còn nhỏ, cha mẹ đã gặp những nỗi khó khăn đó rồi. Trẻ đã biết ăn lấy, mà mình vẫn dút cho nó, là đặt lòng thích uy quyền lên trên cái lợi của trẻ, mặc dầu mình vẫn tưởng rằng như vậy là yêu nó, giúp cho nó khỏi lúng túng. Ta quá vội vàng can thiệp nó để phòng tai nạn, có lẽ cũng là vì muốn nó tùy thuộc mình hoài. Tổ vẽ âu yếm nó một cách rõ rệt quá và mong nó cũng âu yếm mình lại như vậy có lẽ cũng là muốn cho nó không rời mình ra. Từ việc nhỏ tới việc lớn, lòng thích chiếm hữu có cả nghìn cách làm cho cha mẹ lầm lỡ, nếu họ không biết thận trọng, có những ý muốn rất trong sạch. Cha mẹ ngày nay nhận thức được những tai hại đó, đôi khi mất lòng tự tin trong cách cư xử với con cái, và có thể làm hại cho chúng hơn là vô tình mà lầm lẫn ; vì không có gì làm cho trẻ hoang

mang bằng sự thiếu tự tin, vững tin của người lớn. Vậy thà có một tấm lòng trong sạch còn hơn là quá thận trọng. Cha mẹ nào đo bản năng tự nhiên lo hạnh phúc cho con hơn là nghĩ tới uy quyền của mình thì không cần phải đọc các sách về phân tâm học cũng biết nên làm cái gì và không nên làm cái gì, vì bản năng của họ hướng dẫn họ một cách chắc chắn rồi. Trong trường hợp đó, sự giao thiệp giữa cha mẹ con cái được điều hòa, êm ái từ đầu tới cuối, con không phản kháng lại cha mẹ mà cha mẹ cũng không thất vọng. Nhưng muốn vậy thì ngay từ hồi đầu, cha mẹ phải trọng cá tính của con, trọng không phải chỉ vì vấn đề qui tắc luân lí trí tuệ, mà vì tin chắc, cảm thấy mạnh mẽ rằng con cái không phải là vật sở hữu của mình. Dĩ nhiên không phải chỉ đối với con cái mới nên có thái độ đó ; mà đối với vợ chồng, bạn bè, thái độ đó cũng rất quan trọng, tuy rằng trong tình bạn bè, thái độ đó dễ thực hiện hơn. Trong một xã hội hoàn hảo, sự giao thiệp về chính trị giữa các nhóm với nhau cũng có thái độ đó nữa ; nhưng cái đó hiện nay còn là một hi vọng hảo huyền quá, không cần bàn tới (...).

Ngày nay chỉ những cha mẹ nào cảm được thâm thúy sự tôn trọng cá tính của con cái đó mới hưởng được những nỗi vui phong phú nhất vì họ không phải hãm lại, hạn chế lòng yêu uy quyền của họ mà cũng không sợ thất vọng chua chát khi thấy con cái muốn thoát khỏi sự giám hộ của mình (...).

Tôi cho tình cha mẹ yêu con có một giá trị đặc biệt, nhưng như vậy tôi không kết luận rằng cha mẹ phải làm hết mọi việc cho con. Ngày nay về sự săn sóc con cái, nhờ công việc nghiên cứu, người ta đã tiến bộ được nhiều, chẳng hạn về sự dạy học cho con. Người ta không đòi hỏi người mẹ dạy toán cho con nữa, dù mẹ rất yêu con ; để cho thầy giáo cô giáo dạy thì hơn. Đành rằng có nhiều việc mẹ làm vẫn kĩ hơn người ngoài, nhưng trẻ càng lớn thì càng có nhiều việc nên giao cho người khác vì mẹ không đủ năng lực chuyên môn. Lại thêm một người mẹ có tài riêng về một môn nào đó thì dù có con cũng nên được thảnh thơi làm việc riêng của mình, như vậy có lợi cả cho mình, lẫn cho xã hội. Mấy tháng trước khi sanh và trong thời cho bú, có thể nghỉ công việc, nhưng trẻ đã chín tháng rồi thì người mẹ không nên vì con mà bỏ những hoạt động trong nghề của mình. Mẹ mà hi sinh cho con quá, nghĩa là săn sóc con quá, làm hết mọi việc cho con, thì thường rất ích kỉ đối với con, vì sự có con tuy là một hạnh phúc quan trọng tới đâu đi nữa, nếu coi nó là tất cả mục đích trong đời thì nó không làm thỏa mãn người mẹ được mà người mẹ sẽ hóa ra chuyên chế với con. Vậy không nên vì con mà bỏ hết các thú vui, các hoạt động của mình, cái đó có lợi lớn cho cả con lẫn mẹ (...).

14 LÀM VIỆC

Khó mà quyết chắc được sự làm việc làm cho người ta sung sướng hay khổ sở. Trong nhiều trường hợp, làm lụng là điều đáng chán, mà làm việc quá sức thì luôn luôn khó chịu. Nhưng nếu không quá sức thì theo tôi, dù phải làm một công việc đơn điệu buồn tẻ nhất, nhiều người cũng thích hơn là ở không. Tùy công việc và tùy khả năng của người làm việc, mà sự làm việc có cả ngàn mức độ thích thú, từ cái mức khuây sấu tới cái mức cực kì khoái lạc. Hầu hết các công việc người ta phải làm tự nó không có gì thú cả, nhưng cả trong trường hợp đó, sự làm lụng vẫn có nhiều lợi. Trước hết là cái lợi có việc để làm gần hết ngày mà khỏi phải quyết định nên làm cái gì đây. Nhiều người nếu được tự do lựa chọn cách dùng thì

giờ của mình thì không biết nên làm cái gì cho thích và khi quyết định rồi, họ vẫn thức mướn giá làm công việc khác có lẽ thích hơn. Vấn minh tốt bậc là khi nào con người có thể dùng thì giờ rảnh của mình một cách thông minh, hiện nay rất ít người đạt được mức đó. Lại thêm, nội cái hành động lựa chọn cũng tự nó mệt rồi. Trừ những người óc sáng kiến rất cao, còn thì đa số thích cố người buộc mình phải làm những gì trong mỗi giờ, miễn là công việc đừng khó chịu quá. Hầu hết các phú gia ở không phải chịu một nỗi buồn tẻ không tá được như để chuộc cái tội đã không cam cụ làm việc. Thịnh thoang để tiêu sấu họ đi săn thú rừng ở Châu Phi hoặc đi du lịch vòng quanh thế giới bằng máy bay, nhưng những tiêu khiển đó lâu lâu mới có một lần thôi nhất là khi đã đứng tuổi. Cho nên những phú gia thông minh nhất vẫn tiếp tục làm việc gấn cực nhọc như thế họ nghèo vậy, và các bà giàu có phải kiếm cả trăm công việc lảng nhãng để làm cho hết ngày và tin chắc rằng làm những công việc đó là để cứu cả thế giới.

Vậy cần phải làm việc, trước hết để khỏi buồn chán vì ở không. Lại thêm cái lợi là có làm việc, tới lúc nghỉ ngơi mới thấy thích hơn nhiều, miễn là đừng làm quá tới nỗi sức khỏe bị suy giảm.

Cái lợi thứ nhì của một công việc được trả công - đôi khi cho ta cơ hội thành công, có dịp tốt để thỏa mãn cao

vọng của ta. Trong hầu hết mọi công việc, người ta xét sự thành công theo lợi tức, hễ còn xã hội tư bản thì còn như vậy. Chỉ khi nào cần làm một công việc hoàn hảo nhất, người ta mới không dùng tiêu chuẩn tự nhiên đó. Người ta muốn tăng lợi tức lên là muốn có thêm những tiện nghi trong đời sống, mà cũng là muốn thành công nữa. Một công việc nào đơn điệu, buồn tẻ tới đâu cũng có thể chịu được nếu nhờ nó mà gây dựng được tiếng tăm cho mình trong đại chúng hoặc trong giới của mình. Sự kiên nhẫn đeo đuổi mục đích rất cuộc là một trong những yếu tố quan trọng nhất của hạnh phúc và hầu hết mọi người tìm được hạnh phúc là nhờ công việc của mình hơn cả. Về phương diện đó, những phụ nữ phải săn sóc việc nhà không được may mắn bằng những người đàn ông hay đàn bà làm việc ở ngoài. Người nội trợ không được lãnh lương, không cải thiện địa vị, thân phận của mình được ; cái đó người chồng cho là rất tự nhiên, có biết gì về công việc của vợ đâu, có quý vợ là vì những đức khác kia chứ không vì công việc nội trợ của vợ. Dĩ nhiên, lời tôi nói đó không áp dụng vào những bà phong lưu có nhà cửa vườn tược đẹp đẽ, làm cho người hàng xóm phải thềm ; những hạng người may mắn đó đâu có nhiều, và hầu hết các bà nội trợ không thấy thoa mãn khi làm công việc nhà bằng những người có nghề và làm công việc khác ở ngoài.

Công việc nào cũng cho ta cái thú giết thì giờ và thỏa mãn cao vọng, vì vậy dù nó có đơn điệu tới đâu cũng còn thích hơn là ở không. Nếu công việc tự nó thích thú thì sự thỏa mãn của ta còn lớn hơn nữa. Có nhiều thứ công việc thích thú. Tôi sẽ xét trước hết những công việc thích thú in ít thời rồi sau cùng mới xét những công việc có thể thu hút tất cả sinh lực của ta.

Có hai yếu tố quan trọng khiến một công việc hóa thích thú : dùng được sự khéo léo của ta, và gắng sức xây dựng.

Người nào có một tài năng nào đó thì thích luyện nó cho thành một bản tính thứ nhì hoặc cho tới khi nào nó đạt tới mức không còn cải thiện thêm được nữa. Trong nhiều trường hợp, sự làm việc cũng thích thú như chơi những trò khéo léo. Tôi cho rằng công việc của một luật sư hoặc một chính khách còn thích thú hơn chơi bài bridge¹. Chẳng những họ được tỏ tài mà còn được cái thú thắng mưu mô của một địch thủ tài ba. Dù không có yếu tố ganh đua đó thì nội một việc làm nổi những việc khó khăn cũng vui rồi. Một phi công nhào lộn trên không trung thấy ham mê vô cùng mà coi thường cái chết. Một nhà giải phẫu có tài làm việc trong những hoàn cảnh cực

¹ Người Âu Mĩ chơi bài bridge cũng mê như ta chơi mạt chược, tài bàn, tổ tôm.

nhọc mà vẫn thấy thích vì đã mổ xẻ cực kì chính xác. Một người làm một công việc tầm thường hơn cũng có thể thấy cái vui đó nhưng không mãnh liệt bằng. Tôi nghe nói có những người thợ chỉ yêu công việc, nhưng tôi chưa may mắn được gặp.

Công việc chuyên môn nào cũng có thể là một nguồn vui được miễn là cần có nhiều khéo léo và có thể cải thiện hoài được. Thiếu hai điều kiện đó, nếu người chuyên môn không còn tiến thêm được nữa về sự khéo léo, thì công việc hết thấy thích. Một người chạy bốn nghìn thước, tới một tuổi nào đó, không thể tự phá kỉ lục của mình được nữa, cũng hết thấy ham. May mắn thay, chúng ta thường gặp được một công việc cần những điều kiện mới, một sự khéo léo mới, thành thử có cơ hội tự cải thiện hoài, ít ra là cho tới khi đứng tuổi. Đôi khi, trong một công việc khó khăn, chẳng hạn trong chính trường, những người tài giỏi nhất ở vào cái tuổi từ sáu mươi tới bảy mươi ; vì trong những công việc đó cần có nhiều kinh nghiệm. Cho nên những chính khách thành công, bảy mươi tuổi có thể sung sướng hơn những người khác cùng tuổi đó. Về phương diện ấy, chỉ các nhà đại doanh nghiệp là đối thủ của họ thôi.

Còn một yếu tố hạnh phúc nữa trong một công việc hoàn hảo, tức yếu tố xây dựng. Trong vài trường hợp, làm xong một công việc rồi là xây dựng được một cái gì.

Có tiêu chuẩn này để phân biệt sự xây dựng và sự phá hoại. Xây dựng từ một tình trạng tương đối hỗn độn tiến tới một tình trạng có mục đích nào đó ; phá hoại trái lại, từ tình trạng nguyên thủy có một mục đích, tiến tới một tình trạng hỗn loạn. Điều đó hiện rõ nhất là công việc xây cất và phá hủy nhà cửa. Khi xây cất nhà cửa, người ta lập trước một kế hoạch, mà khi phá hủy thì các vật liệu cũ phá, hạ xuống rồi, chất ngổn ngang không có trật tự gì cả. Dĩ nhiên nhiều khi cần phá hoại rồi mới xây dựng lại, như vậy phá hoại cũng là một giai đoạn trong công trình xây dựng. Nhưng thường thường người ta cứ phá hoại mà chẳng nghĩ tới công việc xây dựng tiếp theo. Người ta tự dối lòng rằng chỉ muốn phá hết để xây dựng lại, nhưng khi hỏi sẽ xây dựng ra sao, người ta chỉ đáp một cách mơ hồ, không hăng hái, trái lại hỏi về việc phá hoại thì người ta vui vẻ trả lời đích xác. Nhiều nhà cách mạng, bọn theo chủ nghĩa thương võ, và bọn sử đồ của chủ nghĩa bạo lực ở trong trường hợp ấy. Họ bị lòng căm thù thúc đẩy mà họ không hay ; mục đích chính của họ là phá hoại những cái họ oán ghét mà chẳng cần biết rõ cái gì sẽ xảy ra sau này. Tôi không phủ nhận rằng trong công việc phá hoại người ta cũng có thể thấy vui như trong công việc xây dựng. Cái vui đó tàn bạo hơn, có thể đôi khi mãnh liệt hơn nhưng không thỏa mãn bằng cái vui xây dựng. Bọn giết kẻ thù, kẻ thù chết rồi, công việc

của bạn đã xong, sự thỏa mãn vì thắng lợi giảm xuống rất mau. Trái lại, khi xây dựng xong, ta được cái vui ngắm nghía công trình của mình, và thấy nó chưa được hoàn toàn, còn muốn sửa đổi nữa. Những dự định làm cho ta thỏa mãn nhất là những chương trình đưa từ sự thành công này tới sự thành công khác, không bao giờ bị nghẽn ; về điểm đó, ta thấy sự thành công là nguồn hạnh phúc lớn lao hơn sự phá hoại. Có lẽ nói như vậy đúng hơn : người nào thích xây dựng thì tìm được trong sự xây dựng một niềm vui lớn hơn niềm vui của những kẻ ham phá hoại khi bọn này thực hiện công việc phá hoại của họ, vì bọn phá hoại trong lòng đầy căm thù, không để gì hưởng được cái vui xây dựng.

Mà muốn trị cái thói căm thù thì cách cố hiệu quả nhất là cho họ cơ hội xây dựng.

Sự thỏa mãn khi hoàn thành một công trình xây dựng lớn lao là một trong những sự thỏa mãn lớn nhất trong đời, chỉ buồn rằng phải là hạng người có tài đặc biệt mới được hưởng sự thỏa mãn đó. Không có cái gì cướp được hạnh phúc của một người thành công hoàn toàn trong một công việc quan trọng, trừ phi lúc người đó thấy có chứng cứ rằng công việc mình chẳng có giá trị gì cả. Sự thỏa mãn đó có nhiều hình thức. Một người đào kênh dẫn nước vô một miền khô cằn mà biến miền đó thành một cánh đồng hoa, được hưởng một niềm vui

hoàn toàn cụ thể. Thành lập được một tổ chức cũng có thể là một công việc rất quan trọng. Mà sự nghiệp của vài chính trị gia hi sinh đời mình để lập được một trật tự trong một cảnh hỗn độn cũng là một sự nghiệp lớn lao : như Lénine ngày nay là một trường hợp tối cao. Hiển nhiên nhất là trường hợp các nghệ sĩ và nhà bác học. Shakespeare tự khen thơ của ông như vậy : "Loài người mà còn thơ, hoặc còn nhìn thấy thì những thơ này sẽ còn trường tồn". Chắc chắn là ý nghĩ đó an ủi ông trong những khi ông đau khổ. Trong những bài thơ mười bốn câu của ông, ông bảo rằng hề nghĩ tới bạn thân củ ông thì ông không còn giận đời nữa ; nhưng tôi cho rằng chính những bài thơ đó an ủi ông hơn là bạn thân của ông. Công việc của các nghệ sĩ đại tài và các nhà bác học danh tiếng tự nó đã thích thú rồi ; khi làm việc, họ được sự kính trọng của những người biết giá trị của họ, và nhờ sự kính trọng đó mà họ có được thứ thế lực lớn nhất tức thế lực tác động tới ý nghĩ và tình cảm của loài người. Họ cũng có những lí do vững vàng để tự hào. Như vậy nghệ sĩ và nhà bác học nào cũng sung sướng chăng ? Không luôn luôn như thế đâu. Michel Ange là một người rất khổ sở, ông ta bảo rằng nếu không phải trả nợ cho những bà con nghèo thì không cực khổ sáng tác làm chi, tôi cho rằng ông nói bậy. Rất nhiều khi - chứ không phải là luôn luôn - nhờ một cảnh khổ nào nhất thời mà nghệ

si sáng tác được những tác phẩm bất hủ : họ khổ tới nỗi nếu không tìm được cái vui trong sự làm việc thì đến phải tự tử mất. Cho nên chúng ta không thể nói chắc rằng những công trình lớn lao nhất định làm cho người ta sung sướng, mà chỉ có thể nói rằng chúng làm cho người ta bớt khổ thôi. Tuy nhiên các nhà bác học thường ít khổ về những cảnh khốn đốn nhất thời đó hơn và xét chung, những người nghiên cứu về khoa học là những người sung sướng mà hạnh phúc của họ phần lớn do công việc của họ.

Một trong những nguyên nhân làm cho giới trí thức ngày nay rất khổ sở là đa số - nhất là văn nhân - không có cơ hội tự do thi thố tài năng của họ mà phải làm thuê cho những công ti lớn do bọn phàm tục điều khiển, bọn này buộc họ phải sản xuất những thứ mà chính họ cho là bậy bạ có hại. Bạn thử hỏi các kĩ gia Mĩ hay Anh xem họ có tin dường lời chính trị của tờ báo họ cộng tác không, bạn sẽ thấy chỉ một số rất ít tin thôi ; còn những người khác vì mưu sinh mà phải làm trụy lạc tài năng của mình để phụng sự những mục đích họ cho là có hại. Một công việc như vậy không thể làm cho người ta thực sự thỏa mãn được, và quen làm công việc giả dối đó, riết rồi người ta hóa ra vô liêm sỉ, dày dạn tới nỗi không còn thể thực tâm thỏa mãn về bất kì một cái gì nữa. Tôi không mặt sát những người hành động như vậy vì đối thì đâu

gối phải bò ; nhưng tôi nghĩ rằng nếu có cơ hội làm một việc thỏa mãn được xu hướng xây dựng của mình mà không đến nỗi phải sống trong cảnh hoàn toàn túng thiếu, thì thà lựa công việc đó còn hơn là làm một công việc khác có tiến hơn nhưng không đáng cho mình làm. Như vậy có lợi cho ta hơn vì thiếu lòng tự trọng thì ít khi có thể thành thực sung sướng được. Mà xấu hổ về công việc của mình thì khó tự trọng được lắm.

Hiện nay có lẽ chỉ một số ít người được hưởng cái vui làm một công việc xây dựng, nhưng sau này có thể nhiều người được hưởng hơn. Ai làm nghề tự do, không phải tùy thuộc người khác đều biết cái vui đó, mà người nào thấy công việc của mình có ích, cần có nhiều tài, thì cũng vậy. Có con, dạy dỗ cho chúng nên người, làm vẻ vang cho mình, là làm một công việc xây dựng khổ khăn, có thể gây một niềm thỏa mãn sâu sắc cho mình. Bà mẹ nào đạt được mục đích đó có thể vinh hân rằng đã tặng cho xã hội một giá trị chỉ có mình mới đạt được.

Mỗi người có một nhận định về đời sống của mình. Người này cho đời mình là một toàn thể có mục đích, người khác cho đời là một chuỗi biến cố, không liên lạc gì với nhau, không có hướng chung nhất định, không nhất trí. Theo tôi, hạng trên dễ đạt được hạnh phúc hơn hạng dưới, vì họ tuân tự tạo ra những hoàn cảnh để được thỏa mãn, tự quý mình ; còn hạng người kia lênh đênh như

cánh bèo, mặt nước, không bao giờ tới được bên. Muốn được minh triết và có đạo đức chân chính thì nên tập có thói quen coi cuộc đời là một toàn thể, và điều đó ta nên tập cho trẻ từ nhỏ. Các dự định có liên lạc với nhau không đủ làm cho đời ta sung sướng, nhưng chúng là một điều kiện gần như cần thiết cho một cuộc đời có hạnh phúc.

15.

THÚ TIÊU KHIỂN

Trong chương này tôi không xét những hứng thú lớn lao làm nền tảng cho đời sống một người mà xét những hứng thú nhỏ nhỏ để tiêu khiển trong lúc rảnh mà thần kinh được nghỉ ngơi sau những lúc bận trí, lo lắng. Một trung nhân bận trí và lo lắng nhiều nhất là cho vợ con; công ăn việc làm, tình hình tài chánh. Dù có nhân tình nhân nghĩa thì cũng không bận tâm gì tới lắm, trừ khi vì vậy mà hóa ra lục đục trong nhà.

Ở đây tôi không xét những thú thú liên quan tới công việc của mỗi người. Một nhà khoa học phải theo dõi những công việc nghiên cứu trong khu vực của mình, và khi theo dõi, thấy hăng hái, thích thú như thế những nghiên cứu đó liên quan chặt chẽ tới công việc của mình ;

nhưng khi đọc những nghiên cứu trong một ngành khoa học khác ngành của mình, thì có một tinh thần khác hẳn, không phải tinh thần nghề nghiệp nữa, không vì lợi nữa. Dù có phải gắng sức để đọc, thì trong trường hợp sau đó, óc cũng được nghỉ ngơi vì không phải nghĩ tới trách nhiệm. Nếu đọc mà thấy thú, thì thú đó là thú tiêu khiển¹. Trong chương này tôi muốn bàn về những hứng thú ở ngoài khu vực hoạt động chính của chúng ta đó.

Một trong những nguyên nhân khiến ta đau khổ về tinh thần mệt mỏi, thần kinh căng thẳng là tại ta không thích được những cái gì không quan trọng thực tế trong đời sống, mà lúc nào cũng chỉ lo lắng về cái thực tế, trừ trong giấc ngủ, do đó tinh thần bị kích thích, hóa quạu quọ, thiếu thận trọng, thiếu ý thức về sự tương xứng². Cái đó vừa là nguyên nhân, vừa là hậu quả của sự mệt mỏi. Một người càng mệt mỏi, càng ít thích chú ý tới ngoại vật, chỉ nghĩ tới những nỗi lo lắng của mình, thành ra không nghỉ ngơi được, mà càng mệt thêm. Cái vòng lẩn quẩn đó đưa tới tình trạng thần kinh suy nhược. Để ý tới ngoại vật thì ta được nghỉ ngơi vì không phải hành động gì cả. Sự quyết định rồi thực hiện làm cho ta

¹ Bản tiếng Pháp là "Intérêts impersonnels", tức những hứng thú không liên quan gì tới công việc riêng của từng người tới dịch thoát ra như vậy.

² Nghĩa là việc không đáng gì mà cũng coi trọng.

kiệt sức, nhất là trong những khi gấp, không kịp để cho tiềm thức giúp ta. Để cho tiềm thức quyết định giúp mình trong giấc ngủ khi có một việc quan trọng, như vậy là khôn ; nhưng tiềm thức không phải chỉ hoạt động trong giấc ngủ mà thôi ; nó hoạt động cả trong khi thức hữu thức mãi lo công việc khác. Người nào làm xong công việc hằng ngày rồi, có thể quên nó được cho tới sáng hôm sau thì chắc chắn làm được dằng hoàng hơn là người nghĩ tới nó hoài ; và nếu có những hứng thú gì khác ngoài công việc thì lại dễ quên nó hơn khi cần phải quên. Nhưng những hứng thú đó không được làm bận trí vì trí đã mệt mỏi khi làm công việc hằng ngày rồi. Cũng không được bắt ta phải dùng tới nghị lực hoặc phải quyết định gấp ; lại không nên liên quan tới tiền bạc, như đánh bạc chẳng hạn ; và xét chung thì không nên có tính cách kích thích tới nỗi mệt mỏi vì cảm xúc, bất cả phần tiềm thức lẫn hữu thức của ta chú ý tới.

Nhiều môn tiêu khiển có đủ những điều kiện đó, như dự vào các trò chơi, đi coi hát hoặc đánh "golf". Người nào ham đọc sách thì kiếm sách không liên quan tới nghề của mình mà đọc. Dù có gặp nỗi lo lắng, phiền muộn tới mấy cũng không nên suốt ngày nghĩ tới nó. Về điểm đó đàn ông và đàn bà khác xa. Xét chung, đàn ông có thể dễ dàng quên công việc của mình hơn đàn bà. Đối với các bà nội trợ, điều đó tự nhiên vì họ không thể rời

chỗ mà thay đổi tâm trạng như đàn ông khi ra khỏi sở. Nhưng nếu tôi không làm, ngay các phụ nữ làm việc ở ngoài cũng gần như các bà nội trợ, nghĩa là khó chú ý tới những cái gì không quan trọng về thực tế đối với họ. Ý nghĩ và hoạt động của họ bị các kế hoạch của họ chi phối và rất ít khi họ chuyên chú hoàn toàn vào một cái gì mà họ không có trách nhiệm. Tôi không phủ nhận rằng có những trường hợp lệ ngoại tôi xét đó là xét chung. Trong một trường nữ trung học, các nữ giáo sư họp nhau buổi tối, nếu không có đàn ông thì chỉ nói về công việc của trường, còn các nam giáo sư không vậy. Có vẻ như lương tâm nghề nghiệp của họ cao hơn đàn ông, nhưng tôi nghĩ nếu họ cứ chăm chú hoài vào công việc như vậy thì không chắc công việc của họ được cải thiện. Tư tưởng của họ sẽ hóa ra hẹp hòi mà rốt cuộc nhiều người hóa ra có tinh thần cuồng nhiệt.

Những hứng thú ở ngoài công việc, không những giúp cho ta nghỉ ngơi mà còn có nhiều công dụng khác nữa. Trước hết, nhờ chúng mà ta giữ được ý thức về sự tương xứng. Chúng ta rất dễ quá chuyên chú vào kế hoạch của mình, giới của mình, công việc của mình mà quên rằng những cái đó chỉ là một phần nhỏ trong tổng số hoạt động của nhân loại và trên thế giới có biết bao cái chẳng chịu chút ảnh hưởng nào của việc ta làm cả. Bạn hỏi tôi : Tại sao mình lại phải nhớ tới điều đó ? Có

nhiều lí do. Lí do thứ nhất là căn cứ một ý niệm đúng về thế giới. Chúng ta sống trên thế giới này không lâu, và trong cuộc đời ngắn ngủi đó chúng ta phải biết những điều cần thiết về ngôi hành tinh kì dị của chúng ta, về địa vị của nó trong vũ trụ. Ai không biết điều đó dù biết một cách rất sơ sài, thì cũng không khác gì người vô rap hát mà không nghe tuồng hát. Thế giới đầy những cái bí hiểm, khôi hài, anh dũng, kì cục hoặc lạ lùng và không chú ý tới tuồng đời tức là từ bỏ một trong những cái lợi mà đời có thể cho ta.

Lại thêm ý thức về sự tương xứng rất đáng quý, đôi khi làm cho ta rất phấn khởi. Hết thấy chúng ta đều có xu hướng để cho cái khu nhỏ chúng ta ở cuộc đời ngắn ngủi chúng ta sống, kích thích ta quá mức, thành ra thần kinh bị căng thẳng, xúc động. Hăng hái quá như vậy, đánh giá quá cao sự quan trọng của ta như vậy là điều không tốt một chút nào cả. Đánh rằng, như vậy ta có thể làm việc hăng hơn, gặt hơn, nhưng chưa chắc đã có hiệu quả hơn. Một công việc ít quan trọng mà hướng về một mục đích tốt còn đáng quý hơn một công việc lâu dài nhằm một mục đích đê tiện, mặc dầu những kẻ chủ trương suốt đời phải cảm cui, cơ hồ không đồng ý với tôi về điểm đó. Những người lo lắng quá về công việc của mình thường dễ hóa ra cuồng nhiệt ; bọn cuồng nhiệt chỉ nghĩ tới một hai cái họ thích thôi còn thì quên hết mọi

cái khác, và họ cho rằng trong việc đeo đuổi mấy mục đích đó cái gì tai hại có thể xảy ra ở ngoài cũng không đáng cho họ quan tâm tới. Cách tốt nhất để chống thói cuồng nhiệt đó là có một quan niệm khoáng đạt về đời người, về địa vị con người trong vũ trụ (...).

Một trong những khuyết điểm của nền đại học ngày nay là quá chú trọng tới sự dạy cho sinh viên một sự khéo léo, một tài năng nào đó mà không luyện cho tinh thần, tâm hồn sinh viên phong phú thêm nhờ một nhân quan vô tư, khoáng đạt về thế giới. Bạn có thể chuyên tâm vào một cuộc chiến đấu chính trị, làm việc khổ nhọc cho đảng của bạn thắng. Cái đó được. Nhưng có thể rằng trong cuộc chiến đấu đó xảy ra một cơ hội tốt để đảng của bạn thắng được, nhưng muốn thắng thì phải dùng những phương tiện làm tăng thêm lòng căm thù, tàn bạo, nghi kỵ trên thế giới lên. Bạn có thể nhận thấy rằng muốn thắng lợi, cách tốt nhất là mặt sát một ngoại bang. Nếu bạn chỉ nghĩ tới hiện tại thôi hoặc nếu bạn thêm nhiệm vụ trưng chi có cứu cánh là quan trọng, bạn sẽ dùng những phương tiện chẳng đẹp để gì đó. Nhờ những phương tiện đó bạn sẽ đạt được những mục tiêu trước mắt, mặc dầu hậu quả lâu dài có thể tai hại. Trái lại, nếu bạn nhớ lại tất cả di vãng của loài người nhớ sự tấn bộ lần lần, và cục bộ của loài người từ thời dã man cho tới nay, nhớ cuộc sống ngắn ngủi của nhân loại so với

những thời đại dài vô cùng, nếu tình cảm hằng ngày của bạn được những ý nghĩ đó nhào nặn, tiêm nhiễm, thì bạn sẽ thấy rằng cuộc chiến đấu nhất thời của bạn bây giờ có thể làm cho nhân loại đi thụt lùi về cái khoảng tối tăm mà tổ tiên ta đã lần lần nhồi lên khỏi. Hơn nữa, nếu bạn thất bại không đạt được mục tiêu trước mắt, thì cũng cái ý thức rằng sự thất bại sẽ ngăn ngại, mà bạn sẽ không dùng tới những khí giới để hèn. Bạn sẽ nhìn xa hơn những hoạt động trước mắt, bạn sẽ nhắm những mục tiêu xa hơn lần lần thực hiện được, bạn sẽ không phải là một cá nhân cô độc, mà là một phần tử trong một đạo quân đông đảo đã dắt dẫn nhân loại tới một cuộc sống văn minh hơn. Có được quan niệm đó, bạn sẽ an tâm, vui vẻ luôn luôn, dù số phận của bạn không tốt đẹp. Đời sống sẽ thành một sự cam thông, đồng điệu với các vĩ nhân mọi thời, mà cái chết của mình sẽ chỉ là một biến cố không đáng kể.

Nếu tôi được tổ chức nền đại học theo ý tôi, tôi sẽ thay những tôn giáo chính thống cũ - chỉ thu hút một số ít thanh niên, kém thông minh nhất, phi khai hóa nhất - bằng một cái gì khác có lẽ không đáng gọi là tôn giáo, vì chỉ là sự tập trung tinh thần vào những sự kiện ai cũng biết. Tôi sẽ ráng giúp thanh niên nhìn vào dĩ vãng một cách sắc sảo, nhận được rằng tương lai của nhân loại

chắc sẽ dài hơn quá khứ nữa ; tôi sẽ giảng cho họ rằng hạnh tình của chúng ta này nhỏ xíu mà cuộc đời chỉ là một biển cả nhất thời ; và khi tôi chỉ cho họ thấy rõ nhiệm vụ rất nhỏ nhoi của cá nhân, đồng thời tôi cũng sẽ trình bày cho họ nhiều sự kiện khác để họ hiểu cá nhân có thể cao cả ra sao, mà trong cái khoảng vũ trụ thăm thẳm hiện nay ta được biết kia, không có gì giá trị bằng con người. Đã từ lâu rồi, Spinoza viết về thân phận và sự tự do của con người ; hình thức diễn tả và ngôn ngữ của ông khiến cho nhiều sinh viên triết học không hiểu nổi, nhưng đại cương những điều tôi muốn giảng cho bạn đây gần y hệt tư tưởng của ông.

Người nào đã thấy một lần - dù chỉ là trong một khoảnh khắc ngắn ngủi - cái gì làm cho tâm hồn con người cao thượng thì không thể nào còn sung sướng được nữa nếu lại tỏ ra nhỏ mọn, ích kỉ, phiền muộn vì những sự biến tâm thường, và lo ngại không biết tương lai của mình sẽ ra sao. Người tâm hồn cao cả sẽ mở rộng các cửa sổ của tinh thần để cho gió từ khắp nơi trong vũ trụ lồng lộng thổi vào. Người đó sẽ có một hình ảnh đúng nhất mà khả năng hạn chế của loài người có thể có được về bản thân, về đời sống, về vũ trụ ; người đó nhận định được rằng, tuy đời người nhỏ nhoi, nhưng tất cả cái gì có thể có một giá trị trong vũ trụ đều tập trung vào tinh thần con người. Người đó sẽ thấy rằng người nào tinh

thần phản ánh được thế giới thì cũng thành ra vi đại như thế giới. Trút bỏ được những lo sợ, không còn nô lệ hoàn cảnh nữa, người đó sẽ thấy một niềm vui sâu sắc, và trải qua những thăng trầm trong đời sống xã hội, người đó vẫn sung sướng trong đáy lòng.

Thôi ta hãy bỏ những suy tư táo bạo đó mà trở về vấn đề giá trị của các hứng thú ngoài công việc làm. Chúng ta thấy còn một yếu tố nữa giúp được nhiều cho hạnh phúc. Cả những người tốt số nữa cũng gặp những cảnh khôn khéo. Ít có ai không bao giờ gây lộn với vợ, trừ những người độc thân; ít có cha mẹ nào không lo lắng khi con đau; ít có công việc kinh doanh nào tránh được hết những cơn khủng hoảng; ít có nhà trí thức nào không trải qua những thời sắp thấy thất bại đến nơi. Những lúc đó mà có thể chú ý tới cái gì ngoài nỗi ưu tư của mình thì thật là cơ phúc vô cùng. Những lúc đó, tuy lo lắng mà không có cách nào giải quyết ngay được thì người này chơi cờ, người kia đọc tiểu thuyết trinh thám, người thứ ba mài miết đọc các sách phê thông về thiên văn, người thứ tư tìm tài liệu về các vụ phát quật cổ tích để tư an ủi. Những người đó khôn, còn người nào không rán quên những nỗi lo lắng của mình đi để tư chú được, là dai dột vì sẽ không còn đủ sức chống lại với kẻ thù khi phút quyết định tới. Khi gặp những tai họa không gì cứu vãn được như người mình cực yêu quý từ trần, thì cũng vậy.

trầm uất trong cảnh sầu khổ không có lợi gì cả. Nỗi đau lòng đã không tránh được, đã tiên liệu nó rồi, nhưng phải làm tất cả cái gì có thể làm được để giảm nó đi. Có vài ke rần nuốt cho hết cái khổ nào trong một điều bất hạnh, như vậy chỉ là mắc tạt cảm thương. Tôi không phủ nhận rằng một người có thể nát lòng vì rầu rĩ, nhưng tôi tin chắc rằng ai cũng phải gắng hết sức tránh cảnh đó, và phải tìm một sự tiêu khiển, dù tầm thường, miễn là đừng có hại, đừng ô nhục. Trong số những cách tiêu sầu làm hạ phẩm giá con người, tôi kể sự uống rượu và sự dùng các chất ma túy vì chúng diệt óc suy tư của ta, ít nhất là trong một thời gian... Một cách tốt là hướng sự suy tư của ta vào một hướng khác, hoặc dẫn nó ra xa cái hiện tại đau đớn. Cách đó khó làm được nếu đời ta từ trước tập trung vào một số rất ít hứng thú mà những hứng thú đó bây giờ bị chìm trong sự đau khổ. Khi cảnh đau khổ tới, muốn can đảm chịu được nó thì trong những lúc sung sướng hơn phải chuyên tâm vào những hứng thú rộng lớn hơn để tinh thần có sẵn một chỗ bình tĩnh cho nỗi đau khổ, một chỗ nó gợi cho ta những ý nghĩ khác, cảm xúc khác với những ý nghĩ, cảm xúc đương làm cho ta khó chịu nỗi cảnh hiện tại.

Người có đủ sinh lực sẽ thắng được mọi sự bất hạnh, nhờ sau mỗi lần, lại có một hứng thú khác xuất hiện như vậy mất một cái, không phải là mất hết. Mới

mất một cái hay nhiều cái mà đã bị số phận đẽ bẽp thì không nên khen là con người đa cảm, mà phải chê là con người thiếu sinh lực. Tất cả những người ta thương đều có thể từ trần lúc nào không biết. Vì vậy chúng ta không nên cho đời tập trung vào một khu thu hẹp nào đó, khiến cho chỉ một biến cố xảy ra là đời ta mất cả ý nghĩa cùng mục đích.

Do đó, một người sáng suốt đi tìm hạnh phúc phải rán có được vài hứng thú phụ thuộc, thêm vào những hứng thú chính làm nền tảng cho đời mình.

16

GẮNG SỨC VÀ AN PHẬN

Thuyết trung dung không cao đẹp gì mấy và tôi nhớ hỏi trẻ tôi khinh bỉ liệng nó đi, vì tuổi đó, tôi ngưỡng mộ những hành vi anh cũng cực đoan kia. Nhưng chân lí không phải luôn luôn cao đẹp, và người ta tin nhiều cái chỉ vì chúng cao đẹp chứ sự thực chẳng có gì là hiển nhiên cả. Thuyết trung dung là một trường hợp đặc biệt : nó có thể không cao đẹp mấy nhưng về nhiều điểm, nó được nhiều sự kiện chứng thực là đúng.

Cần theo thuyết trung dung để sự gắng sức và sự an phận quân bình với nhau. Hai thuyết này có người nhiệt liệt bên vực. Thuyết an phận được các vị thánh và các người theo chủ nghĩa thần bí đem ra khuyên bảo ; thuyết gắng sức được các nhà chuyên môn về năng suất các tín

đỏ Kì Tô vai u thịt bắp hung hăng bênh vực. Hai phe đối địch nhau đó đều thấy một phần sự thực chứ không phải toàn thể sự thực. Trong chương này tôi răn cần nhắc hai thuyết. Trước hết là thuyết gắng sức.

Trừ vài trường hợp rất hiếm, hạnh phúc không phải là một trái cây rụng vào miệng mình, nhờ nhiều hoàn cảnh thuận tiện xảy tới ; cho nên tôi lựa nhan đề cho cuốn này là *Chinh phục hạnh phúc*. Vì trong một thế giới có rất nhiều cái bất hạnh hoặc tránh được hoặc không tránh được này : nào đau ốm, tan nát nội lòng, nào tranh đấu, ác ý... người đàn ông hay đàn bà nào muốn sung sướng cũng phải tìm được những cách chống lại với vô số nguyên nhân gây những bất hạnh đó. Trong vài trường hợp rất hiếm, không cần gắng sức lắm cũng có được hạnh phúc. Một người đàn ông bần tính dễ dãi, được hưởng một gia tài lớn, một sức mạnh dồi dào, lại có những thị hiếu giản dị thì có thể lên lời một cách thoải mái trong đời và lấy làm ngạc nhiên thiên hạ sao mà oán đời thế.

Một người đàn bà đẹp bầm sinh ơ hờ, vô tư, cười được một ông chồng giàu có, dễ tính, không đòi hỏi gì nhiều ở vợ, mà có chồng rồi, bà ta cũng không sợ mập lên thì có thể sống một cuộc đời an lạc bình yên được, miễn là may mắn có những đứa con ngoan. Nhưng những trường hợp đó rất hiếm. Đa số là những người không

giàu có, không bần sinh ra dễ dãi, hiền lành, nhiều người cố những đam mê kích động, không sao chịu nổi một đời sống phảng lảng, đều đều ; sức khỏe là một cái phước không ai chắc chắn giữ hoài được, mà hôn nhân không luôn luôn là một nguồn hạnh phúc. Vì tất cả những lẽ đó mà hầu hết mọi người phải tự tạo lấy hạnh phúc chứ không mong được trời cho, mà trong công việc tự tạo hạnh phúc đó, sự gắng sức ở ngoài và ở trong có một chức vụ lớn. Sự gắng sức ở trong (tức gắng sức nội tâm để tự chủ) có thể là gắng sức an phận khi không sao tránh được ; dưới đây tôi sẽ xét sự gắng sức ở ngoài đã (tức sự gắng sức đối phó với ngoại vật).

Đối với người dân ong hay dân bả nào phải làm việc để sống, sự gắng sức ở ngoài là điều hiển nhiên, không cần phải nhắc mạnh. Người *pha-kia*¹ Ấn Độ chia cái bình bát ra nhận vật cúng dường của tín đồ mà có thể sống một cách giàu dị, chẳng khổ nhọc gì cả, nhưng tại Âu châu, người ta không ưa cái lối kiếm tiền đó. Lại thêm khí hậu Âu châu làm cho lối sống của các *pha-kia* (cỡi trần ở giữa trời) không dễ chịu bằng ở cái xứ nóng và ráo ; ít ra là mùa đông, ít có người Âu nào lại làm biếng tới nỗi ham ngồi không ở ngoài đường hơn là làm

¹ Fakir : một hạng tu sĩ hành khất, không phải là hạng khất sĩ của Phật giáo tiêu thông ; họ theo đạo Bà La Môn hoặc đạo Hồi.

việc trong những phòng sưởi ấm. Vì vậy chỉ an phận thôi thì khó đạt được hạnh phúc.

Ở phương Tây, đa số không phải chỉ muốn có một số lương mà thôi, mà còn muốn thành công nữa. Trong vài hoạt động, như nghiên cứu khoa học chẳng hạn, có thể lương không cao lắm mà thành công ; nhưng trong đa số các hoạt động người ta đo mức thành công theo số lương. Ở đây chúng ta bước vào một khu vực mà trong nhiều trường hợp nên có tinh thần an phận vì trong một xã hội tranh đấu nhau kịch liệt, chỉ một thiểu số là thành công lớn được thôi.

Trong hôn nhân, tùy hoàn cảnh, có khi phải gắng sức, có khi không. Khi một giới ít hơn giới kia, chẳng hạn ở Anh nam giới ít hơn nữ giới, ở Úc nữ giới ít hơn nam giới, thì xét chung, những người trong giới thiểu số không phải gắng sức nhiều cũng có được một cuộc hôn nhân vừa ý, còn những người trong giới kia, trái hẳn lại. Cứ đọc kỹ mục "Tìm bạn" trên các báo phụ nữ, sẽ thấy phụ nữ gắng sức ra sao và có những ý nghĩ ra sao về hôn nhân khi có cái nạn gái nhiều trai ít. Bọn đàn ông nếu gặp cảnh gái ít trai nhiều thì phần nhiều dùng những phương pháp hiệu quả mau chóng hơn, như trô tài dùng súng lục. Điều đó tự nhiên vì khi văn minh đã suy đồi, luôn luôn nam giới nhiều hơn nữ giới. Nếu một bệnh dịch hạch phát ở Anh và cứ nhè đàn ông mà hoành hành

khuyến gái nhiều trai ít, thì tôi không hiểu bọn nam nhi Anh sẽ hành động ra sao, chắc họ phải trở lại theo tục lệ bọn “anh hùng” thời xưa mất.

Trong sự giáo dục con cái cho đảng hoàng, cha mẹ phải gắng sức nhiều, điều đó hiển nhiên quá, chắc ai cũng công nhận. Nhưng xứ còn tin ở sự an phận, tin cái người ta gọi bây là một quan niệm “tâm linh” về đời sống, là những xứ mà tư suất của con nít rất cao. Phải có tinh thần bình phàm không bay bổng lên cõi tâm linh, phải áp dụng nghị lực và trí tuệ vào những hoàn cảnh vật chất, mới làm những công việc y tế, vệ sinh, phòng vi trùng được. Những kẻ cho rằng vật chất chỉ là hư ảo thì cũng nghĩ rằng sự dơ dáy là một ảo ảnh, vì vậy mà trẻ con mới chết nhiều.

Xét một cách tổng quát hơn, chúng ta có thể nói rằng người nào bình thường, thị dục tự nhiên không bị thui chột đi, cũng coi một thứ quyền năng nào đó là một mục đích phổ thông, chính đáng. Thứ quyền năng đó tùy những thị dục chủ yếu của mỗi người : kẻ này muốn thống trị, kẻ kia muốn chỉ huy tư tưởng, kẻ thứ ba muốn chỉ huy cảm xúc của người khác. Người này lấy sự thay đổi hoàn cảnh vật chất làm mục tiêu, người kia muốn có quyền năng về tinh thần. Người nào làm việc công cũng có ý muốn chế ngự cả, trừ trường hợp muốn làm giàu bằng cách tham nhũng. Người nào hoàn toàn vị tha, thấy

người khác đau khổ mà cũng thực tâm đau khổ, muốn cứu tế họ, cũng là muốn có một thứ quyền năng nữa, quyền năng diệt khổ. Chỉ có mỗi một hạng người hoàn toàn lãnh đạm với quyền năng là hạng người hoàn toàn lãnh đạm với đồng loại. Vậy ta phải nhận rằng người nào muốn cải tạo xã hội cho lành mạnh cũng ham một thứ quyền năng nào đó. Mà hễ còn muốn có quyền năng thì tất nhiên phải gắng sức. Theo tinh thần phương Tây, lời kết luận đó có vẻ như sáo nhưng ở châu Âu cũng có nhiều người đi “ve vãn” cái họ gọi là sự “minh triết của phương Đông” vào lúc phương Đông dương tử bỏ cái minh triết của họ¹. Điều tôi mới nói đó có thể còn phải xét lại, nếu qua vậy thì ghi lại đây cũng không phải là vô ích.

Tuy nhiên, sự an phận cũng có một chức vụ quan trọng trong việc chinh phục hạnh phúc mà chức vụ đó không kém chức vụ của sự gắng sức. Một người minh triết không an phận khi gặp một bất hạnh có thể dự phòng được, nhưng không phú thì giờ và cảm xúc² của mình vào những bất hạnh không thể tránh được, mà khi gặp một bất hạnh có thể tránh được nhưng sẽ phải tốn

¹ Sách viết năm 1930 ; ngày nay đã hơi khác. Sau thế chiến vừa rồi, nhất là từ khi thấy rõ chính sách tàn bạo, vị kỷ của các cường quốc, các sự xáo trộn trong xã hội Âu Mỹ, phương Đông đã có thái độ khác đối với văn minh phương Tây.

² Như bức tức, lo lắng.

thi giờ, sức lực quá thì cũng nhận đi để rảnh tâm đeo đuổi một thực hiện quan trọng hơn. Nhiều người mới gặp một công việc nhỏ nhặt bất như ý nào cũng bức tức, hoặc nổi quau lên, như vậy là phí nhiều sinh lực có thể dùng vào một việc khác có ích hơn. Ngay khi đeo đuổi một thực hiện quan trọng, cũng không nên lo lắng quá tới nỗi lúc nào cũng mất bình tĩnh, chỉ sợ thất bại. Đạo Ki Tô khuyên tín đồ thuận theo ý của Chúa, nhưng ngay những người không chấp nhận cái thuyết rỗng tuếch đó cũng tin một cái gì tương tự vậy trong khi hành động. Không phải cứ cảm xúc nhiều mà thành công lớn trong một công việc thực tế đâu ; đôi khi xúc động còn ngăn cản sự thành công là khác. Vậy chúng ta nên có thái độ này : làm hết sức mình rồi, phó mặc cho số phận.

Sự an phận có hai hình thức : một hình thức bắt nguồn ở sự thất vọng ; một hình thức bắt nguồn ở một hi vọng không gì thắng nổi. Hình thức thứ nhất tai hại, hình thức thứ nhì thì không. Người nào đã một lần thất bại lớn tới nỗi từ bỏ mọi hi vọng thành công rồi thì có thể an phận theo hình thức thứ nhất, trong trường hợp đó, sẽ không còn gắng sức hoạt động gì nữa. Người đó có thể dùng những châm ngôn tôn giáo hoặc cái đạo "sống là tọa thiền" để cho sự thất vọng của mình có một vẻ cao cả ; nhưng dù che đậy sự thất bại nội tâm của mình cách nào, người đó cũng hoàn toàn vô dụng và cực kì khổ sở.

Người an phận vì có một hi vọng không gì thắng nổi sẽ hành động khác hẳn. Một niềm hi vọng phải rộng lớn, vị tha mới không có gì thắng nổi được. Tôi muốn làm gì cho tôi thì làm, vẫn có thể phải chịu thua thân chết hoặc bệnh tật; có thể bị kẻ thù đánh bại; có thể nhận thấy rằng tôi đã mạo hiểm bước vào một con đường gian nan không thể nào đưa tới thành công được. Bằng cách này hay cách khác, những hi vọng hoàn toàn riêng tư có thể không tránh được sự thất bại, nhưng nếu những dự tính riêng tư đó là một thành phần của một hi vọng lớn hơn liên quan tới toàn thể nhân loại thì thất bại cá nhân không phải là sự thất bại tuyệt đối. Một nhà bác học muốn tự mình tìm ra được những phát minh lớn lao có thể không thành công đây, hoặc có thể phải từ bỏ công việc vì một tai nạn tình linh xảy tới, nhưng người đó không phải chỉ muốn mình cống hiến được cái gì cho khoa học mà còn muốn khoa học tiến bộ kia, cho nên có thất bại thì nỗi thất vọng cũng khác nỗi thất vọng của những người nghiên cứu vì những động cơ hoàn toàn vị kỉ. Chiến tranh có thể làm cho những gắng sức của một người hi sinh cho một công cuộc cải cách quan trọng vào bực nhất hóa ra thứ yếu, kém quan trọng đi, và có thể người đó phải nhận rằng công cuộc cải cách của mình đeo

đuổi bấy lâu nay sẽ không sao thực hiện được trong đời mình¹; nhưng không phải vì vậy mà người đó phải tuyệt vọng, nếu người đó quan tâm tới vận mạng của nhân loại mà không nghĩ tới cái công lao của mình trong công việc đó.

Những trường hợp chúng ta mới xét đó là những trường hợp khó an phận nhất; nhưng còn nhiều trường hợp khác dễ an phận hơn, như khi những kế hoạch thứ yếu của ta thất bại mà những mục tiêu tối hậu của đời ta vẫn tiếp tục có hi vọng đạt được. Chẳng hạn một người làm một việc quan trọng, rồi vì có chuyện buồn trong đời hôn nhân mà bỏ dở công việc, là thiếu tinh thần an phận, nếu công việc đó thực say mê, người đó phải coi những khó khăn nhất thời đó như một ngày mưa, phiền muộn một chút vậy thôi, chứ coi là một thảm kịch thì thật là đại dốt.

Có những người không kiên nhẫn chịu được những nỗi bức mình nho nhỏ mà ta thường gặp trong đời. Lỡ một chuyến xe, họ cũng nổi quạu; một bữa ăn nấu vụng cũng làm cho họ diên lên; ống khói hư, họ rầu rĩ thất vọng, quần áo đưa nhuộm lại tới hạn chưa xong, họ mặt sất tất cả chế độ kĩ nghệ. Sinh lực họ làm mất vào

¹ Như trường hợp tác giả tranh đấu cho tự do và hòa bình.

những cái bực bới vô nghĩa đó, giá khéo dùng thì có thể dựng hoặc phá cả một đế quốc. Người minh triết không để ý tới lớp bụi mà chị ở không chùi, tới món khoai chị bếp nấu không chín, và đến nỏ hống mà người cạo ống khói quên không quét. Tôi không bao rằng người đó không dùng những biện pháp để những cái sơ suất đó khôi tái hiện, nếu có đủ thì giờ ; tôi chỉ báo rằng người đó không nổi quau lên vì vậy. Sự rầu rĩ, bực mình, quau quọ không ích lợi gì cả. Vì không tự chủ được nên mới có những cảm xúc đó, và tôi tin chắc rằng phải có tinh thần an phận mới thắng được chúng. Sự tập trung tinh thần vào những dự định lớn lao và vị tha như trên tôi đã nói, giúp ta chịu được một sự thất bại cá nhân, hoặc những rầu rĩ vì một cuộc hôn nhân bất hạnh, cũng giúp ta thân nhiên được khi lỡ một chuyến xe hoặc đánh rớt chiếc dù xuống bùn.

Cởi được nỗi ưu tư quau quọ rồi, ta sẽ thấy đời vui vẻ hơn lên nhiều. Những thói kỷ cực của bạn bè trước kia làm cho ta gấn phải la lên thì bây giờ ta thấy ngộ nghĩnh. Khi một ông bạn kể tới lần thứ ba trăm bốn mươi bảy một giai thoại về một cố đạo nào đó thì ta vui vẻ ghi lần đó là lần thứ mấy chứ không rần cướp lời mà kể một giai thoại mình được biết. Buổi sáng, đúng lúc phải háp tập đi cho kịp chuyến xe thì giầy đứt, ta văng tục một câu rồi tự nhủ rằng cái đó quan hệ quái gì tới

lịch sử vũ trụ đầu. Ông ban hàng xóm qua quấy rầy đúng vào lúc mình sắp ngó lời cầu hôn một thiếu nữ, ta sẽ tự như rằng nhân loại vẫn phải chịu thứ tai nạn đó, có thoát được chăng là ông Adam mà ông cũng có những nỗi bực mình riêng của ông (...). Tôi cho rằng người vẫn mình nào cũng tự tạo cho mình một hình ảnh và thấy bực mình khi một cái gì xảy ra làm cho hình ảnh đó hóa xấu. Phương thuốc hay nhất là đừng lựa một hình ảnh duy nhất mà lựa cả một loạt hình ảnh rồi tùy hoàn cảnh dùng một hình ảnh nào thích hợp. Nếu có vài hình ảnh tức cười thì càng tốt ; không nên suốt ngày lúc nào cũng thấy mình có những nét mặt một nhân vật trong một bi kịch. Tôi không bảo rằng lúc nào cũng nên như thằng hề, như vậy còn làm cho người khác bực mình hơn nữa ; phải tế nhị một chút mới lựa một vai trò hợp với hoàn cảnh được. Dĩ nhiên nếu tự quên được mình mà đứng đóng một vai trò nào hết thì đáng phục lắm. Nhưng nếu đã quen đóng một vai trò rồi, tới nỗi cái đó đã gần thành bản tính thứ nhì, thì ta nên có sẵn một loạt vai trò, cho khỏi đơn điệu, buồn tẻ.

Nhiều người hoạt động tưởng rằng hơi an phận một chút, hơi hải hước một chút là làm cho sinh lực tiêu tan, tinh thần quyết định sẽ suy giảm mà không thành công được. Theo tôi, họ lầm. Ngay những người nhận định được đúng sự quan trọng hoặc sự khó khăn của một công

việc, cũng làm được nó nếu thấy nó đáng làm. Còn những kẻ phải nhờ một ảo tưởng nào nâng đỡ mới làm được công việc của mình thì nên tập chịu đựng sự thực đi đã rồi hãy tiếp tục công việc vì sớm muộn gì cái thói phải dựa vào ảo tưởng đó cũng sẽ làm cho công việc của ta hóa ra có hại. Thà đừng làm gì cả còn hơn là làm bậy. Trên đời này, một nửa số các công việc hữu ích là để chống lại với những việc tai hại. Bỏ ra một thời gian nhỏ để tập nhận định đúng các sự kiện, không phải là phí phạm thì giờ, mà công việc làm sau đó sẽ có nhiều phần chắc không tai hại bằng công việc của những kẻ cần phải tự "bơm" mình hoài để kích thích sinh lực của mình. Muốn có nghị lực đương đầu với sự thực trong bản thân mình thì cần có một chút tinh thần an phận ; sự an phận đó mặc dầu mới đầu có thể làm cho ta buồn dấy, nhưng rốt cuộc sẽ che chở cho ta - thực ra không có cách che chở nào khác - khỏi bị những nỗi thất vọng, tình mộng của hạng người tự dối mình. Không có gì mệt bằng, riết rồi bực mình bằng ngày nào cũng phải gắng sức tin những điều cứ càng ngày càng thấy ít đáng tin. Trút bỏ được sự gắng sức đó là điều kiện cốt yếu để được một hạnh phúc bền bỉ, lâu dài.

17**NGƯỜI SUNG SƯỚNG**

Hiển nhiên là hạnh phúc tùy thuộc một phần ở ngoại giới, một phần ở bản thân ta. Trong cuốn này chúng ta chỉ xét phần hạnh phúc tùy thuộc ở bản thân ta và chúng ta đã thấy rằng qui tắc để chinh phục hạnh phúc rất giản dị. Nhiều người (trong số đó phải kể ông Krutch mà chúng ta đã nhắc tới ở chương II) cho rằng không có một tín ngưỡng có tính cách tôn giáo ít nhiều thì không thể thấy hạnh phúc được. Nhiều người đau khổ cho những đau khổ của họ có một nguồn gốc phức tạp rất đối "tinh thần". Tôi nghĩ cái đó không phải nguyên nhân đích thực mà chỉ là triệu chứng của đau khổ, cũng như của hạnh phúc. Con người đau khổ thường có tin tưởng bi quan, còn con người sung sướng thường có tin tưởng lạc

quan, phía nào cũng có hạnh phúc hoặc đau khổ của mình là tại tin tưởng của mình cả ; trái lại mới đúng (vì mình sung sướng hay đau khổ nên mình mới lạc quan hay bi quan).

Có vài điều kiện cần thiết cho hạnh phúc của đa số con người, nhưng những điều kiện đó rất gian dị : thức ăn, chỗ ở, sức khỏe, ái tình, thành công trong công việc, được người chung quanh kính trọng. Đối với một số người, có con cũng là điều cần thiết nữa. Thiếu những điều kiện đó, chỉ hạng người siêu quần mới thực hiện được hạnh phúc ; nếu có đủ những điều kiện đó rồi, mà vẫn thấy mình khổ thì là tại tâm lý không được quán bình : trong trường hợp nặng phải nhờ một nhà phân tâm trị cho, nhưng thường thường có thể trị lấy được, miễn là biết cách. Khi hoàn cảnh bên ngoài không hiển nhiên là bất lợi, thì ta phải thực hiện nỗi hạnh phúc của ta, nếu các thị dục cũng hứng thú của ta hướng về ngoại giới chứ không tập trung hết vào bản thân ta. Vậy trong sự giáo dục cũng như trong sự gắng sức thích ứng với đời, ta phải tránh những thị dục hướng nội, vị kỉ mà tập có những tình yêu, những hứng thú nào ngăn cản trí óc ta suy nghĩ hoài về bản thân. Bản tính của đại đa số là không thấy sung sướng khi bị nhốt khảm, mà không có cảnh bị nhốt nào khổ bằng cảnh bị những cảm xúc của ta bao vây ta, không cho ta thoát ra khỏi cái bản ngã của

ta. Trong số các cảm xúc, sự sợ sệt, ganh tị, mặc cảm tội lỗi, than thân trách phận là thói đam mê mà nhiều người mắc nhất. Hễ mắc phải thì thị dục của ta tập trung cả vào bản thân ta ; chúng ta không thực sự chú ý tới ngoại giới nữa mà chỉ lo ngại ngoại giới có thể làm thương tổn bản thân ta, không bổ sung bản thân ta nữa. Chính sự sợ sệt khiến cho ta không muốn chấp nhận sự thực mà chỉ đòi quần chiếc áo ao tương cho được ấm lòng. Nhưng gai góc ở đời xé toạc chiếc áo ấm đó ra, rồi những cơn gió thực tế lạnh buốt thổi vào và kẻ nào quen được ấp ủ rồi còn cực khổ hơn những người tập quen chịu đựng những cơn gió đó ngay từ lúc đầu. Hơn nữa, những kẻ tự dối mình, trong thâm tâm biết rằng mình tự dối mình, nên càng thêm lo ngại sợ sệt một biến cố bất như ý có thể xảy ra lúc nào không biết.

Một trong những tai hại lớn của cái thói vị kỉ, hướng về mình làm trung tâm, là nó làm cho đời sống buồn tẻ, ít thay đổi. Thực ra tự yêu mình không phải là một trạng thái hỗn loạn của tình yêu, không phải là một thứ tật, nhưng riết rồi đời sẽ buồn tẻ chịu không nổi vì chỉ yêu có mỗi một mình mình. Mặc cảm tội lỗi cũng là một hình thức đặc biệt của thói vị kỉ. Người có mặc cảm đó cho rằng trong cái vũ trụ mênh mông này không có điều gì quan trọng bằng mình phải có đạo đức, không mắc một

tội nào cả. Một số tôn giáo cổ truyền có cái tật lớn đã khuyến khích thói tự ái đặc biệt đó.

Người sung sướng là người sống một cách khách quan, có những tình thương tự do, những hứng thú đó mà có hạnh phúc và nhờ thương người nên được người thương lại mà hạnh phúc tăng lên.

Được hưởng tình thương là một nguyên nhân lớn của hạnh phúc, nhưng buộc người ta thương mình khác với nhận được tình thương. Xét chung người nhận được tình thương cũng là người cho tình thương. Nhưng đừng rán cho nó một cách tính toán như người cho vay lãi, như vậy vô ích vì một tình thương tính toán thì không thành thực, mà người được nhận cảm thấy liền.

Còn người đau khổ vì chỉ nghĩ tới mình thì phải làm gì bây giờ? Hễ người đó còn nghĩ tới những nguyên nhân đau khổ của mình thì vẫn còn bị giam trong cái bán ngũ mà không sao thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn đó được; muốn thoát khỏi thì phải có những hứng thú thành thực, chứ không phải nhờ hứng thú giả dờ chỉ cốt để trị tâm trạng của mình. Khó thật đấy nhưng nét biết rõ được bệnh của mình thì cũng có thể trị được. Chẳng hạn nếu bị mắc cảm tội lỗi, có thể bắt đầu bằng cách thuyết phục phần hữu thức của mình rằng chẳng có lí do gì để tự cho mình là có tội lỗi cả; rồi dùng thuật tôi đã chỉ ở đầu cuốn này: dồn sâu cái quyết tín hợp lí đó xuống phần vô

thức, và trong khoảng thời gian đó, làm một hoạt động vô thưởng vô phạt. Đuối được mặc cảm tội lỗi rồi những hứng thú thực khách quan¹ chắc sẽ phát sinh liền. Nếu mắc tật than thân trách phận quá thì cũng có thể dùng cách trên được sau khi tự thuyết phục mình rằng trường hợp của mình không có gì tuyệt vọng. Nếu có bệnh sợ sệt thì phải luyện tập cho có can đảm. Từ thời nào tới giờ người ta vẫn cho sự can đảm ở mặt trận là một đức trọng và một phần lớn giáo dục là để đào tạo những thanh niên thành một hạng người gan dạ trên chiến trường. Nhưng sự can đảm về tinh thần và trí tuệ rất ít được nghiên cứu, mặc dầu cũng có thuật luyện tập được. Mỗi ngày bạn tự thú ít nhất là một sự thực làm cho bạn khó chịu đi, bạn sẽ thấy lợi không kém qui tắc mỗi ngày làm một việc thiện của tổ chức hướng đạo. Bạn nên tập tin rằng dù mình không hơn gì bạn bè về đạo đức, trí tuệ - chắc chắn như vậy rồi - thì đời cũng vẫn đáng sống. Tập thường như vậy liên tiếp nhiều năm, bạn sẽ nhìn thẳng vào sự kiện được mà cởi bỏ được nỗi sợ trong nhiều khu vực. Khi đã thắng được thói hống nội, tự coi mình là trung tâm rồi, bạn để mặc cho bản tính của bạn hoặc hoàn cảnh bên ngoài đem lại những hứng thú khách quan cho bạn. Bạn đừng nói trước chẳng hạn : "Nếu mình

¹ Hiểu theo nghĩa : hứng thú lấy ngoại vật làm đối tượng.

thích sưu tập tem được thì sẽ sung sướng", rồi đi sưu tầm tem liền, vì có thể rằng bạn sẽ thấy công việc đó chẳng thú gì cả. Chỉ cái gì ta thực tâm thích mới có ích cho ta. Nhưng bạn nên tin chắc rằng khi không còn chỉ nghĩ về mình nữa thì tự nhiên các hứng thú khách quan xuất hiện liền.

Một đời sống sung sướng cũng đáng quý ngang với một đời sống tốt, có ích, chứ không kém. Các luận lí gia chuyên môn quá đề cao đức hi sinh, như vậy là nhấn mạnh vào cái không đáng nhấn mạnh. Biết rằng mình hi sinh, tức thị là quá chú ý tới mình rồi và nhớ hoài cái mình đã hi sinh ; do đó mà sự hi sinh nhiều khi không đạt được mục tiêu gần và cơ hồ luôn luôn không đạt được mục tiêu tối hậu. Đừng đòi hỏi một người nào phải hi sinh, chỉ bảo họ tìm những hứng thú ở ngoài họ thôi, như vậy tự nhiên họ sẽ làm đúng những việc họ làm khi họ hi sinh.

Tôi theo chủ nghĩa khoái lạc - nghĩa là coi hạnh phúc là điều Thiện - mà viết cuốn này, nhưng những hành vi tôi đã khuyên bạn, xét chung, cũng chính là hành vi một nhà đạo đức khuyên bạn. Tuy nhiên nhà đạo đức, thường (chứ không phải luôn luôn) có xu hướng nhấn mạnh vào hành vi hơn là vào tâm trạng. Hành vi của ta tác động tới ta ra sao, tùy tâm trạng, ta lúc đó. Thấy một em nhỏ sắp chết đuối, ta vội vàng chạy xuống cứu liền,

thì tâm hồn ta không nghèo nàn chút nào cả. Trái lại nếu ta tự nhủ : "Giúp người trong lúc khốn cùng là có đạo đức, mà mình muốn có đạo đức vậy phải cứu đũa nhỏ đó", thì tâm hồn ta còn xấu xa hơn trước nữa.

Còn một điểm khác nữa, tế nhị hơn một chút, giữa hai thái độ đối với đời sống ; thái độ tôi khuyên bạn và thái độ các luân lý giả truyền thống khuyên bạn. Hạng này bảo tình yêu phải bất vị lợi. Họ có lí một phần nào đó vì tình yêu không nên quá vị kỉ, nhưng hiển nhiên là nó phải làm sao cho hạnh phúc của ta đi đôi với sự thành công của ta. Một người đàn ông cầu hôn với một người đàn bà mà bảo rằng mình hằng hái muốn tạo hạnh phúc cho người đó, và coi người đó là một cơ hội lí tưởng để mình thực hành đức hi sinh thì tôi chắc rằng người đàn bà không mấy ham sự cầu hôn đó. Dĩ nhiên chúng ta phải mong rằng người mà ta yêu được sung sướng, nhưng không nên nghĩ rằng hạnh phúc của người đó nhất định không thích hợp với hạnh phúc của ta. Thực ra, sự tương phản giữa ta và vạn vật ngầm chứa trong thuyết hi sinh sẽ không còn nữa ngay khi ta thực tâm chú ý tới vạn vật. Nhờ chú ý tới vạn vật ta mới cảm thấy mình là một phần tử của dòng sinh hoạt, chứ không phải là một thực thể cô đơn, cứng ngắc, như viên bi-da, chỉ đụng vào các viên bi-da khác rồi dội lại, chứ chẳng có liên quan gì với nhau cả. Sự thiếu hạnh phúc nào cũng do một sự rã rời

hoặc một sự thiếu hợp nhất ; rõ ràng là do phần hữu thức và phần vô thức của ta không phối hợp với nhau ; mà thiếu hợp nhất là do ta với xã hội không liên kết với nhau bằng những hứng thú và tình thương khách quan. Người sung sướng là người không bị những cái đó, nghĩa là bản ngã không chia làm hai phần (hữu thức và vô thức) chống nhau, mà cũng không xung đột với thế giới. Một người như vậy tự cho mình là công dân của vũ trụ, hoàn toàn tự do hưởng cảnh tượng vũ trụ, hưởng những cái vui vũ trụ tặng cho mình, mà không bị cái chết làm cho lo sợ, vì cảm thấy rằng mình đâu có thực sự cách biệt với những người tới sau mình. Trong sự hợp nhất sâu sắc và tự nhiên đó với dòng sinh hoạt, chúng ta sẽ thấy được những niềm vui sâu sắc nhất.

Mục lục

Tựa của người dịch	5
Tựa của tác giả	13
PHẦN THỨ NHẤT	
NGUYÊN NHÂN CỦA ĐAU KHỔ	
1 - Cái gì làm cho ta đau khổ ?	18
2 - Bệnh của Byron	29
3 - Óc ganh đua	45
4 - Sự phiền muộn	59
5 - Sự mệt nhọc	71
6 - Lòng ganh tị	85
7 - Cảm giác tội lỗi	97
8 - Thái tư cho mình ta bị ngược đãi	109
9 - Sự dư luận	123
PHẦN THỨ NHÌ	
NGUYÊN NHÂN CỦA HẠNH PHÚC	
10 - Có thể còn hạnh phúc được không ?	139
11 - Vui sống	155
12 - Tình thân ái	173
13 - Gia đình	183

14 - Làm việc	201
15 - Thú tiêu khiển	213
16 - Gắng sức và an phận	225
17 - Người sung sướng	237
Mục lục	245

CHINH PHỤC HẠNH PHÚC

Bertrand Russell

(Nguyễn Hiến Lê dịch)

Chịu trách nhiệm xuất bản	:	<i>Quang Huy</i>
Biên tập	:	<i>Ngọc Bách</i>
Trình bày, bìa	:	<i>Nguyễn Thống</i>
Sửa bản in	:	<i>Nguyễn Thống</i>

In 1000 cuốn tại Xí nghiệp in Thủ Đức, đường Bà Huyện Thanh Quan TP.HCM theo giấy đăng kí kế hoạch xuất bản số 25/CXB của Cục xuất bản ngày 24-4-1995. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-1995.

Chinh phục hạnh phúc

Nguyên tác : *The conquest of Happiness*

Người dịch : *Nguyễn Hiến Lê*

Tác quyền bản tiếng Việt về Nguyễn Hiến Lê

